

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

DANH SÁCH

THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025 (ĐỢT 1)

Thời gian nhập học đợt 1: từ 8h00 ngày 26/7/2025. Nhà trường vẫn đang nhận nhập học cho thí sinh chưa đến nhập học từ ngày 28/7 đến 23/8/2025

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển nhưng không nhận được giấy báo trúng tuyển VẪN đến nhập học bình thường hoặc liên hệ 0888.811.980 để được cấp lại giấy báo trúng tuyển

Hiện nay nhà trường vẫn đang tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển học bạ trực tuyến và trực tiếp (đợt 2)

Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Thí sinh chọn 2 trong 6 môn sau						Tổng điểm 2 môn XT	Điểm ưu tiên		Điểm XT
					Toán	Văn	Ngoại ngữ	Sinh học	Hóa học	Vật lý		KV	ĐT	
D.DUC001	LÊ NGỌC MINH	Nữ	03/07/2006	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI				9		8.7	17.7	0	0	17.7
D.DUC002	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	21/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI			8.9			8.3	17.2	0.25	0	17.45
D.DUC003	ĐỖ THỊ THANH TÂM	Nữ	17/07/2007	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI	8					7.9	15.9	0.25	0	16.15
D.DUC004	QUÀNG PHẠM BÌNH AN	Nữ	03/06/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		8.5		8.4			16.9	0.75	0	17.65
D.DUC005	HOÀNG MINH THẢO	Nữ	19/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9	8.6		17.6	0.25	0	17.85
D.DUC006	PHAN THU THẢO	Nữ	17/12/2007	HUYỆN HẠ HÒA, PHÚ THỌ		6.9	6.7				13.6	0.75	0	14.35
D.DUC007	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	24/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.3				9.4		18.7	0.25	0	18.95
D001	CHU THỊ HƯỜNG	Nữ	06/07/2005	HUYỆN TAM ĐẢO, VĨNH PHÚC		8.1			8.1		16.2	0.75	0	16.95
D002	PHAN CẨM LY	Nữ	26/04/2006	HUYỆN SÔNG LÔ, VĨNH PHÚC		8.3	7.6				15.9	0.5	0	16.4

D003	TẠ VIỆT HIẾU	Nam	04/12/2004	HUYỆN KIM BẢNG, HÀ NAM				8.6	8.4		17	0.5	0	17.5
D004	HOÀNG VĂN HOÀ	Nam	01/10/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI					9.4	9.2	18.6	0.25	0	18.85
D006	NGUYỄN THÀNH VĂN	Nam	25/03/2006	THÀNH PHỐ LAI CHÂU, LAI CHÂU				8.2		9.2	17.4	0.75	0	18.15
D007	ĐẶNG MINH HIẾU	Nam	30/06/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6		8.8				17.4	0	0	17.4
D008	KIỀU THU HẰNG	Nữ	12/10/1999	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	7.8				8.1		15.9	0.25	0	16.15
D010	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	17/07/2003	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		8.3				8.5	16.8	0.25	0	17.05
D011	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Nữ	24/07/2007	HUYỆN YÊN THỦY, HÒA BÌNH	6.9	7.5					14.4	0.75	0	15.15
D012	TÔ THỊ YẾN	Nữ	31/10/2003	HUYỆN VĂN CHẤN, YÊN BÁI					7.5	7.4	14.9	0.75	0	15.65
D013	ĐINH THỊ QUÝ	Nữ	20/10/2006	HUYỆN TAM ĐƯỜNG, LAI CHÂU				8.6	8.5		17.1	0.75	0	17.85
D014	HOÀNG THỊ TRINH	Nữ	21/05/2006	HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI	8			9.2			17.2	0.75	0	17.95
D015	NGUYỄN ANH TÀI	Nam	03/08/1987	THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, BÀ RỊA - VŨNG TÀU			6.1	5.5			11.6	0.25	0	11.85
D017	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	Nữ	10/10/2006	HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	8.8			8.9			17.7	0.25	0	17.95
D018	BÙI THỊ HUYỀN	Nữ	02/01/2005	HUYỆN MAI CHÂU, HÒA BÌNH				7.6		7.7	15.3	0.75	0	16.05
D020	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	Nữ	15/11/2005	HUYỆN KRÔNG PA, GIA LAI	8.9		8.6				17.5	0.75	0	18.25
D021	DOÃN KHÁNH LINH	Nữ	05/01/2004	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	7.3	8.2					15.5	0.75	0	16.25
D022	PHẠM THUỖ TRANG	Nữ	29/10/2005	HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI				6.6		6.7	13.3	0.75	0	14.05
D023	NGUYỄN THỊ THẢO UYÊN	Nữ	24/04/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	5	7					12	0	0	12
D024	TẠ HÀ PHƯƠNG	Nữ	09/06/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.3				8.6		16.9	0	0	16.9
D025	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	26/03/2005	QUẬN NGÔ QUYỀN, HẢI PHÒNG					7	8.2	15.2	0	0	15.2

D027	NGUYỄN THỊ HUYỀN MY	Nữ	26/02/2006	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	7.3	7.9					15.2	0.5	0	15.7
D028	TRẦN VĂN DƯƠNG	Nam	17/02/2006	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1				9.4		18.5	0.25	0	18.75
D029	ĐỖ THỊ HẰNG	Nữ	22/01/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.4	7.2					14.6	0.25	0	14.85
D030	TRỊNH THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	19/10/2005	HUYỆN MỀ LINH, HÀ NỘI				8.7		9.1	17.8	0.25	0	18.05
D031	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	Nữ	24/08/2007	HUYỆN BÌNH XUYỀN, VĨNH PHÚC				8.1		7.9	16	0.25	0	16.25
D032	VŨ TIẾN MINH	Nam	20/06/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		7.3		7.3			14.6	0	0	14.6
D033	TÔ THỊ THẢO	Nữ	07/04/2005	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8				9	17	0.25	0	17.25
D034	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	28/09/2006	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI			8.7		8.3		17	0	0	17
D035	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	20/02/2006	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.2		9			17.2	0	0	17.2
D036	ĐẶNG KIỀU LINH	Nữ	03/09/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI		8.1		8.3			16.4	0.25	0	16.65
D037	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	12/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.6	8.8					17.4	0.25	0	17.65
D038	ĐẶNG TRÀ GIANG	Nữ	15/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.4	8.8					17.2	0.25	0	17.45
D039	PHẠM THANH THẢO	Nữ	28/08/2001	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.6		8			16.6	0.25	0	16.85
D040	NGUYỄN THỊ LAN CHINH	Nữ	16/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				9	8.9		17.9	0.25	0	18.15
D041	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	30/03/2006	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH		8.7		7.7			16.4	0.5	0	16.9
D043	HOÀNG KIM ANH	Nữ	05/07/2004	THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, KIÊN GIANG	8				7.8		15.8	0	0	15.8
D044	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	18/05/2004	HUYỆN YÊN LẬP, PHÚ THỌ	8.4				8.8		17.2	0.75	0	17.95
D045	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	02/07/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI		8.3			8.2		16.5	0.25	0	16.75
D046	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	01/01/2004	HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH				7.5		8.4	15.9	0.5	0	16.4

D047	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	07/05/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI				8.6		9.4	18	0	0	18
D048	NGUYỄN THỊ MY	Nữ	07/03/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9			9.1			18.1	0.75	0	18.85
D049	LƯU NGỌC NGUYỄN ANH	Nữ	21/07/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI				8.3	7.7		16	0.25	0	16.25
D050	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	23/04/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.4				9.6		19	0.25	0	19.25
D051	ĐOÀN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	23/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8	8					16	0	0	16
D052	ĐINH THỊ THANH	Nữ	11/12/2006	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.2	8.2					16.4	0.25	0	16.65
D053	ĐOÀN THỊ HẢI ANH	Nữ	09/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				9.2	8.9		18.1	0.25	0	18.35
D054	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	03/02/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				8.8	8.9		17.7	0.25	0	17.95
D055	NGUYỄN THỊ KIỀU TRÂM	Nữ	08/03/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.4		9.3				17.7	0.25	0	17.95
D056	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	25/07/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3			8.4			16.7	0.25	0	16.95
D057	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	03/07/2007	HUYỆN MAI CHÂU, HÒA BÌNH		7.5	8.1				15.6	0.75	0	16.35
D058	LÊ HẠNH QUYÊN	Nữ	16/04/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8	8.7					16.7	0.25	0	16.95
D059	HÀ NGỌC MAI	Nữ	10/12/2007	HUYỆN MAI CHÂU, HÒA BÌNH		7.7				8.3	16	0.75	0	16.75
D060	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	01/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.6		8.7	17.3	0	0	17.3
D061	NINH THỊ YẾN NHI	Nữ	05/02/2007	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI	8	8.2					16.2	0.25	0	16.45
D062	PHẠM NGỌC CHÂM	Nữ	22/05/2006	HUYỆN BÌNH LỤC, HÀ NAM	7.1	8.1					15.2	0.5	0	15.7
D063	BÙI THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	30/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.7	8.9					17.6	0	0	17.6
D064	LÝ BẢO NGÂN	Nữ	13/10/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.1		9				17.1	0.25	0	17.35
D065	ĐỖ THỊ HÀ	Nữ	11/03/2007	HUYỆN ÂN THI, HƯNG YÊN	9.1					9.1	18.2	0.5	0	18.7

D066	VŨ LÊ NHẬT MINH	Nam	04/06/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI	9.1			9.9			19	0	0	19
D067	VŨ THU DIỆU	Nữ	16/05/2007	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH		6.9		7.1			14	0.25	0	14.25
D069	LƯU HƯƠNG GIANG	Nữ	21/11/2007	HUYỆN MỸ HẠO, HƯNG YÊN				8.7	9		17.7	0.25	0	17.95
D070	BÙI ÁNH DƯƠNG	Nữ	04/12/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	8.3				8.3		16.6	0.25	0	16.85
D071	BẠCH THANH THẢO	Nữ	19/04/2007	HUYỆN KIM BÔI, HÒA BÌNH	8.1	8.6					16.7	0.75	0	17.45
D072	VŨ MỸ NGỌC	Nữ	02/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8		9.1			17.1	0.25	0	17.35
D073	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG GIANG	Nữ	25/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI			9.2	8.7			17.9	0.25	0	18.15
D074	ĐỖ THỊ HOÀI LINH	Nữ	22/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.2	8.6					17.8	0.25	0	18.05
D075	LÊ THU HƯƠNG	Nữ	21/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.6			8.6			17.2	0.25	0	17.45
D076	LÊ TRÀ MY	Nữ	26/06/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.4			9			17.4	0.25	0	17.65
D077	MAI THỊ THANH TRÀ	Nữ	10/11/2006	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH	7.7				9.2		16.9	0.5	0	17.4
D078	PHẠM THỊ THU	Nữ	26/01/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	7.5	7.7					15.2	0.75	0	15.95
D079	ĐẶNG THỊ HÀ LINH	Nữ	14/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.8	8.5					16.3	0.25	0	16.55
D080	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.3	9.3		18.6	0.25	0	18.85
D081	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	Nam	16/08/2006	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.1					9.2	18.3	0	0	18.3
D082	CAO HOÀNG MINH TUẤN	Nam	08/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.3	8.1				16.4	0	0	16.4
D083	CHU VĂN GIA HUY	Nam	22/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.7					8.4	17.1	0.25	0	17.35
D085	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	16/09/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI				8.8	8.7		17.5	0.25	0	17.75
D086	TRỊNH NGUYỄN VIỆT ANH	Nữ	27/12/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	8.1				7.7		15.8	0.75	0	16.55

D087	ĐỖ NGỌC ÁNH	Nữ	20/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.1			7.3		14.4	0.25	0	14.65
D088	ĐỖ HÀ NHI	Nữ	02/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.2			8.2			16.4	0	0	16.4
D089	NGÔ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	26/05/2007	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	8.4	7.7					16.1	0.75	0	16.85
D091	TRẦN THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	13/09/2007	HUYỆN VĂN GIANG, HƯNG YÊN					9.2	8.4	17.6	0.5	0	18.1
D092	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	Nữ	24/02/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.7	8.6					17.3	0.25	0	17.55
D093	ĐÀM ÁNH THẢO	Nữ	02/12/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	8.7	8.6					17.3	0.25	0	17.55
D094	PHẠM THỊ MINH HẰNG	Nữ	03/11/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
D095	NGUYỄN THU ÁNH	Nữ	28/10/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	7.8	7.9					15.7	0.5	0	16.2
D096	PHẠM VĂN TIẾN DŨNG	Nam	21/08/2007	HUYỆN TĨNH GIA, THANH HOÁ				9.1	9		18.1	0.5	0	18.6
D097	TRẦN HẢI NHI	Nữ	05/02/2007	THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TUYÊN QUANG			6.2			6.6	12.8	0.75	0	13.55
D098	LÊ TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	31/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.5	9.5					18	0.25	0	18.25
D099	ĐÌNH QUỐC BẢO	Nam	01/09/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	8.1	7.1					15.2	0.5	0	15.7
D100	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	21/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI			8.9			8.3	17.2	0.25	0	17.45
D101	NGUYỄN KHÁNH THẢO	Nữ	01/09/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.9	8.9		17.8	0.25	0	18.05
D102	LÊ THỊ TỔ UYÊN	Nữ	09/10/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.1	8.3					16.4	0.25	0	16.65
D103	PHẠM HUY HOÀNG	Nam	22/08/2005	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		7.9		9.5			17.4	0.25	0	17.65
D105	NGUYỄN KIM DUYÊN	Nữ	24/02/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI			9.1	9			18.1	0.25	0	18.35
D106	PHẠM THỊ KHÁNH NHƯ	Nữ	18/12/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.5	8.7					17.2	0.25	0	17.45
D107	VŨ NHƯ QUỲNH	Nữ	23/12/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		8.4				8.9	17.3	0	0	17.3

D108	LỤC LÂM TÂM LAN	Nữ	12/02/2007	HUYỆN PHÚ LƯƠNG, THÁI NGUYÊN			8.7	8.5			17.2	0.75	0	17.95
D109	VŨ BÌNH MINH	Nam	24/06/2007	HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, THANH HOÁ	5.9	7.5					13.4	0.5	0	13.9
D110	TRẦN BÍCH LOAN	Nữ	01/01/2007	HUYỆN PHÚ LƯƠNG, THÁI NGUYÊN	9.1		8.8				17.9	0.75	0	18.65
D111	MẠC THANH MAI	Nữ	25/05/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.2	9.2				17.4	0.25	0	17.65
D112	HÀ ANH DŨNG	Nam	20/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.5	9.5	19	0	0	19
D113	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	13/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI			8.1	8.5			16.6	0	0	16.6
D114	LÊ HUYỀN MY	Nữ	01/07/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI	8.1	8.7					16.8	0.25	0	17.05
D115	TƯỜNG THÁI HƯƠNG LY	Nữ	10/11/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.5				8.7		17.2	0	0	17.2
D116	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	02/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.7	8.1					16.8	0.25	0	17.05
D117	ĐẶNG VIỆT ĐỨC	Nam	24/08/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.8			9.3			18.1	0.25	0	18.35
D118	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	11/10/2007	HUYỆN VĂN GIANG, HƯNG YÊN	9.1	8.6					17.7	0.5	0	18.2
D119	NGÔ THỊ DIỆU LINH	Nữ	06/09/2007	HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH	7.5	7.4					14.9	0.5	0	15.4
D121	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	05/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			9.2		9.1		18.3	0	0	18.3
D122	HOÀNG THẢO VÂN	Nữ	10/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.9			8.5			17.4	0.25	0	17.65
D123	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	09/12/2007	THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, THÁI BÌNH		8.5				8.6	17.1	0.5	0	17.6
D124	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG	Nữ	21/12/2007	HUYỆN YÊN BÌNH, YÊN BÁI		7.5		7.8			15.3	0.75	0	16.05
D125	TRƯƠNG THANH HUYỀN	Nữ	10/11/2007	THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TUYÊN QUANG		6.3				6.7	13	0.75	0	13.75
D126	NGUYỄN THỊ TRANG NGUYỄN	Nữ	12/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.9	7.5					15.4	0.25	0	15.65
D127	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	31/05/2007	THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ		8.9	7.3				16.2	0.25	0	16.45

D128	BÙI THU THẢO	Nữ	30/06/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH	8.3	8.2					16.5	0.5	0	17
D129	HỒ THÁI HÀ	Nữ	23/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9				9.3		18.3	0	0	18.3
D130	TRẦN THỊ HOÀI	Nữ	04/02/2007	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	7.5		8.7				16.2	0.5	0	16.7
D131	VŨ HÀ CHI	Nữ	14/12/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				9	8.9		17.9	0.25	0	18.15
D132	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	11/11/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH			7.7	8.1			15.8	0.5	0	16.3
D133	BÙI THU HÀ	Nữ	19/09/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI	6.5					7.9	14.4	0.25	0	14.65
D134	TRỊNH VÂN ANH	Nữ	26/09/2007	HUYỆN LỤC NGẠN, BẮC GIANG	8.2	7.4					15.6	0.75	0	16.35
D135	VÕ KHẮC HOÀN	Nam	20/09/2007	HUYỆN MỘC CHÂU, SƠN LA				7.8	7.6		15.4	0.75	0	16.15
D136	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	07/12/2007	HUYỆN HOÀNG HÓA, THANH HOÁ				8	8.2		16.2	0.5	0	16.7
D137	ĐỖ HỒNG VY	Nữ	29/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					9.4	9.6	19	0.25	0	19.25
D138	NGUYỄN THỊ HƯƠNG SEN	Nữ	27/11/2005	HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH				7.5	7.5		15	0.5	0	15.5
D139	LÊ ĐỨC ANH	Nam	18/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				7.9		8.4	16.3	0.25	0	16.55
D140	BÙI THU THỦY	Nữ	17/01/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.1				8.6		16.7	0.25	0	16.95
D141	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	14/06/2007	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ				9	8.5		17.5	0.5	0	18
D142	HOÀNG LÊ HẢI NHƯ	Nữ	12/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.2		9.3	18.5	0	0	18.5
D143	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	06/09/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8.5		8.4			16.9	0.75	0	17.65
D144	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	15/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.2	7.7					14.9	0.25	0	15.15
D145	PHAN THỊ HOÀI	Nữ	24/02/2002	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.2					8	15.2	0.75	0	15.95
D146	TRƯƠNG THẢO HUYỀN	Nữ	05/08/2006	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÀ BÌNH				8	6.9		14.9	0.75	0	15.65

D147	ĐOÀN MINH NGỌC	Nữ	03/10/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	9.7	9.2					18.9	0	0	18.9
D148	NGUYỄN HẠ THU TRANG	Nữ	01/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.1	7.3					15.4	0.25	0	15.65
D149	TRẦN NGUYỄN CHƯƠng	Nam	01/01/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI	9.4				8.9		18.3	0.25	0	18.55
D150	ĐÀO THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/01/2006	HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG					8.4	8.3	16.7	0.5	0	17.2
D151	LÊ QUỲNH NHƯ	Nữ	26/11/2007	HUYỆN VĂN CHẤN, YÊN BÁI		7		7			14	0.75	0	14.75
D152	TRẦN THỊ HIỀN MAI	Nữ	28/08/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	8		9.6				17.6	0.5	0	18.1
D153	LƯU THỊ CẨM VÂN	Nữ	08/10/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.6	8.4					17	0.25	0	17.25
D154	TRẦN THỊ HÀ NỘI	Nữ	25/04/2007	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH		8.6				8.5	17.1	0.5	0	17.6
D155	LÊ NGỌC LINH	Nữ	13/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	9		9.1				18.1	0.25	0	18.35
D156	NGUYỄN LAN UYỂN NHI	Nữ	27/10/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.2	9		17.2	0.25	0	17.45
D157	ĐẶNG HỒNG ANH	Nữ	12/02/2007	HUYỆN CẨM THỦY, THANH HOÁ	8.5				8.7		17.2	0.75	0	17.95
D158	TÔ THỊ THUÝ LAN	Nữ	24/05/2007	HUYỆN Ý Yên, NAM ĐỊNH			8.4			8.1	16.5	0.5	0	17
D159	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	20/02/2007	HUYỆN THANH LIÊM, HÀ NAM	8.7	8.6					17.3	0.5	0	17.8
D160	DƯƠNG NHƯ QUỲNH	Nữ	03/08/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.5	7.9					15.4	0.25	0	15.65
D161	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	05/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.4	9.4		18.8	0.25	0	19.05
D162	LƯU ANH THƯ	Nữ	31/03/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	8.4		8.6				17	0	0	17
D163	ĐÌNH THỊ QUYẾN	Nữ	03/03/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.5	7.7					17.2	0.25	0	17.45
D164	LƯƠNG THUỖ LINH	Nữ	20/07/2007	HUYỆN ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ		6.2		6.8			13	0.75	0	13.75
D165	BÙI THỊ NHUNG	Nữ	18/08/2006	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH		7.7			7.9		15.6	0.75	0	16.35

D166	ĐOÀN NGỌC THUỶ TRANG	Nữ	07/08/2007	HUYỆN ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ		7.1	7.3				14.4	0.75	0	15.15
D167	NGUYỄN LINH HƯƠNG	Nữ	24/02/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.4				8.2		16.6	0.25	0	16.85
D168	VŨ NGỌC ANH	Nữ	12/11/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		6.1				8.3	14.4	0.75	0	15.15
D169	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	19/09/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI				9.4	9		18.4	0.25	0	18.65
D170	ĐÀO THỊ VÂN	Nữ	28/08/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.7	8.4					17.1	0.25	0	17.35
D171	NGUYỄN MINH THẮNG	Nam	04/08/2007	HUYỆN VĂN CHẤN, YÊN BÁI		7.1		7.6			14.7	0.75	0	15.45
D173	NGUYỄN LONG NHẬT	Nam	22/11/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.7			9.2	17.9	0.25	0	18.15
D174	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	Nữ	29/09/2007	HUYỆN KRÔNG NÔ, ĐẮK NÔNG	8.8			8.6			17.4	0.75	0	18.15
D175	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	12/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.2			8.3			16.5	0.25	0	16.75
D176	LÊ NGỌC VỸ	Nam	13/12/2006	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	9		8.8				17.8	0.25	0	18.05
D177	NGUYỄN KHOA DIỆU CẨM	Nữ	27/04/2007	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI		8.4	9.2				17.6	0	0	17.6
D178	ĐINH THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	09/10/2007	THÀNH PHỐ THANH HÓA, THANH HOÁ	7.3	8					15.3	0.25	0	15.55
D179	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	28/01/2006	HUYỆN ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH		8.6				8.1	16.7	0.5	0	17.2
D180	NGUYỄN THỰC QUYÊN	Nữ	11/05/2007	HUYỆN THANH CHƯƠNG, NGHỆ AN	8.7	8.7					17.4	0.5	0	17.9
D181	LÊ THỊ THẢO	Nữ	22/08/2002	HUYỆN THANH SƠN, PHÚ THỌ				7.3		6.8	14.1	0.75	0	14.85
D182	QUÁCH THỊ HẢO	Nữ	08/06/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI		8.7				8.9	17.6	0.25	0	17.85
D183	NGUYỄN THANH THUỶ HIỀN	Nữ	11/06/2007	HUYỆN KỲ SƠN, NGHỆ AN	8.3			8.6			16.9	0.75	0	17.65
D184	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	25/01/2006	HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH		9.6	9.2				18.8	0.5	0	19.3
D185	HOÀNG LÊ BẢO NGỌC	Nữ	24/05/2006	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.8				8.9	17.7	0.25	0	17.95

D186	NGÔ HƯƠNG GIANG	Nữ	04/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8	8					16	0.25	0	16.25
D187	LÊ NGỌC MINH	Nữ	03/07/2006	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI				9		8.7	17.7	0	0	17.7
D188	NGUYỄN QUỲNH CHÂM	Nữ	26/02/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		9			9		18	0.25	0	18.25
D189	ĐÀO THỊ BÍCH HỒNG	Nữ	26/07/2007	HUYỆN BÌNH LỤC, HÀ NAM	8.3		8.6				16.9	0.5	0	17.4
D190	PHẠM THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	01/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.4		8.8	18.2	0	0	18.2
D191	LÊ QUANG MINH	Nam	10/02/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9		9.4				18.4	0	0	18.4
D192	NGUYỄN ĐẶNG THUỶ TRÂM	Nữ	08/06/2006	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	8			8			16	0.5	0	16.5
D193	ĐỖ THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	29/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.7				9.4	18.1	0	0	18.1
D194	NGUYỄN VŨ HUYỀN LINH	Nữ	20/02/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	8.6					9.2	17.8	0	0	17.8
D195	ĐẶNG NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	10/02/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.7		8.7				17.4	0.25	0	17.65
D196	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	06/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.8	9.6					19.4	0	0	19.4
D197	DƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	13/02/2005	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.2	9					17.2	0.5	0	17.7
D198	NGUYỄN HUYỀN NGỌC	Nữ	01/04/2007	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH		9.5	9.8				19.3	0.5	0	19.8
D199	VŨ HOÀNG LAN ANH	Nữ	29/11/2007	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	9.4					9.3	18.7	0.5	0	19.2
D200	PHẠM TUẤN ANH	Nam	10/11/2007	HUYỆN SÌN HỒ, LAI CHÂU				8.6	7.9		16.5	0.25	0	16.75
D201	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	10/03/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI	8.9			9.1			18	0	0	18
D202	BÙI NGỌC ANH TUẤN	Nam	11/07/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH			6.3			8	14.3	0.75	0	15.05
D203	NGUYỄN VIỆT QUYẾT	Nam	29/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.7	9.1		18.8	0.25	0	19.05
D204	LƯƠNG THỊ TRANG	Nữ	12/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.8				8.8		16.6	0.25	0	16.85

D205	HOÀNG THỊ THÚY HẰNG	Nữ	26/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI			9.6			9.5	19.1	0.25	0	19.35
D206	TRỊNH THANH HIỀN	Nữ	24/08/2007	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH				8.1		8.3	16.4	0.5	0	16.9
D207	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	11/09/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.1		8.1				16.2	0.25	0	16.45
D208	QUÁCH THỊ NGỌC HÂN	Nữ	21/07/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	8.3	7.8					16.1	0.75	0	16.85
D209	TÔ THỊ THUỶ TRANG	Nữ	03/11/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	7.7	8.1					15.8	0.5	0	16.3
D210	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	15/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI					9.1	9	18.1	0.25	0	18.35
D211	TƯỜNG THỊ KHÁNH ANH	Nữ	20/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.8		9.5			18.3	0	0	18.3
D212	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	05/02/2007	HUYỆN YÊN PHONG, BẮC NINH				7.7	7.5		15.2	0.5	0	15.7
D213	LẠI THỊ KIM XUYẾN	Nữ	19/10/2006	HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	6.4			7.9			14.3	0.5	0	14.8
D214	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	22/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.9	8.4					16.3	0.25	0	16.55
D215	BÙI NGỌC MINH	Nam	16/04/2006	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.8				6.8		13.6	0.75	0	14.35
D216	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	07/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		8.9			9.8		18.7	0	0	18.7
D217	LÊ THỊ THUỶ	Nữ	05/11/2005	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.2		8.1				16.3	0.25	0	16.55
D218	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/08/2007	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI	6.9	7					13.9	0.25	0	14.15
D219	PHẠM HOÀNG ÁNH	Nữ	23/07/2007	THÀNH PHỐ THANH HÓA, THANH HOÁ				9.7	9.6		19.3	0.25	0	19.55
D220	NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	26/01/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		7.7		9			16.7	0.25	0	16.95
D221	ĐÌNH THỊ HUYỀN DIỆU	Nữ	23/06/2007	HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG					8.8	8.8	17.6	0.25	0	17.85
D222	VŨ QUỐC ĐẠT	Nam	11/12/2006	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI		7.6		7.5			15.1	0	0	15.1
D223	MAI THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	02/12/2007	HUYỆN NGÀ SƠN, THANH HOÁ	7.8	7.2					15	0.5	0	15.5

D224	NGÔ ĐỨC HUY	Nam	18/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8			8.1			16.1	0	0	16.1
D225	LÊ THỊ HỒNG HẢI	Nữ	07/03/1997	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.1			7.5			14.6	0.25	0	14.85
D226	PHÙNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	15/12/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				8.7	9.3		18	0.25	0	18.25
D227	HOÀNG THỊ LỆ	Nữ	22/09/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA		7.4			7.9		15.3	0.75	0	16.05
D228	CHU THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	14/04/2007	HUYỆN ÂN THI, HƯNG YÊN	8.8	8.3					17.1	0.5	0	17.6
D229	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	30/04/2007	HUYỆN ÂN THI, HƯNG YÊN	8.4	8.1					16.5	0.5	0	17
D230	NGUYỄN UYỂN NHI	Nữ	18/09/2006	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, THÁI NGUYÊN	7.2					8.3	15.5	0.75	0	16.25
D231	ĐỖ THỊ KHÁNH LY	Nữ	06/08/2007	HUYỆN THANH SƠN, PHÚ THỌ		6.2			7.9		14.1	0.75	0	14.85
D232	NGUYỄN HOA QUỲNH	Nữ	28/10/2006	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.1					8.9	17	0.25	0	17.25
D233	NGUYỄN LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	20/12/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				9.2	9.4		18.6	0.25	0	18.85
D234	NGUYỄN THỊ HOÀN	Nữ	06/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4			8.4			16.8	0.25	0	17.05
D235	ĐỖ THANH HUYỀN	Nữ	17/12/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.8	7.9					15.7	0.25	0	15.95
D236	HOÀNG MINH PHƯƠNG	Nữ	25/10/2007	HUYỆN CHỢ MỚI, BẮC KẠN		7.9		7.6			15.5	0.75	0	16.25
D237	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	28/04/2007	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH			8.7		8.5		17.2	0.5	0	17.7
D238	LÊ THỊ HỒNG GÁI	Nữ	28/03/2007	HUYỆN THÁI THỤY, THÁI BÌNH				8.1		8	16.1	0.5	0	16.6
D239	NGUYỄN PHẠM DIỆU LINH	Nữ	06/10/2007	HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH				8.9	9		17.9	0.5	0	18.4
D241	HOÀNG NGỌC THUÝ	Nữ	14/01/2003	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI				7.7	7.3		15	0.75	0	15.75
D242	ĐẠO THỊ TRƯỜNG	Nữ	16/03/2006	HUYỆN MƯỜNG NHÉ, ĐIỆN BIÊN		7.1		7.5			14.6	0.75	0	15.35
D243	NGÔ THANH HƯƠNG	Nữ	19/09/2007	THÀNH PHỐ BẮC GIANG, BẮC GIANG			7.5	8.1			15.6	0.25	0	15.85

D244	HÀ THỊ GIANG	Nữ	14/04/2007	THỊ XÃ NGHĨA LỘ, YÊN BÁI					7.6	7.9	15.5	0.75	0	16.25
D245	TỪ THỊ THU THẢO	Nữ	20/09/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			9			8.8	17.8	0.25	0	18.05
D246	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	01/09/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI		8.3	8.4				16.7	0.25	0	16.95
D247	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/10/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI					9.6	9.4	19	0.25	0	19.25
D248	PHAN THU THẢO	Nữ	17/12/2007	HUYỆN HẠ HÒA, PHÚ THỌ		6.9	6.7				13.6	0.75	0	14.35
D249	LÒ PHƯƠNG VY	Nữ	17/11/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA			8.1	7.6			15.7	0.75	0	16.45
D250	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	24/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.3				9.4		18.7	0.25	0	18.95
D251	VŨ THỊ LINH CHI	Nữ	01/12/2007	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÀ BÌNH		7.3				7.2	14.5	0.75	0	15.25
D252	PHẠM HỒNG ÁNH	Nữ	22/06/2006	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI					8.4	7.9	16.3	0.25	0	16.55
D253	LÊ THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	26/03/2007	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	7.7	8.8					16.5	0.5	0	17
D254	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/11/2007	HUYỆN QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH				8.9	9.1		18	0.5	0	18.5
D255	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	07/08/2007	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI					8.5	9	17.5	0.25	0	17.75
D256	ĐINH HÀ THU MINH	Nữ	02/12/2006	HUYỆN DUY TIÊN, HÀ NAM	7.6	8					15.6	0.5	0	16.1
D257	CHU THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	01/12/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI	9.2				9.5		18.7	0.25	0	18.95
D258	NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH	Nữ	03/06/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			9.1	8.6			17.7	0.25	0	17.95
D259	PHÙNG THỊ YẾN NHI	Nữ	23/12/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI			8.4	9.1			17.5	0.25	0	17.75
D260	TRẦN HẢI KIÊN	Nam	08/09/2007	HUYỆN SÔNG MÃ, SƠN LA	5.9					6.5	12.4	0.75	0	13.15
D261	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/12/2007	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÀ BÌNH	8.5	8.4					16.9	0.75	0	17.65
D262	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	21/11/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.7				9.8		19.5	0.25	0	19.75

D263	TRẦN HÀ THU TRANG	Nữ	06/05/2007	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH		7.1		8.3			15.4	0.75	0	16.15
D264	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	24/11/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.6					8.2	16.8	0.25	0	17.05
D265	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	03/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI			8.1	8.8			16.9	0.25	0	17.15
D266	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	11/11/2007	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÒA BÌNH				7.2	7.5		14.7	0.25	0	14.95
D267	NGUYỄN XUÂN TƯỜNG	Nam	12/08/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH		7.9	9.5				17.4	0.25	0	17.65
D268	NGUYỄN THỊ NHƯ THUẬN	Nữ	07/11/2007	HUYỆN DIỄN CHÂU, NGHỆ AN	7.4					8.2	15.6	0.5	0	16.1
D269	VŨ NGỌC BẢO	Nữ	22/03/2007	HUYỆN TRỰC NINH, NAM ĐỊNH	8.5		8.5				17	0.5	0	17.5
D270	ĐỖ THỊ BẢO CHÂU	Nữ	27/06/2007	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH	6.7					8	14.7	0.5	0	15.2
D271	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	19/10/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH		7.2		7.9			15.1	0.75	0	15.85
D272	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	12/02/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.6	9.3		18.9	0.25	0	19.15
D273	PHẠM GIA VƯƠNG	Nam	05/07/2004	THỊ XÃ PHÚC YÊN, VĨNH PHÚC				8.1	8.5		16.6	0.75	0	17.35
D274	CHÁ THÁI SƠN	Nam	25/11/2007	HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, ĐIỆN BIÊN	7.6	7.9					15.5	0.75	0	16.25
D275	PHÙNG HƯƠNG GIANG	Nữ	22/09/2007	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI		8.7				8.4	17.1	0.75	0	17.85
D276	ĐINH HÀ VI	Nữ	06/03/2007	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI		7.9				7.9	15.8	0.75	0	16.55
D277	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	Nữ	21/01/2007	HUYỆN ÂN THI, HƯNG YÊN	8	8.5					16.5	0.5	0	17
D278	TRẦN NGỌC THỊNH	Nam	01/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5			9.1			17.6	0.25	0	17.85
D279	VŨ THỊ HỒNG LY	Nữ	15/09/2007	PHƯỜNG NINH PHONG, NINH BÌNH		7.7		8.3			16	0.25	0	16.25
D280	ĐINH THỊ PHƯƠNG	Nữ	04/08/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH			8.2			8.6	16.8	0.5	0	17.3
D281	TRẦN ĐĂNG CHIẾN	Nam	23/08/2005	HỢP TIẾN, HẢI DƯƠNG			7.7	7.5			15.2	0.5	0	15.7

D283	TRẦN THỊ HUYỀN ANH	Nữ	20/03/2007	XÃ PHONG DỤ HẠ, YÊN BÁI	7.6			8.8			16.4	0.75	0	17.15
D284	TRỊNH GIA HUY	Nam	21/10/2007	ĐẠI THANH, HÀ NỘI	7.8	8.6					16.4	0.25	0	16.65
D285	TỔNG NHẬT ÁNH	Nữ	29/12/2007	NGHĨA TRUNG, NAM ĐỊNH		7.5				6.6	14.1	0.5	0	14.6
D286	BÙI VĂN HẠO	Nam	17/12/2001	XÃ TUY LAI, HÀ NỘI	9.1				7.2		16.3	0.25	0	16.55
D288	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	18/10/2006	THỊ XÃ NGHĨA LỘ, YÊN BÁI	7.7			7.3			15	0.75	0	15.75
D289	NGUYỄN THỊ BÍCH	Nữ	22/09/2007	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI				9.5	9.1		18.6	0.25	0	18.85
D290	NGUYỄN TUẤN HƯNG	Nam	26/09/2006	HOÀ XÁ, HÀ NỘI	8.3	8					16.3	0.25	0	16.55
D291	NGUYỄN BẢO HOÀNG	Nam	24/10/2005	PHƯỜNG Ô CHỢ DỪA, HÀ NỘI	7.2			6.9			14.1	0.25	0	14.35
D292	VŨ LAN ANH	Nữ	12/09/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.4		9.4			17.8	0	0	17.8
D293	HOÀNG TRUNG TRỰC	Nam	15/09/2007	PHƯỜNG THANH LIỆT, HÀ NỘI	9.1	8.4					17.5	0	0	17.5
D294	NGUYỄN THUỖ DUNG	Nữ	02/01/2007	XÃ THƯỢNG PHÚC, HÀ NỘI					9.1	9.3	18.4	0.25	0	18.65
D295	ĐẶNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	05/08/2007	HỒNG VÂN, HÀ NỘI	8.4	8.5					16.9	0.25	0	17.15
D296	TRẦN THỊ YẾN	Nữ	10/06/2007	XÃ BẮT BẠT, HÀ NỘI	7.6		8.1				15.7	0.75	0	16.45
D297	NGUYỄN HẰNG ANH	Nữ	25/05/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.7	9.1					17.8	0.25	0	18.05
D298	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	15/02/2007	DÂN HÒA, HÀ NỘI	7.6	7.6					15.2	0.25	0	15.45
D299	TRẦN QUỐC TRUNG	Nam	13/03/1995	PHƯỜNG KIẾN HƯNG, HÀ NỘI			7.9	8			15.9	0	0	15.9
D300	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	30/10/2007	XÃ NGHĨA LẠC, NAM ĐỊNH				8.4		8.8	17.2	0.5	0	17.7
D301	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	30/04/2003	XÃ YÊN DƯƠNG, HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH	7.6					8.1	15.7	0.5	0	16.2
D302	TRẦN THỊ THU	Nữ	05/07/2007	CANH TÂN, HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	7.7			7.9			15.6	0.5	0	16.1

D303	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	09/10/2007	XÃ BÌNH MINH, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.5	7.5					15	0.25	0	15.25
D304	NGUYỄN THỊ LY	Nữ	23/10/2007	XÃ AN PHÚ, HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.5	7.8					15.3	0.25	0	15.55
D305	HOÀNG MINH THẢO	Nữ	19/06/2007	HÒA PHÚ, HÀ NỘI				9	8.6		17.6	0.25	0	17.85
D306	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	18/09/2007	PHƯỜNG MỘC CHÂU, SƠN LA			7		7.3		14.3	0.75	0	15.05
D307	TRẦN MAI LINH	Nữ	25/06/2007	PHƯỜNG TÂN BÌNH, TP TAM ĐIỆP, NINH BÌNH				9.1	9.1		18.2	0.25	0	18.45
D308	NGUYỄN ĐẮC QUANG TÙNG	Nam	13/06/2007	PHƯỜNG ĐỒNG MAI, HÀ NỘI	8.5				8.4		16.9	0	0	16.9
D309	NGUYỄN THỊ NHÀI	Nữ	25/07/2007	GIAO NINH, NINH BÌNH	8.3	8.4					16.7	0.5	0	17.2
D310	LÊ THUỶ LINH	Nữ	21/08/2007	XÃ THANH THUỶ, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.4				8.6		17	0.25	0	17.25
D311	LƯƠNG THỊ CẨM VÂN	Nữ	23/10/2007	HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH	6.4	8.3					14.7	0.75	0	15.45
D312	NGUYỄN THUÝ VÂN	Nữ	18/01/2007	THỊ TRẤN VĨNH TUY, HUYỆN BẮC QUANG, HÀ GIANG	6.4	6.5					12.9	0.75	0	13.65
D313	CHU THUỶ TRANG	Nữ	25/07/2007	XÃ PHÚ SƠN, HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI	7.9			8.3			16.2	0.25	0	16.45
D314	CHU THỊ NGỌC MAI	Nữ	26/12/2007	XÃ VẬT LẠI, HÀ NỘI	9.1			9.6			18.7	0.25	0	18.95
D315	HOÀNG QUỲNH ĐAN	Nữ	13/12/2007	XÃ CHIỀNG SUNG, SƠN LA				7.8		8	15.8	0.75	0	16.55
D316	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	04/03/2007	HƯNG HÀ, THÁI BÌNH		7.6			8.5		16.1	0.5	0	16.6
D317	DƯƠNG YẾN LY	Nữ	29/12/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
D318	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	01/02/2007	BẢO ĐÀI, BẮC GIANG		7.1			7.5		14.6	0.75	0	15.35
D319	PHÙNG NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	10/11/2007	THẮNG LỢI, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		9				9	18	0.25	0	18.25
D320	PHÙNG THỊ CHÂM	Nữ	22/02/2007	XÃ BỒ LÝ, HUYỆN TAM ĐẢO, VĨNH PHÚC		8.2		7.9			16.1	0.75	0	16.85
D321	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	02/12/2007	XÃ THỌ XƯƠNG, HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	7.6			7.9			15.5	0.5	0	16

D322	HUỖNH HỒNG NGỌC	Nữ	05/10/2007	THANH SƠN, HÀ BÌNH					9.5	9.5	19	0.75	0	19.75
D323	ĐỖ THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	21/07/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.9	8					15.9	0.25	0	16.15
D324	ĐOÀN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	05/09/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.3	8.6				16.9	0	0	16.9
D325	PHẠM GIA BẢO	Nữ	11/04/2007	LÝ NHÂN, HÀ NAM	7.6		7.8				15.4	0.5	0	15.9
D326	NGUYỄN VĂN THẾ ĐAM	Nam	09/08/2007	TAM ĐƯỜNG, LAI CHÂU	8					8.5	16.5	0.75	0	17.25
D327	PHAN QUỲNH ANH	Nữ	05/02/2007	TRIỀU SƠN, THANH HOÁ	7.5		8				15.5	0.75	0	16.25
D328	TRẦN HÀ GIA LINH	Nữ	01/11/2007	XÃ CHƯƠNG DƯƠNG, HÀ NỘI	8	8.8					16.8	0.25	0	17.05
D329	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/03/2007	PHƯỜNG NGÔ QUYỀN, BẮC GIANG	8	7.8					15.8	0.25	0	16.05
D330	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	20/01/2006	QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.8	9.3		18.1	0.25	0	18.35
D331	HÀ QUỐC ANH	Nam	25/06/2007	HUYỆN QUAN HÓA, THANH HOÁ				7.2	7.4		14.6	0.75	0	15.35
D332	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	24/09/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	8.8		9.2				18	0.25	0	18.25
D334	TRẦN THU HÀ	Nữ	01/11/2007	THỊ TRẤN MẬU A, YÊN BÁI		8.1		8.5			16.6	0.75	0	17.35
D335	CHU QUỐC VIỆT	Nam	01/08/2007	XÃ ĐÀM HÀ, QUẢNG NINH		7.2			7.6		14.8	0.5	0	15.3
D359	VĂN THẾ ANH	Nam	15/11/2004	XÃ MỄ SỞ, HƯNG YÊN				7.8	7.8		15.6	0.5	0	16.1
D427	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	20/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				9.2	8.5		17.7	0.25	0	17.95
D429	TRẦN THỊ DIỆU LINH	Nữ	06/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.9	9.2		18.1	0.75	0	18.85
D430	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.4			8.5		16.9	0.25	0	17.15
DD001	TRẦN THỊ BÍCH	Nữ	31/12/2006	HUYỆN QUANG BÌNH, HÀ GIANG	8.2					8.6	16.8	0.75	0	17.55
DD002	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	07/06/2006	HUYỆN QUANG BÌNH, HÀ GIANG		8.2			7.7		15.9	0.75	0	16.65

DD003	QUÁCH THỊ DUNG	Nữ	22/06/2006	HUYỆN LẠC SƠN, HÒA BÌNH		8.2	7.7				15.9	0.75	0	16.65
DD004	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	01/04/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		8.2	8.8				17	0	0	17
DD005	PHAN KHÁNH LINH	Nữ	20/12/2007	HUYỆN HÀM YÊN, TUYÊN QUANG	7.6		7.7				15.3	0.75	0	16.05
DD006	NGUYỄN NGỌC LINH CHI	Nữ	04/06/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.9	9.7				17.6	0	0	17.6
DD007	NGUYỄN CHÍ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.6		8.8	18.4	0.25	0	18.65
DD008	PHẠM THỊ THUỶ LINH	Nữ	24/02/2005	THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, QUẢNG NINH		6.8		6.9			13.7	0.25	0	13.95
DD009	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Nam	01/01/2000	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		7.1		7.6			14.7	0.75	0	15.45
DD010	LÊ THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	22/09/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.5		8.7	18.2	0.25	0	18.45
DD011	PHẠM TRẦN NHẬT ÁNH	Nữ	04/11/2007	HUYỆN HÀM YÊN, TUYÊN QUANG		7	7				14	0.75	0	14.75
DD012	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	09/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.9	8.1				16	0	0	16
DD013	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	07/12/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		8.1	8.9				17	0	0	17
DD014	LÔ HUY HOÀNG PHÚC	Nam	19/08/2007	HUYỆN QUỲ HỢP, NGHỆ AN				9.1	8.5		17.6	0.75	0	18.35
DD015	ĐẶNG MINH KHÔI	Nam	07/05/2007	THỊ XÃ TỪ SƠN, BẮC NINH		7.8				8.8	16.6	0.5	0	17.1
DD016	THÁI THU THỦY	Nữ	29/07/2005	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.9				9.2		18.1	0.25	0	18.35
DD017	HOÀNG LÊ LỢI	Nam	13/05/2005	HUYỆN TRỪNG KHÁNH, CAO BẰNG				6.7		6.9	13.6	0.75	0	14.35
DD018	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	Nam	09/11/1999	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.3				9.4		18.7	0	0	18.7
DD019	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	28/01/2006	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI				9.1	9.1		18.2	0	0	18.2
DD020	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	19/04/1998	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				8.3	8		16.3	0.25	0	16.55
DD021	CUNG PHƯƠNG LY	Nữ	23/02/1999	QUẬN ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI					6.9	6.6	13.5	0	0	13.5

DD022	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	10/05/2006	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.1	7.3					14.4	0.25	0	14.65
DD023	PHAN KHÁNH HUYỀN	Nữ	16/11/2006	HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI	6			9			15	0.25	0	15.25
DD025	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	14/12/2006	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		7.2		8.4			15.6	0.25	0	15.85
DD026	ĐẶNG NHẬT LINH	Nữ	01/10/2007	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI		8.3				9.2	17.5	0	0	17.5
DD027	PHẠM NGỌC LINH	Nữ	22/11/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI				9.2	8.8		18	0	0	18
DD028	QUÁCH HẢI NAM	Nữ	23/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.2		8.3				16.5	0	0	16.5
DD029	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	14/06/2006	HUYỆN DIỄN CHÂU, NGHỆ AN				8.9		9.2	18.1	0.5	0	18.6
DD030	LÊ LAN LY	Nữ	16/07/1986	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI	7.6		8				15.6	0	0	15.6
DD031	PHẠM THỊ BẢO NGUYỄN	Nữ	29/09/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	8.1		8.4				16.5	0	0	16.5
DD033	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	26/01/2002	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI					8.1	8.7	16.8	0	0	16.8
DD034	PHẠM THUỶ TRANG	Nữ	29/10/2005	HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI				6.6		6.7	13.3	0.75	0	14.05
DD035	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/11/2000	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.6	7.8		16.4	0	0	16.4
DD036	HOÀNG THỊ LÀNH	Nữ	29/12/2001	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA	7.5			8			15.5	0.75	0	16.25
DD037	TRỊNH KHÁNH HUYỀN	Nữ	09/06/1997	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.6			8.6			16.2	0.25	0	16.45
DD038	TRẦN THỊ THUỶ LINH	Nữ	19/01/2006	HUYỆN THANH THỦY, PHÚ THỌ		8.3		8.1			16.4	0.75	0	17.15
DD039	TRẦN THU PHƯƠNG	Nữ	29/07/2006	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.4		9.4	18.8	0	0	18.8
DD040	KIỀU THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	09/11/2005	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.9			9.1			17	0.25	0	17.25
DD041	HOÀNG MÙI KIỀU	Nữ	06/04/1998	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				7	7.2		14.2	0.75	0	14.95
DD042	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	10/12/2006	HUYỆN NA HANG, TUYÊN QUANG		6.8				7.4	14.2	0.75	0	14.95

DD043	TRẦN THỊ NHUNG	Nữ	03/06/2005	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	7.5	8.2					15.7	0.5	0	16.2
DD044	NGUYỄN HOÀNG HẢI MINH	Nam	13/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.7		8				15.7	0	0	15.7
DD045	ĐỖ CHÂU QUỲNH	Nữ	01/01/2005	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI				9.4	9.3		18.7	0.25	0	18.95
DD046	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	21/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.4	8.2				15.6	0	0	15.6
DD047	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	14/11/2004	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.7			9.2			16.9	0.25	0	17.15
DD048	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ	Nữ	20/08/2000	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI				8.4		7.6	16	0.5	0	16.5
DD049	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	23/03/1996	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.7	9.2		17.9	0.25	0	18.15
DD050	NGUYỄN NGỌC MỸ LINH	Nữ	12/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		9.1	9.1				18.2	0.75	0	18.95
DD051	TRẦN PHƯƠNG HOA	Nữ	15/12/2004	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH					7.4	7.4	14.8	0.75	0	15.55
DD052	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	17/11/2006	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI				8.7	8.5		17.2	0	0	17.2
DD053	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	09/08/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				8.1	8.7		16.8	0.25	0	17.05
DD054	NGUYỄN KIỀU OANH	Nữ	12/04/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.1	8.9					17	0.25	0	17.25
DD055	TRẦN THUỖ DƯƠNG	Nữ	04/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.7	8.1					16.8	0.25	0	17.05
DD056	LÊ THỊ TUYẾT	Nữ	11/05/2006	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9.1		8.8			17.9	0.25	0	18.15
DD057	NGHIÊM THỊ ANH THƠ	Nữ	10/11/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI		8.4	8.1				16.5	0.25	0	16.75
DD058	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	22/08/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.8				8.3	17.1	0.25	0	17.35
DD059	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	16/04/2007	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI			8.2		7.9		16.1	0	0	16.1
DD061	NGUYỄN TƯỜNG LINH	Nữ	08/01/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0.25	0	17.15
DD062	LƯƠNG THỊ THU THỦY	Nữ	30/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.3				8.6	16.9	0.25	0	17.15

DD063	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	17/03/2007	HUYỆN ANH SƠN, NGHỆ AN		7.3	7.4				14.7	0.75	0	15.45
DD064	LÊ ANH THƯ	Nữ	28/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.4	8.8					17.2	0.25	0	17.45
DD065	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	18/05/2004	HUYỆN YÊN LẬP, PHÚ THỌ	8.4				8.8		17.2	0.75	0	17.95
DD066	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/05/2001	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI				8.9		7.9	16.8	0	0	16.8
DD067	PHẠM MINH PHƯỢNG	Nữ	06/11/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.9					8.4	17.3	0.25	0	17.55
DD068	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	25/10/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI				9.3		8	17.3	0.25	0	17.55
DD069	VŨ THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	23/03/2002	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				8.2		7.8	16	0.25	0	16.25
DD070	TRẦN THỊ TRÀ MY	Nữ	28/05/2007	THỊ XÃ PHƯỚC LONG, BÌNH PHƯỚC		6.3				6.5	12.8	0.5	0	13.3
DD071	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	27/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.5	8.5					16	0.25	0	16.25
DD072	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	23/12/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		8.8			9.3		18.1	0.25	0	18.35
DD073	LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	18/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.1	8.6					16.7	0	0	16.7
DD074	HOÀNG NHƯ DỊU	Nữ	20/12/2007	HUYỆN SÔNG MÃ, SƠN LA		8		8			16	0.75	0	16.75
DD075	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	21/07/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9.1	8.9				18	0.25	0	18.25
DD076	ĐỒNG VĂN VƯƠNG	Nam	15/06/1994	HUYỆN KIM THÀNH, HẢI DƯƠNG			7.1			6	13.1	0.5	0	13.6
DD077	LÊ ANH TUẤN	Nam	22/09/1987	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	5.7				6.5		12.2	0	0	12.2
DD078	TỔNG THU TRANG	Nữ	05/04/2005	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI			8.8		8.9		17.7	0.25	0	17.95
DD079	HOÀNG THANH THẢO	Nữ	21/03/2004	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	9.2			8.8			18	0.25	0	18.25
DD080	NGUYỄN HỮU CHIẾN	Nam	19/06/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.6		7.2				15.8	0.25	0	16.05
DD081	ĐINH THU TRANG	Nữ	09/05/2007	HUYỆN TRỰC NINH, NAM ĐỊNH		9.2				7.7	16.9	0.5	0	17.4

DD082	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	27/10/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.3	8.8					17.1	0.25	0	17.35
DD083	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	08/05/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI					8.8	8.7	17.5	0.25	0	17.75
DD084	ĐÀO THỊ MINH CHÂU	Nữ	24/07/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.6	8.1					15.7	0.25	0	15.95
DD085	NGUYỄN LÊ THẾ DƯƠNG	Nam	23/11/2006	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	8.2			8.4			16.6	0.5	0	17.1
DD086	NGUYỄN VIỆT THỊ YẾN	Nữ	23/01/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			8.4	9.4			17.8	0.25	0	18.05
DD087	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	Nữ	23/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.8	9.4					18.2	0.25	0	18.45
DD088	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	08/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.6	9					17.6	0.25	0	17.85
DD089	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	21/12/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.5				8.5		17	0.25	0	17.25
DD091	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	15/03/2007	HUYỆN GIA BÌNH, BẮC NINH	9	8					17	0.5	0	17.5
DD092	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	24/12/2007	THÀNH PHỐ BẮC NINH, BẮC NINH			8.3			8.4	16.7	0.25	0	16.95
DD093	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	12/05/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	9.3		8.4				17.7	0.25	0	17.95
DD095	TÔ ANH TRÚC	Nữ	21/10/2006	HUYỆN HỮU LŨNG, LẠNG SƠN	6.5	7					13.5	0.75	0	14.25
DD096	HÀ HẢI YẾN	Nữ	30/09/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA	6.8	7.4					14.2	0.75	0	14.95
DD098	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	Nữ	31/03/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.3				7.8	15.1	0.75	0	15.85
DD099	BÙI THỊ HIỆP THANH	Nữ	16/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.2	9.4					18.6	0	0	18.6
DD100	NGUYỄN HOÀI AN	Nữ	03/07/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		8.3				7.5	15.8	0.75	0	16.55
DD101	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	06/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.5			9.3		17.8	0.25	0	18.05
DD102	NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ	Nữ	17/02/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		7.5	8.1				15.6	0.25	0	15.85
DD103	BÙI MINH PHƯƠNG	Nữ	20/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.2			9.3			18.5	0	0	18.5

DD104	NGUYỄN THỊ MINH CHI	Nữ	15/10/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	7.7		8.5				16.2	0.25	0	16.45
DD105	NGUYỄN TRỌNG SƠN	Nam	18/07/2007	HUYỆN SÔNG MÃ, SƠN LA			7.3		7.4		14.7	0.75	0	15.45
DD106	NGUYỄN VĂN QUANG MINH	Nam	27/07/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	8.5					8.8	17.3	0	0	17.3
DD107	TẠ THUÝ NGA	Nữ	20/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.6	8					16.6	0.25	0	16.85
DD108	ĐỖ THỊ HÀ	Nữ	06/01/2005	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.9	7.4					15.3	0.25	0	15.55
DD109	NGUYỄN PHƯƠNG LOAN	Nữ	28/10/2005	HUYỆN SA PA, LÀO CAI		7.3	7.1				14.4	0.75	0	15.15
DD110	CẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.2	8.7				16.9	0	0	16.9
DD111	LÊ THỊ KIM LIÊN	Nữ	22/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.3		8.4	16.7	0.25	0	16.95
DD112	LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	27/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.3			9.1			17.4	0	0	17.4
DD113	TRƯƠNG LAN HƯƠNG	Nữ	27/07/2007	HUYỆN BA CHẼ, QUẢNG NINH	8.9	9					17.9	0.75	0	18.65
DD114	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	31/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9	8.3					17.3	0.25	0	17.55
DD115	LƯƠNG THỊ THỦY	Nữ	18/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.7	7.7					16.4	0.25	0	16.65
DD116	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	Nữ	10/01/2007	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI				9.2	8.8		18	0	0	18
DD117	LÊ THANH HẠ	Nữ	19/05/2000	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	7.7	7.8					15.5	0.5	0	16
DD118	DOÃN KHÁNH NGỌC	Nữ	30/11/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		7.6			8.7		16.3	0.25	0	16.55
DD119	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	Nữ	19/02/2006	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI					8.3	8	16.3	0.25	0	16.55
DD120	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	02/02/2005	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI					8.8	9.1	17.9	0.25	0	18.15
DD121	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	12/11/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			8.9		8.7		17.6	0.25	0	17.85
DD122	BÙI THỊ YẾN NHI	Nữ	24/12/2006	HUYỆN KIM THÀNH, HẢI DƯƠNG		8.2		8.2			16.4	0.5	0	16.9

DD123	BÙI THỊ ANH THƯ	Nữ	31/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.3		8.8	17.1	0.25	0	17.35
DD124	LÝ NGỌC OANH	Nữ	14/12/2007	HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, HÀ GIANG		7.5		7.5			15	0.75	0	15.75
DD125	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	01/03/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.5	8.2					17.7	0.25	0	17.95
DD126	PHẠM GIA CƯỜNG	Nam	28/01/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.8					9.1	17.9	0.25	0	18.15
DD127	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	18/04/2007	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG	6.4			6.5			12.9	0.75	0	13.65
DD128	NGHIÊM KHÁNH LY	Nữ	17/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.8					17.3	0	0	17.3
DD129	NGUYỄN MẠNH TUẤN	Nam	15/05/2005	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.4	9.2	18.6	0	0	18.6
DD130	TẠ THANH NGÀ	Nữ	30/09/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI					9	8.5	17.5	0.25	0	17.75
DD131	TẠ THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	05/10/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		8		8.3			16.3	0.25	0	16.55
DD132	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	05/04/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	7.8			8.5			16.3	0.5	0	16.8
DD133	MAI TUYẾT NGÂN	Nữ	03/02/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.2	8.3					16.5	0.25	0	16.75
DD134	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	22/11/2005	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA				8.7	8.8		17.5	0.25	0	17.75
DD135	ĐOÀN NHẬT LINH	Nữ	20/11/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.8		8.9				17.7	0.25	0	17.95
DD136	BÙI HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	19/09/2006	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.2	8.9					18.1	0.25	0	18.35
DD138	QUÁCH TUẤN VĨ	Nam	17/05/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.4	6.5					12.9	0.75	0	13.65
DD139	TRƯƠNG THỊ MINH CHÂU	Nữ	24/06/2007	HUYỆN HÒA AN, CAO BẰNG		7.1	8.1				15.2	0.75	0	15.95
DD140	BẠCH XUÂN MAI	Nữ	14/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0	0	16.6
DD141	TÂN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/10/2003	HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI				8	6.8		14.8	0.25	0	15.05
DD142	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	25/09/2007	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	8.2	7.9					16.1	0.5	0	16.6

DD143	ĐỖ THUYẾT DỊU	Nữ	22/09/2007	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG	8.3	6.9					15.2	0.75	0	15.95
DD144	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	Nữ	26/01/2007	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI			8.4			8.3	16.7	0	0	16.7
DD145	NGUYỄN THỊ DIỄM HẰNG	Nữ	27/03/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.2	8.2					16.4	0.75	0	17.15
DD146	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	Nữ	03/04/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.3			8.9			17.2	0	0	17.2
DD147	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	Nữ	29/01/2007	HUYỆN VĂN GIANG, HƯNG YÊN	7.5					7.9	15.4	0.25	0	15.65
DD148	ĐỖ THỊ HUYỀN	Nữ	23/12/2007	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI		7.8	7.6				15.4	0.25	0	15.65
DD149	ĐỖ THỊ THUỶ LINH	Nữ	15/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.7			8.9			16.6	0.25	0	16.85
DD150	HOÀNG ĐỨC TÙNG	Nam	23/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5		8.5				17	0	0	17
DD151	HÀ THỊ HUẾ	Nữ	02/01/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA		6.8			7.4		14.2	0.75	0	14.95
DD152	PHẠM THỊ QUỲNH	Nữ	01/10/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	6.6	8.2					14.8	0.5	0	15.3
DD153	NGUYỄN HOÀNG LAN	Nữ	06/05/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.2	8.8					17	0.25	0	17.25
DD154	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	24/06/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI			8.2		8.2		16.4	0.25	0	16.65
DD155	BÙI THỊ HOA	Nữ	22/04/2007	HUYỆN YÊN LẬP, PHÚ THỌ	8.6	8					16.6	0.75	0	17.35
DD156	LÊ THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	26/03/2007	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	7.7	8.8					16.5	0.5	0	17
DD157	HOÀNG VIỆT TÙNG	Nam	17/12/2007	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI	7.7					7.8	15.5	0.25	0	15.75
DD158	NGUYỄN THỊ HOÀN	Nữ	21/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.4		9.6	19	0	0	19
DD159	BÙI THANH CHÚC	Nữ	07/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					9.3	9.1	18.4	0	0	18.4
DD160	ĐỖ MẠNH DŨNG	Nam	13/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8				8.5		17.3	0.75	0	18.05
DD161	ĐỖ THỊ NGUYỆT NGÀ	Nữ	05/06/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		7.3	7.9				15.2	0.25	0	15.45

DD162	NGUYỄN THỊ TUYẾT CHINH	Nữ	31/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			8	8.5			16.5	0.25	0	16.75
DD163	PHÙNG LAN HƯƠNG	Nữ	27/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.5	8.5				17	0.25	0	17.25
DD164	ĐỖ KHÁNH VÂN	Nữ	30/11/2007	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	8.1	7.6					15.7	0.5	0	16.2
DD165	ĐOÀN KHÁNH LINH	Nữ	13/02/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.7	9.3		19	0.25	0	19.25
DD166	MAI ĐĂNG KHÔI	Nam	28/09/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.4				9		17.4	0	0	17.4
DD167	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH VI	Nữ	17/10/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.9	7.1					15	0.25	0	15.25
DD168	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/04/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.2			8.8			16	0.25	0	16.25
DD169	TRỊNH THỊ HỒNG DIỄM	Nữ	13/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.4	8.2		16.6	0	0	16.6
DD170	TRẦN THỊ ĐIỀU LINH	Nữ	05/11/2004	HUYỆN TAM DƯƠNG, VĨNH PHÚC				8.2		7.8	16	0.25	0	16.25
DD171	NGÔ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9					9.1	18.1	0	0	18.1
DD172	LÊ THỊ THU TRANG	Nữ	16/10/2007	HUYỆN LỤC NAM, BẮC GIANG	8.1	8.4					16.5	0.75	0	17.25
DD173	NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	21/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.7	9.3					18	0	0	18
DD174	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	07/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6	8					16.6	0	0	16.6
DD175	PHẠM QUỲNH CHI	Nữ	22/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.5				9.1		17.6	0.25	0	17.85
DD176	NGUYỄN MỸ HÀ	Nữ	02/06/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI					9	8.7	17.7	0.25	0	17.95
DD177	BÙI MAI HẰNG	Nữ	13/01/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH					7.5	7	14.5	0.75	0	15.25
DD178	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	Nữ	15/06/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.9	7.3					15.2	0.25	0	15.45
DD179	MAI NGỌC LY	Nữ	22/11/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	6.7	8.5					15.2	0.5	0	15.7
DD180	BÙI HỒNG NHUNG	Nữ	19/06/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH		7			7		14	0.75	0	14.75

DD181	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	Nữ	25/03/2007	HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, THANH HOÁ		7.2	6.5				13.7	0.5	0	14.2
DD182	PHẠM MAI ANH	Nữ	05/09/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI			9			8.7	17.7	0.25	0	17.95
DD183	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	04/05/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.6	8.1					16.7	0.25	0	16.95
DD184	HỒ HỮU HUÂN	Nam	10/09/2005	HUYỆN HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH	7.6	7.6					15.2	0.75	0	15.95
DD185	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	27/02/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	7.2	8					15.2	0.5	0	15.7
DD186	PHẠM THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	02/01/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH		8.6		8.2			16.8	0.5	0	17.3
DD187	NGUYỄN THUỶ HOÀI	Nữ	21/05/2007	THÀNH PHỐ VINH YÊN, VINH PHÚC	6.8				9.1		15.9	0.25	0	16.15
DD188	HOÀNG THỊ PHƯƠNG HOA	Nữ	07/02/2006	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				7.8		8.3	16.1	0.25	0	16.35
DD189	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	13/04/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.8		7.9				15.7	0.25	0	15.95
DD190	NGUYỄN THỊ HỒNG UYÊN	Nữ	10/01/2006	HUYỆN TAM NÔNG, PHÚ THỌ		7.3		7.7			15	0.5	0	15.5
DD191	VŨ THỊ XUÂN HƯƠNG	Nữ	24/05/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.1				8		16.1	0.25	0	16.35
DD192	PHÙNG THỊ THANH MAI	Nữ	10/01/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.8	8.3					17.1	0.25	0	17.35
DD193	LƯƠNG THANH TÙNG	Nam	02/11/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	9.2				8.5		17.7	0.25	0	17.95
DD194	NGUYỄN HUY HOÀNG HẢI	Nam	07/04/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.3				9		17.3	0	0	17.3
DD195	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	02/02/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9			9.5		18.5	0.25	0	18.75
DD196	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	13/02/2006	HUYỆN PHÚ XUYÊN, HÀ NỘI				7.5	7.6		15.1	0.25	0	15.35
DD197	PHẠM THỊ THUỶ DƯƠNG	Nữ	02/01/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH		8.6		8.2			16.8	0.5	0	17.3
DD198	HOÀNG TẤN DŨNG	Nam	20/01/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	9.6	9.3					18.9	0.25	0	19.15
DD199	PHAN THU TRANG	Nữ	27/12/2005	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.6		9	18.6	0	0	18.6

DD200	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	25/01/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	8.5	8.6					17.1	0.75	0	17.85
DD201	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	28/09/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				8	8.6		16.6	0.25	0	16.85
DD202	NGUYỄN THẢO NHI	Nữ	08/01/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG			7.5		8.2		15.7	0.25	0	15.95
DD203	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	10/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5				8.8		17.3	0	0	17.3
DD204	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	15/09/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	7.3			8.2			15.5	0	0	15.5
DD205	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYÊN	Nữ	20/09/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	7.8		8.8				16.6	0.25	0	16.85
DD206	ĐÔNG NGỌC HUYỀN	Nữ	01/08/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI			8.5			8.7	17.2	0.25	0	17.45
DD207	TRẦN NGỌC ANH	Nữ	27/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.7		8.8		17.5	0	0	17.5
DD208	NGUYỄN ĐIỀU THẢO	Nữ	23/08/2007	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI		8.7		9.1			17.8	0	0	17.8
DD209	HOÀNG THỊ TRANG ANH	Nữ	22/03/2007	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	7	7.3					14.3	0.5	0	14.8
DD210	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	09/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8			9.1			17.9	0	0	17.9
DD211	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	27/10/2007	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	8.5	8.1					16.6	0.5	0	17.1
DD212	NÔNG HƯƠNG DIỆU	Nữ	27/11/2006	HUYỆN PÁC NẶM, BẮC KẠN		6.9		7.4			14.3	0.75	0	15.05
DD213	NGUYỄN THÁI PHỤNG	Nữ	17/10/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.1	8.8					16.9	0.25	0	17.15
DD214	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	31/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.5		9.4	18.9	0	0	18.9
DD215	NGUYỄN MỸ NHẬT PHƯƠNG	Nữ	30/01/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		7.2			7.7		14.9	0.25	0	15.15
DD216	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	27/09/2007	HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI	7.4				7.6		15	0.75	0	15.75
DD217	BÙI ÁNH DƯƠNG	Nữ	04/12/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	8.3				8.3		16.6	0.25	0	16.85
DD218	BÙI PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/11/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI					9.4	9.3	18.7	0.25	0	18.95

DD219	ĐỖ HÀ VY	Nữ	06/04/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.5	7.8					15.3	0	0	15.3
DD220	ĐỖ THÙY LINH	Nữ	31/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.5	8.1					15.6	0	0	15.6
DD221	LÊ HẢI YẾN	Nữ	28/02/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI		7.6	7.5				15.1	0.25	0	15.35
DD222	DƯƠNG TIẾN THÀNH	Nam	28/12/2007	HUYỆN CÁT HẢI, HẢI PHÒNG	9					8.3	17.3	0.75	0	18.05
DD223	BÙI MINH TRANG	Nữ	02/02/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6	8.3					16.9	0	0	16.9
DD224	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	24/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.2	9.1		18.3	0.25	0	18.55
DD225	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	30/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.7			8		15.7	0.25	0	15.95
DD226	PHẠM THỊ KHÁNH NHƯ	Nữ	18/12/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.5	8.7					17.2	0.25	0	17.45
DD227	LÊ THUY CHÌ	Nữ	09/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4	8.6					17	0	0	17
DD228	HOÀNG TRÚC AN	Nữ	15/05/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	9	8.9					17.9	0	0	17.9
DD229	NGUYỄN NGỌC BÌNH	Nữ	01/05/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		7.9		8.2			16.1	0.25	0	16.35
DD230	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	07/06/2006	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	9.4			9.6			19	0.25	0	19.25
DD231	NGUYỄN THỊ DIỆU THẢO	Nữ	13/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.3		8.9			17.2	0.25	0	17.45
DD232	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	20/09/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.5	9					17.5	0	0	17.5
DD233	LƯU QUỲNH ANH	Nữ	12/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.9			9.4			18.3	0	0	18.3
DD234	NGUYỄN THỊ THANH PHƯỢNG	Nữ	22/02/2001	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI				8.7		9	17.7	0	0	17.7
DD235	HOÀNG THỊ HUẾ	Nữ	07/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.5	7.4					14.9	0.25	0	15.15
DD236	TRẦN LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	14/09/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.6	9.2		18.8	0.25	0	19.05
DD237	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	07/11/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7	8					15	0.25	0	15.25

DD238	PHẠM PHƯƠNG KHANH	Nữ	04/06/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.2		8.9			17.1	0.25	0	17.35
DD239	PHẠM NGUYỄN TÚ QUỲN	Nữ	21/11/2007	THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, VĨNH PHÚC		8			8.4		16.4	0.25	0	16.65
DD240	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	01/04/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI		8.1		8.7			16.8	0.25	0	17.05
DD241	CAO THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	27/06/2007	HUYỆN QUỲNH LƯU, NGHỆ AN	8.5		8.6				17.1	0.5	0	17.6
DD242	ĐINH NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	17/09/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.1		8.2			16.3	0.25	0	16.55
DD243	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	Nữ	31/10/2007	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, QUẢNG NINH					9.3	8.6	17.9	0.25	0	18.15
DD245	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/10/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	9.4					9.5	18.9	0.25	0	19.15
DD246	UÔNG THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	25/11/2007	HUYỆN ĐAN PHƯƠNG, HÀ NỘI	7.9				8.6		16.5	0.25	0	16.75
DD247	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	11/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.6	9.2				17.8	0.25	0	18.05
DD248	LÊ THỊ ANH THƯ	Nữ	01/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.8	9.4				18.2	0.25	0	18.45
DD249	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	23/08/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG				6.8	6.9		13.7	0.75	0	14.45
DD250	LƯU THỊ TUYẾT MAI	Nữ	28/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI			7.9	8.2			16.1	0.25	0	16.35
DD251	LÊ THỊ ÚT THƯƠNG	Nữ	25/12/2006	HUYỆN HƯNG NGUYỄN, NGHỆ AN		8.5		8.8			17.3	0.5	0	17.8
DD252	PHẠM THỊ TUYẾT LIÊN	Nữ	29/10/2007	HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH	7.1	7.2					14.3	0.5	0	14.8
DD253	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	19/02/1994	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	9.4					9	18.4	0.25	0	18.65
DD254	PHẠM TRẦN VÂN ANH	Nữ	08/01/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI	8.1	8.3					16.4	0	0	16.4
DD255	HOÀNG THỊ NHẬT MINH	Nữ	16/06/2005	HUYỆN CẨM KHÊ, PHÚ THỌ	7.6				7.6		15.2	0.5	0	15.7
DD256	NGUYỄN KIỀU CHANG	Nữ	12/12/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI				8.5		8.6	17.1	0.25	0	17.35
DD257	LÊ THUỶ LINH	Nữ	02/09/2007	QUẬN TÂY HỒ, HÀ NỘI		8.3				8.3	16.6	0	0	16.6

DD258	HÀ THỊ DUYÊN	Nữ	30/08/2005	HUYỆN CHỢ MỚI, BẮC KẠN				7.8		7.6	15.4	0.75	0	16.15
DD259	PHẠM THỊ THU TRANG	Nữ	16/11/2007	HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	7.9	7.1					15	0.5	0	15.5
DD260	HOÀNG YẾN NGỌC	Nữ	15/07/2007	HUYỆN VĂN LÃNG, LẠNG SƠN	9				9.1		18.1	0.75	0	18.85
DD261	LÊ MINH CHÂU	Nữ	20/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.7	9		17.7	0.25	0	17.95
DD262	HÀ NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	26/11/2007	HUYỆN KIM ĐỘNG, HƯNG YÊN				7.6		7.4	15	0.5	0	15.5
DD263	VI THỊ THUỶ TIÊN	Nữ	25/01/2007	HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG, NGHỆ AN	8				8.5		16.5	0.75	0	17.25
DD264	LÊ THANH PHƯƠNG	Nữ	22/07/2007	THỊ XÃ KỶ ANH, HÀ TĨNH	6.5	7.9					14.4	0.25	0	14.65
DD265	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	24/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6		9.2				17.8	0	0	17.8
DD266	ĐÌNH ANH TUẤN	Nữ	27/09/2004	HUYỆN ĐÀ BẮC, HÒA BÌNH		7.1				6.7	13.8	0.75	0	14.55
DD267	NGUYỄN THUYẾT HẬU	Nữ	01/08/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0.25	0	17.15
DD268	CHỦ THỊ KHÁNH LY	Nữ	24/12/2007	THÀNH PHỐ LAI CHÂU, LAI CHÂU				7.5	8		15.5	0.25	0	15.75
DD269	LƯU NGỌC DIỆP	Nữ	02/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.4	9.2	18.6	0	0	18.6
DD270	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	Nữ	02/06/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH		8.7				8.6	17.3	0.5	0	17.8
DD271	LÊ NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	20/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.6	8.7	17.3	0.25	0	17.55
DD272	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	02/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5	9					17.5	0.25	0	17.75
DD273	LÊ THỊ SÁNG	Nữ	10/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.6	9.1					17.7	0.25	0	17.95
DD274	TÔ MẠNH TOÀN	Nam	07/02/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.7	8.2					16.9	0	0	16.9
DD275	NGUYỄN MINH KHÁNH	Nữ	14/07/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI		8.3	7.9				16.2	0	0	16.2
DD276	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.7				8.5		17.2	0.25	0	17.45

DD277	NGUYỄN THUỖ DƯƠNG	Nữ	22/07/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI	8.8					8.9	17.7	0.25	0	17.95
DD278	BÙI QUỲNH GIANG	Nữ	19/10/2004	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	7.5	7.5					15	0.25	0	15.25
DD279	PHÙNG VĂN DUY	Nam	21/02/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6	8.5					17.1	0.25	0	17.35
DD280	NGUYỄN THUỖ LINH	Nữ	24/02/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0.25	0	16.75
DD281	NGUYỄN THỊ HUYỀN MY	Nữ	26/02/2006	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	7.3	7.9					15.2	0.5	0	15.7
DD282	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	05/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.4	9.4		18.8	0.25	0	19.05
DD283	NGUYỄN HỒNG THUỖ	Nữ	28/06/1996	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI					9.7	9.7	19.4	0.25	0	19.65
DD284	NGUYỄN DANH ANH	Nam	26/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.7			9.3		18	0	0	18
DD285	ĐẶNG MINH HƯNG	Nam	21/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.9				9		17.9	0	0	17.9
DD286	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	09/09/2007	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	7.1	8					15.1	0.5	0	15.6
DD287	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	28/01/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.4	8.4					16.8	0.25	0	17.05
DD288	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	27/03/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI		7.3			6.6		13.9	0.25	0	14.15
DD289	DƯƠNG THỊ THUỖ CHINH	Nữ	05/06/2006	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH	7.5	7.8					15.3	0.5	0	15.8
DD290	VŨ MINH ANH	Nữ	07/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			8.6		8.6		17.2	0.25	0	17.45
DD291	NGÔ VIỆT THẮNG	Nam	08/04/2007	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	7.8	8.6					16.4	0.5	0	16.9
DD292	TẠ KHÁNH LY	Nữ	01/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI					8.9	9.3	18.2	0.25	0	18.45
DD293	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	30/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.9	8.3		17.2	0	0	17.2
DD294	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	24/11/2007	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH		8.3		8.6			16.9	0.5	0	17.4
DD295	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	26/02/2007	HUYỆN CẨM THỦY, THANH HOÁ	7.3	6.9					14.2	0.75	0	14.95

DD296	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	02/09/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	8.1				8.1		16.2	0	0	16.2
DD297	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	09/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6			9.1			17.7	0	0	17.7
DD298	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	Nam	09/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.4			8.4			16.8	0.25	0	17.05
DD299	HOÀNG THỊ HIỀN	Nữ	05/10/2007	HUYỆN BẠCH THÔNG, BẮC KẠN	5.9	7.6					13.5	0.75	0	14.25
DD300	NGUYỄN HẠ THU TRANG	Nữ	01/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		7.3		7.4			14.7	0.25	0	14.95
DD301	ĐẶNG VŨ HUỆ CHI	Nữ	02/03/2007	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, ĐIỆN BIÊN		8.7	8.1				16.8	0.75	0	17.55
DD302	TRẦN NGUYỄN CHƯƠng	Nam	01/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.4				8.9		18.3	0.25	0	18.55
DD303	LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	25/01/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8				8.5	16.5	0.75	0	17.25
DD304	PHÙNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	07/09/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.7	8.7					17.4	0.25	0	17.65
DD305	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	30/11/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	8.1		9.3				17.4	0.5	0	17.9
DD306	NGUYỄN ANH HUYỀN LY	Nữ	01/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		9.3	9.2				18.5	0.25	0	18.75
DD307	LÊ HỒNG LINH	Nữ	22/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.1	9.4	18.5	0.25	0	18.75
DD308	NGUYỄN LÊ HÀ LINH	Nữ	22/09/2007	QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI		7.1				8	15.1	0	0	15.1
DD309	TẠ KHÁNH LY	Nữ	27/11/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.5			8.8			17.3	0.25	0	17.55
DD310	LÝ NGỌC HUYỀN MY	Nữ	30/07/2007	HUYỆN YÊN SƠN, TUYÊN QUANG			7.4	7.3			14.7	0.75	0	15.45
DD311	NGUYỄN THU HƯỜNG	Nữ	13/09/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.5		8.8	18.3	0.25	0	18.55
DD312	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	25/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.3	8.3				16.6	0.25	0	16.85
DD313	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	01/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.9	8.2					16.1	0.25	0	16.35
DD314	TRƯƠNG TUẤN SƠN	Nam	28/10/2001	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÀ BÌNH					7.6	7	14.6	0.75	0	15.35

DD315	NGUYỄN VI KHANH	Nữ	02/05/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI			8.1	8			16.1	0	0	16.1
DD316	LÝ THỊ KIM DUYÊN	Nữ	25/03/2007	HUYỆN LỤC YÊN, YÊN BÁI		7.3		9.3			16.6	0.75	0	17.35
DD317	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	29/06/2006	HUYỆN VÂN ĐỒN, QUẢNG NINH				7.8		7.8	15.6	0.5	0	16.1
DD318	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	07/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.4		9.5				18.9	0	0	18.9
DD319	BÙI QUANG HUY	Nam	28/07/2005	HUYỆN LẠC SƠN, HÒA BÌNH				6.8	6.9		13.7	0.75	0	14.45
DD320	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	09/11/2007	HUYỆN THANH BA, PHÚ THỌ	7		8.1				15.1	0.25	0	15.35
DD321	BÙI THỊ THANH THẢO	Nữ	16/12/2007	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	6.9	8.3					15.2	0.75	0	15.95
DD322	NGUYỄN THÙY TRANG	Nữ	23/12/2007	THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, QUẢNG NINH	8.7		8.5				17.2	0.25	0	17.45
DD323	ĐỖ ĐỨC HẢI	Nam	01/09/2007	THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, HƯNG YÊN				8.9	9.4		18.3	0.25	0	18.55
DD324	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	06/02/2007	THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TUYÊN QUANG				6.9	7.5		14.4	0.75	0	15.15
DD325	NGÔ BẢO KHANH	Nữ	19/11/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH		7.3	7.5				14.8	0	0	14.8
DD326	TRẦN PHẠM VIỆT TIẾN	Nam	03/01/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	8.5			8.6			17.1	0.25	0	17.35
DD327	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	26/09/2007	HUYỆN THÁI THỤY, THÁI BÌNH					8.5	8.4	16.9	0.5	0	17.4
DD328	NGUYỄN TUYẾT LINH	Nữ	07/06/2007	HUYỆN BÌNH LỤC, HÀ NAM		9.5	8.9				18.4	0.5	0	18.9
DD329	VŨ THỊ CẨM VÂN	Nữ	23/07/2007	THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, QUẢNG NINH		8.3		8.7			17	0.75	0	17.75
DD330	NGUYỄN HỒNG MINH NHẠN	Nữ	25/04/2007	QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI			8.6			9	17.6	0	0	17.6
DD331	ĐỖ THANH THẢO	Nữ	28/02/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	7.8	8					15.8	0.25	0	16.05
DD332	ĐỖ THỊ THANH LAN	Nữ	13/02/2007	HUYỆN PHÙ NINH, PHÚ THỌ		8.1		7.9			16	0.5	0	16.5
DD333	NGUYỄN CHÍ HIỆP	Nam	14/06/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.1	8.4			16.5	0.25	0	16.75

DD334	VŨ THỊ THU HIỀN	Nữ	27/01/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI		7.8				8.9	16.7	0.25	0	16.95
DD335	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	06/06/2007	HUYỆN PHÙ NINH, PHÚ THỌ	7.2	7.6					14.8	0.5	0	15.3
DD336	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	14/02/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8		8.6			16.6	0.25	0	16.85
DD337	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	03/12/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
DD338	NGUYỄN THANH THUỶ	Nữ	03/12/2007	HUYỆN YÊN SƠN, TUYÊN QUANG		6			6.1		12.1	0.75	0	12.85
DD339	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	27/07/2007	HUYỆN LỤC YÊN, YÊN BÁI		8.9		9.5			18.4	0.75	0	19.15
DD340	ĐỖ THỊ PHƯƠNG NHÃ	Nữ	22/05/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.7	8.5					17.2	0.25	0	17.45
DD341	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	Nữ	04/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.9	8.4					17.3	0.25	0	17.55
DD342	LÊ TRÀ MY	Nữ	17/04/2007	HUYỆN THANH SƠN, PHÚ THỌ		8.1			7.4		15.5	0.75	0	16.25
DD343	QUÀNG THỊ HỒNG VY	Nữ	05/11/2007	THÀNH PHỐ SƠN LA, SƠN LA		7.2				6.9	14.1	0.75	0	14.85
DD344	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	Nữ	31/10/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	7.7			8.6			16.3	0.25	0	16.55
DD345	NGUYỄN ÁNH NHI	Nữ	20/09/2007	HUYỆN VĂN LÂM, HƯNG YÊN	8.8			8.7			17.5	0.5	0	18
DD346	ĐỖ PHƯƠNG ỨNG	Nữ	25/12/2007	HUYỆN LỤC YÊN, YÊN BÁI		8.4		9.4			17.8	0.75	0	18.55
DD347	VŨ NGỌC ANH	Nữ	12/11/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		6.1				8.3	14.4	0.75	0	15.15
DD348	VŨ DIỆU THẢO	Nữ	11/02/2007	THÀNH PHỐ LAI CHÂU, LAI CHÂU			8.2			7.1	15.3	0.75	0	16.05
DD349	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	Nữ	13/07/2007	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG	8	7.5					15.5	0.75	0	16.25
DD351	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	02/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.7	9				17.7	0	0	17.7
DD352	VŨ THUỶ LINH	Nữ	24/05/2007	HUYỆN KIM BÔI, HÒA BÌNH	8.2				8.3		16.5	0.75	0	17.25
DD353	TRẦN THUỶ LƯƠNG	Nữ	05/11/2006	HUYỆN VĂN CHẤN, YÊN BÁI			7.1			8.3	15.4	0.75	0	16.15

DD354	LÊ THỊ YẾN	Nữ	24/07/1985	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.1	7.8				15.9	0.25	0	16.15
DD355	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	15/07/2006	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.7	8.7				16.4	0.25	0	16.65
DD356	NGUYỄN VÕ CƯỜNG	Nam	02/08/2006	HUYỆN YÊN THÀNH, NGHỆ AN	8.8			8.6			17.4	0.75	0	18.15
DD357	CHU NGỌC LINH	Nữ	27/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8		8				16	0	0	16
DD358	PHÙNG THỊ HUYỀN ANH	Nữ	30/10/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				8.2	8.7		16.9	0.25	0	17.15
DD359	LÊ THỊ QUỲNH ANH	Nữ	02/10/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI			8.1			8.7	16.8	0.25	0	17.05
DD360	HOÀNG THÙY LINH	Nữ	01/01/2007	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI					9.6	9.2	18.8	0.25	0	19.05
DD361	ĐỖ HỒNG QUYÊN	Nam	25/12/2007	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI	8.5			9.2			17.7	0.25	0	17.95
DD362	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	09/03/2007	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	7.1	7.6					14.7	0.5	0	15.2
DD363	LÊ YẾN NGÂN	Nữ	23/08/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI			9.3			9.4	18.7	0	0	18.7
DD365	NGÔ THỊ MINH HUỆ	Nữ	11/01/2007	HUYỆN DIỄN CHÂU, NGHỆ AN				8	7.5		15.5	0.5	0	16
DD366	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	17/10/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	7.9					8.4	16.3	0.25	0	16.55
DD367	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	08/01/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI	7.9	8.2					16.1	0.25	0	16.35
DD368	HÀ QUANG HIẾU	Nam	22/04/2005	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.1	8.2					15.3	0.25	0	15.55
DD369	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	Nữ	26/12/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				8.5	8.2		16.7	0.25	0	16.95
DD371	NGUYỄN HỮU QUYẾT	Nam	27/04/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI			7.7			7.9	15.6	0.25	0	15.85
DD372	ĐỖ THỊ MỸ HẠNH	Nữ	19/12/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.8	8.5				17.3	0.25	0	17.55
DD373	NGUYỄN THUÝ HẰNG	Nữ	24/12/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.4			8.8		17.2	0.25	0	17.45
DD374	TRỊNH THỊ NGỌC HÂN	Nữ	02/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI			9.6			9.5	19.1	0.25	0	19.35

DD375	VŨ THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/12/2004	HUYỆN HẠ HÒA, PHÚ THỌ	7.6	6.8					14.4	0.75	0	15.15
DD376	NGUYỄN THỊ BẢO ANH	Nữ	05/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8				8.5	16.5	0.25	0	16.75
DD377	NÔNG THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	12/05/2007	HUYỆN TRỪNG KHÁNH, CAO BẰNG		7	7.7				14.7	0.75	0	15.45
DD378	GIANG LINH NHI	Nữ	02/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			7.7			7.9	15.6	0	0	15.6
DD379	ĐẶNG THU PHƯƠNG	Nữ	12/12/2007	HUYỆN LƯƠNG TÀI, BẮC NINH	8.5				8.7		17.2	0.5	0	17.7
DD380	DƯƠNG KHÁNH QUỲNH	Nữ	26/01/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI		8.1			8.7		16.8	0.25	0	17.05
DD381	LÊ THỊ THANH HIỀN	Nữ	14/02/2007	HUYỆN YÊN KHÁNH, NINH BÌNH		7.5	6.9				14.4	0.5	0	14.9
DD383	ĐẶNG KHÁNH LY	Nữ	10/04/2007	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI		7.5	7.9				15.4	0	0	15.4
DD384	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	07/09/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.9			9.5			17.4	0.25	0	17.65
DD385	TRỊNH THỊ NGỌC YẾN	Nữ	20/01/2007	HUYỆN NGHI XUÂN, HÀ TĨNH		7.5		8.2			15.7	0.25	0	15.95
DD386	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	11/07/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.9		8.8	17.7	0	0	17.7
DD387	MAI THUỶ LINH	Nữ	16/07/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI		7.8				7.1	14.9	0.25	0	15.15
DD388	LÒ THẢO CHI	Nữ	13/08/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA	6.7	8.6					15.3	0.75	0	16.05
DD389	ĐỖ THỊ THANH TÂM	Nữ	04/04/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI			7.2		7.9		15.1	0.75	0	15.85
DD390	LÊ THỊ THU TRANG	Nữ	06/01/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				9.2		9.2	18.4	0.25	0	18.65
DD391	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	29/04/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		7.7	7.3				15	0.25	0	15.25
DD392	LÊ THANH NGOAN	Nữ	26/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.1	9.2					18.3	0.25	0	18.55
DD393	PHẠM THỊ YẾN	Nữ	06/07/2007	THỊ XÃ BỈM SƠN, THANH HOÁ	9.4		9.2				18.6	0.25	0	18.85
DD394	TRƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	17/03/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.6	7.8					15.4	0.75	0	16.15

DD395	HÀ THỊ THUỶ TIÊN	Nữ	28/10/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA	7.3	8.3					15.6	0.75	0	16.35
DD396	NGUYỄN HOÀNG THU TRANG	Nữ	05/09/2007	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	7	8					15	0.25	0	15.25
DD397	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	13/09/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI			9.1			9.3	18.4	0.25	0	18.65
DD398	VI THỊ BÍCH DIỆP	Nữ	01/12/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.2	9.2					18.4	0.25	0	18.65
DD399	PHẠM THU HẰNG	Nữ	02/01/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI	8.8	8.2					17	0	0	17
DD400	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	10/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.3		8.9				18.2	0.25	0	18.45
DD401	VŨ TRỌNG TRƯỜNG SƠN	Nam	08/10/2000	HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	6				6.8		12.8	0.5	0	13.3
DD402	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	18/05/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI					9	8.9	17.9	0.25	0	18.15
DD404	ĐỖ PHƯƠNG TRANG	Nữ	14/12/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.9	9.1		18	0.25	0	18.25
DD405	NGÔ THỊ THÚY HIỀN	Nữ	18/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.8				8.7		17.5	0.25	0	17.75
DD406	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	26/11/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	8.1					9	17.1	0.25	0	17.35
DD407	NGUYỄN HỒNG MINH NGỌC	Nữ	26/03/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI		8.6		8.9			17.5	0.25	0	17.75
DD408	ĐỖ THỊ THẢO	Nữ	20/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.7	9.3		18	0.25	0	18.25
DD409	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					9.1	8.9	18	0.25	0	18.25
DD410	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	14/05/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		7		6.5			13.5	0.5	0	14
DD411	TRẦN ANH DUY	Nam	14/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			8.3			8.4	16.7	0.25	0	16.95
DD412	ĐÀO KHÁNH VÂN	Nữ	31/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		9.4		9.3			18.7	0.25	0	18.95
DD413	NGUYỄN ĐẮC MINH ẮNH	Nữ	10/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4			9			17.4	0.25	0	17.65
DD414	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Nữ	02/09/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.1			8.8		16.9	0.25	0	17.15

DD415	NGUYỄN KHÁNH NHUNG	Nữ	13/03/2007	HUYỆN CHIÊM HÓA, TUYÊN QUANG	5.7			5.5			11.2	0.75	0	11.95
DD416	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	11/09/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.1		8.1				16.2	0.25	0	16.45
DD417	PHÙNG THỊ YẾN NHI	Nữ	24/07/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					9.3	9.2	18.5	0.25	0	18.75
DD418	HÀ NGỌC HUYỀN	Nữ	17/09/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA				7.6	7.9		15.5	0.75	0	16.25
DD419	PHẠM THỊ KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	04/08/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI					8.9	9.2	18.1	0.25	0	18.35
DD420	LƯƠNG ĐOÀN THÙY TRANG	Nữ	12/05/2007	HUYỆN KIM SƠN, NINH BÌNH		6.6		7.3			13.9	0.5	0	14.4
DD421	VI THỊ LINH SƯƠNG	Nữ	21/03/2007	HUYỆN KỲ SƠN, NGHỆ AN	8.2				8		16.2	0.75	0	16.95
DD422	CHU GÓ SÓ	Nữ	07/06/2007	HUYỆN MƯỜNG NHÉ, ĐIỆN BIÊN		6.9		6.9			13.8	0.75	0	14.55
DD423	VŨ YẾN NHI	Nữ	01/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9	8.9	17.9	0	0	17.9
DD424	TRẦN LƯU QUỲNH	Nữ	19/10/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	8.9		8.2				17.1	0.25	0	17.35
DD425	PHAN MINH HUYỀN	Nữ	15/12/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH					8.7	8.6	17.3	0.5	0	17.8
DD426	ĐẶNG NGỌC ÁNH	Nữ	08/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.1	8.8					17.9	0.25	0	18.15
DD427	VŨ THỊ KIM CHI	Nữ	11/08/2007	HUYỆN KIM SƠN, NINH BÌNH			8.1	8.3			16.4	0.5	0	16.9
DD428	VŨ LONG VÂN	Nữ	15/02/2007	HUYỆN LÝ NHÂN, HÀ NAM	8					8.5	16.5	0.5	0	17
DD429	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	14/01/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		8				8	16	0.25	0	16.25
DD430	BÙI KHẮC HIỆP	Nam	31/05/2004	HUYỆN NHO QUAN, NINH BÌNH				6.1	6.5		12.6	0	0	12.6
DD431	TRIỆU THU HUYỀN	Nữ	18/08/2007	HUYỆN MỘC CHÂU, SƠN LA		6			6.6		12.6	0.75	0	13.35
DD432	BÙI KHÁNH VÂN	Nữ	11/02/2007	HUYỆN BÌNH LỤC, HÀ NAM	7.8					7.7	15.5	0.5	0	16
DD433	ĐỖ TRẦN NHƯ THI	Nữ	15/12/2007	HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG			8.7	8.2			16.9	0.25	0	17.15

DD434	PHÙNG THỊ THẢO	Nữ	14/02/2007	HUYỆN MƯỜNG NHÉ, ĐIỆN BIÊN		7.4				7	14.4	0.75	0	15.15
DD435	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	18/12/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		8.3			8.2		16.5	0.25	0	16.75
DD436	ĐỖ NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	10/09/2007	HUYỆN BÌNH LỤC, HÀ NAM	8.1	7.1					15.2	0.5	0	15.7
DD437	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	17/08/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH		7.9			7.5		15.4	0.5	0	15.9
DD438	LÊ THỊ NGÂN GIANG	Nữ	10/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	7.7			8.9			16.6	0.25	0	16.85
DD439	NGUYỄN THANH TRÀ	Nữ	22/11/2007	THỊ XÃ NGHĨA LỘ, YÊN BÁI	6.4	6.3					12.7	0.75	0	13.45
DD440	BÙI THỊ NHÀN	Nữ	29/01/2007	HUYỆN KIM BÔI, HÒA BÌNH	7.1	7.5					14.6	0.75	0	15.35
DD441	DƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	13/02/2005	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.2	9					17.2	0.5	0	17.7
DD442	PHẠM THỊ TRÀ MY	Nữ	19/11/2005	HUYỆN YÊN KHÁNH, NINH BÌNH	7.1		7.1				14.2	0.5	0	14.7
DD443	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	24/11/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.3				9.4		17.7	0.25	0	17.95
DD444	TRIỆU QUỲNH HƯƠNG	Nữ	24/08/2007	HUYỆN NGÂN SƠN, BẮC KẠN			8.4	7.7			16.1	0.25	0	16.35
DD445	TRẦN LÊ BẢO NGỌC	Nữ	10/09/2007	THÀNH PHỐ BẮC GIANG, BẮC GIANG	7.7		8.2				15.9	0.75	0	16.65
DD446	PHAN QUỲNH ANH	Nữ	05/02/2007	HUYỆN TRIỆU SƠN, THANH HOÁ	7.5		8				15.5	0.75	0	16.25
DD447	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	28/10/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.3				9.6		18.9	0.25	0	19.15
DD448	NGUYỄN NHƯ TÙNG	Nam	05/06/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI					7.6	7.6	15.2	0.25	0	15.45
DD449	PHẠM VŨ ANH	Nam	11/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.7				9.3		18	0	0	18
DD450	ĐỖ HỒNG VY	Nữ	29/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					9.4	9.6	19	0.25	0	19.25
DD451	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	21/05/2007	HUYỆN DUY TIÊN, HÀ NAM		8.2		8.3			16.5	0.25	0	16.75
DD452	TÔ BẢO LINH	Nữ	17/07/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	9.3				9.3		18.6	0.25	0	18.85

DD453	TÔ VĂN ĐẠT	Nam	27/09/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI				9.6	9.7		19.3	0.25	0	19.55
DD454	TỔNG KHÁNH LINH	Nữ	16/10/2007	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH		8.3	8.6				16.9	0.5	0	17.4
DD456	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	Nữ	18/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.8	8.8					17.6	0.25	0	17.85
DD457	ĐÀO MINH ÁNH	Nữ	13/08/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			7.9			7.9	15.8	0	0	15.8
DD458	LƯƠNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	17/01/2005	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		9				9.5	18.5	0.25	0	18.75
DD459	LÊ MINH HẰNG	Nữ	03/09/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI		8.2				9.1	17.3	0	0	17.3
DD460	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	08/03/2007	HUYỆN ĐIỆN BIÊN, ĐIỆN BIÊN	7.6	9					16.6	0.75	0	17.35
DD461	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	16/12/2007	HUYỆN MỘC CHÂU, SƠN LA	6.2					7.8	14	0.75	0	14.75
DD462	SẦM THỊ NGÂN	Nữ	01/04/2007	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG			6.2			5.9	12.1	0.75	0	12.85
DD463	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	31/03/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI					9	9.1	18.1	0.25	0	18.35
DD464	HÀ THỊ MINH HUYỀN	Nữ	09/11/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	7.2	8					15.2	0.25	0	15.45
DD465	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/03/2007	HUYỆN BẢO YÊN, LÀO CAI		7.1		7.8			14.9	0.75	0	15.65
DD466	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	29/08/2007	THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TUYÊN QUANG		7.2			7.2		14.4	0.75	0	15.15
DD467	VŨ THÀNH TRUNG	Nam	01/09/2007	HUYỆN VỊ XUYỀN, HÀ GIANG	7.7			7.3			15	0.75	0	15.75
DD468	TRƯƠNG THỊ HẢI ANH	Nữ	11/08/2007	HUYỆN VĂN GIANG, HƯNG YÊN	7.9					8.1	16	0.5	0	16.5
DD469	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP	Nữ	29/09/2006	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH	7.1	6.9					14	0.25	0	14.25
DD470	TRẦN MAI LINH	Nữ	13/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.2	9					18.2	0	0	18.2
DD471	PHẠM BÁ ĐỨC THỊNH	Nam	08/04/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.6	8.2					16.8	0.25	0	17.05
DD472	TẠ THỊ THANH HIỀN	Nữ	18/11/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.8	8.4			17.2	0.25	0	17.45

DD473	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	14/03/2007	HUYỆN VĂN GIANG, HƯNG YÊN	7.8	7.9					15.7	0.5	0	16.2
DD474	PHẠM THANH THẢO	Nữ	28/08/2001	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.6		8			16.6	0.25	0	16.85
DD475	ĐỖ ANH TÚ	Nam	23/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.1		6.5				13.6	0.25	0	13.85
DD476	LƯƠNG THỊ THANH THUY	Nữ	05/12/2007	HUYỆN LỤC NAM, BẮC GIANG		8.2	7.3				15.5	0.75	0	16.25
DD477	ĐỖ THỊ KIM OANH	Nữ	12/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4					8.4	16.8	0.25	0	17.05
DD478	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	24/11/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI					9.1	9.5	18.6	0	0	18.6
DD479	LÊ TUẤN KIẾT	Nam	29/05/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3		8.2				16.5	0.25	0	16.75
DD480	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	14/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				8.6	8.7		17.3	0.25	0	17.55
DD481	NGÔ THU PHƯƠNG	Nữ	23/06/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI			8.1			7.7	15.8	0.75	0	16.55
DD482	PHẠM THỊ TOAN	Nữ	13/06/2007	HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH				8.5		7.8	16.3	0.5	0	16.8
DD483	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	10/02/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8	6.4					14.4	0	0	14.4
DD484	TRIỆU NGỌC MAI ANH	Nữ	28/07/2007	HUYỆN KINH MÔN, HẢI DƯƠNG	8.4			7.6			16	0.75	0	16.75
DD485	NGUYỄN MINH VŨ	Nam	09/09/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		7.3			7.3		14.6	0.75	0	15.35
DD486	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	05/09/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.7	7.8					15.5	0.75	0	16.25
DD487	HÀ THANH HUYỀN	Nữ	01/10/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.6	9				16.6	0.75	0	17.35
DD488	PHAN MINH TUẤN	Nam	23/03/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	8.2	6.9					15.1	0.25	0	15.35
DD489	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	22/12/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8	8					16	0.75	0	16.75
DD490	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	Nam	08/06/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.1		9.2	18.3	0.25	0	18.55
DD491	LÃ THỊ THANH TRÀ	Nữ	12/02/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	9.6					8.8	18.4	0.25	0	18.65

DD492	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	30/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		9.1		9.5			18.6	0.25	0	18.85
DD493	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	10/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8		8.1			16.1	0.25	0	16.35
DD494	LÈO LINH PHƯƠNG	Nữ	18/03/2007	THÀNH PHỐ SƠN LA, SƠN LA	7.5			7			14.5	0.75	0	15.25
DD495	PHÙNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	20/03/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				9.4		9.8	19.2	0.25	0	19.45
DD496	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	06/05/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9	9.1		18.1	0.25	0	18.35
DD497	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	03/07/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.7	9.3					18	0.25	0	18.25
DD498	ĐẶNG PHƯƠNG LAN	Nữ	31/10/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.9					9.1	18	0.25	0	18.25
DD499	VŨ QUỲNH NGÀ	Nữ	15/10/2006	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI				7.8		7.8	15.6	0.25	0	15.85
DD500	QUẢNG THỊ LAN ANH	Nữ	25/11/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA	6.6			8.2			14.8	0.75	0	15.55
DD501	DƯƠNG QUỲNH CHI	Nữ	25/03/2007	HUYỆN ÂN THỊ, HƯNG YÊN	8.8	8.3					17.1	0.5	0	17.6
DD502	VŨ THUỖ TRANG	Nữ	06/11/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.4	8					15.4	0.25	0	15.65
DD503	TRẦN THỊ NGỌC TRANG	Nữ	06/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.2		8.6			16.8	0.25	0	17.05
DD504	BÙI NGUYỄN KIM KHÁNH	Nữ	02/09/2007	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÒA BÌNH		6.7	8.3				15	0.75	0	15.75
DD505	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	08/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.7				9.3	18	0	0	18
DD506	TRƯƠNG NGỌC OANH	Nữ	28/10/2007	HUYỆN ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ	5.8	7.6					13.4	0.75	0	14.15
DD507	TRẦN ĐỨC LỘC	Nam	11/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.7					17.2	0	0	17.2
DD508	ĐỖ HƯƠNG GIANG	Nữ	15/07/2007	THÀNH PHỐ BẮC NINH, BẮC NINH	8.4	8.7					17.1	0.25	0	17.35
DD509	TẠ ÁNH HỒNG	Nữ	11/04/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.7	8		16.7	0.25	0	16.95
DD510	ĐẶNG THỊ THÙY LINH	Nữ	03/11/2003	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.7					8.9	17.6	0.25	0	17.85

DD511	NGÔ THU HƯƠNG	Nữ	30/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9					9.1	18.1	0	0	18.1
DD512	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	Nữ	01/04/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.9		9.2	18.1	0.25	0	18.35
DD514	NGUYỄN HUY KHANG	Nam	09/07/2007	HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG			8.7		8.1		16.8	0.25	0	17.05
DD515	PHẠM THÂN TÚ	Nam	24/10/2004	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG		6.3			6.4		12.7	0.75	0	13.45
DD516	NGÔ THỊ PHƯƠNG	Nữ	21/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.7	7.7					15.4	0.25	0	15.65
DD517	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	07/05/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH			7.3		7.8		15.1	0.25	0	15.35
DD518	PHẠM THỊ NHUNG	Nữ	09/02/2007	THỊ XÃ PHỔ YÊN, THÁI NGUYÊN	8.2		8.1				16.3	0.25	0	16.55
DD519	HOÀNG DIỆU LINH	Nữ	09/08/2007	HUYỆN CAO LỘC, LẠNG SƠN	7.5	7.4					14.9	0.75	0	15.65
DD520	BÙI ANH TUẤN	Nữ	03/07/2005	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				8.8		8.2	17	0.25	0	17.25
DD522	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	Nữ	07/08/2007	HUYỆN HƯNG NGUYÊN, NGHỆ AN	7.3	7.9					15.2	0.5	0	15.7
DD523	GIÁP THỊ HUẾ	Nữ	07/05/2007	HUYỆN TÂN YÊN, BẮC GIANG	7.6	7					14.6	0.75	0	15.35
DD524	NGUYỄN THANH THƯƠNG	Nữ	01/05/2006	THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, QUẢNG NINH		7.6		8.1			15.7	0.75	0	16.45
DD526	NGUYỄN DUY ANH	Nam	30/04/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.4	7.9					15.3	0.25	0	15.55
DD528	DƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	Nữ	21/09/2007	HUYỆN ANH SƠN, NGHỆ AN		6.7	6.3				13	0.75	0	13.75
DD529	TRẦN THỊ LINH NHI	Nữ	13/02/2007	HUYỆN ANH SƠN, NGHỆ AN	6.4	6.7					13.1	0.75	0	13.85
DD530	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	Nữ	10/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.1					9	18.1	0	0	18.1
DD531	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	07/08/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.2			8		16.2	0.25	0	16.45
DD532	MAI PHƯƠNG LINH	Nữ	30/05/2007	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI				9.4	9		18.4	0	0	18.4
DD533	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	19/03/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.3		9.2	18.5	0.25	0	18.75

DD534	LÒ VĂN TIẾN	Nam	12/10/2007	HUYỆN SÔNG MÃ, SƠN LA	6.8					7	13.8	0.75	0	14.55
DD535	LÊ ĐỨC ANH	Nam	11/06/2007	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÒA BÌNH		7.8				7.8	15.6	0.75	0	16.35
DD536	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	25/12/2007	HUYỆN KHÓAI CHÂU, HƯNG YÊN				9.1		8.5	17.6	0.5	0	18.1
DD537	ĐẶNG THỊ KHÁNH THI	Nam	07/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.6	9.3		18.9	0.25	0	19.15
DD538	ĐÀO MINH THUỖ	Nữ	09/01/2007	HUYỆN LÂM THAO, PHÚ THỌ	8.4		8.9				17.3	0.25	0	17.55
DD539	HOÀNG THỊ NA	Nữ	17/10/2007	HUYỆN PHÙ NINH, PHÚ THỌ	7				7.2		14.2	0.75	0	14.95
DD540	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Nữ	25/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.9	9.1					18	0.25	0	18.25
DD541	HOÀNG THỊ QUYÊN	Nữ	01/02/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.1	8.3					16.4	0.25	0	16.65
DD542	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	31/07/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5			8.6			17.1	0.25	0	17.35
DD543	ĐÀM QUANG HUY	Nam	04/11/2004	HUYỆN VĂN LÂM, HƯNG YÊN	7.5	7.7					15.2	0.5	0	15.7
DD544	VŨ BÍCH NGỌC	Nữ	19/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4	8.5					16.9	0	0	16.9
DD545	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	04/09/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI					9.4	9.4	18.8	0.25	0	19.05
DD546	PHÙNG PHƯƠNG LINH	Nữ	08/08/2007	HUYỆN VĂN BÀN, LÀO CAI		7.5	7.5				15	0.75	0	15.75
DD547	BÙI NGỌC MINH	Nam	16/04/2006	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.8				6.8		13.6	0.75	0	14.35
DD548	NGUYỄN VŨ HÀ	Nam	11/03/2007	HUYỆN YÊN THẾ, BẮC GIANG					7.2	7.1	14.3	0.75	0	15.05
DD549	BÙI NGUYỄN	Nam	10/02/2003	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.1		9	17.1	0	0	17.1
DD550	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	30/04/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.7	9.5	18.2	0	0	18.2
DD551	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	19/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.5	9.2	17.7	0	0	17.7
DD552	ĐẶNG THUỖ TRANG	Nữ	10/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.9			8		15.9	0.25	0	16.15

DD553	LƯƠNG ÁNH NGUYỆT	Nữ	17/10/2007	HUYỆN LỘC BÌNH, LẠNG SƠN	7.1			7.7			14.8	0.75	0	15.55
DD554	ĐÀO MẠNH AN	Nam	23/03/2005	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	6.5	7.8					14.3	0	0	14.3
DD555	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/06/2005	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI		7.7			7.8		15.5	0.25	0	15.75
DD556	DƯƠNG CAO PHƯƠNG THUỶ	Nữ	23/05/2004	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.5			9.3			18.8	0	0	18.8
DD557	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.9	9					16.9	0.25	0	17.15
DD558	NGUYỄN HOÀNG HẢI ANH	Nữ	24/10/2001	HUYỆN TIÊN LĂNG, HẢI PHÒNG				8.7		7.9	16.6	0.25	0	16.85
DD559	PHẠM NGỌC CHÂM	Nữ	22/05/2006	ĐỒNG DU, HÀ NAM	7.1	8.1					15.2	0.5	0	15.7
DD560	TRẦN VĂN DƯƠNG	Nam	17/02/2006	QUANG TRUNG, HÀ NỘI	9.1					8.9	18	0.25	0	18.25
DD561	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	Nữ	07/01/2007	BÌNH MINH, HÀ NỘI	8.5	8.2					16.7	0.25	0	16.95
DD562	LƯU KHÁNH LINH	Nữ	07/12/2007	PHƯỜNG HOÀ CHUNG, CAO BẰNG					7.2	7.9	15.1	0.75	0	15.85
DD563	TẠ KHÁNH LINH	Nữ	18/10/2007	CHƯƠNG DƯƠNG, HÀ NỘI	9.2	8.7					17.9	0.25	0	18.15
DD564	PHẠM THỊ MỸ LINH	Nữ	25/09/2007	TIÊN LỮ, PHÚ THỌ			6.7	7.5			14.2	0.5	0	14.7
DD565	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	19/07/2007	XÃ TÂN HƯNG, HƯNG YÊN		7.7			7.2		14.9	0.5	0	15.4
DD566	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	02/07/2007	HƯNG ĐẠO, HÀ NỘI		7.7		9			16.7	0.25	0	16.95
DD567	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	22/12/2007	PHƯỜNG YÊN NGHĨA, HÀ NỘI	8.4				9		17.4	0.25	0	17.65
DD568	NGUYỄN THUỶ LINH	Nữ	29/10/2007	SƠN ĐỒNG, HÀ NỘI		8.1				8.7	16.8	0.25	0	17.05
DD569	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	31/12/2007	YÊN PHÚ, HƯNG YÊN	7.6		7.8				15.4	0.5	0	15.9
DD570	HÀ THỊ MINH TRANG	Nữ	07/04/2007	XÃ MAI CHÂU, PHÚ THỌ		7.5				8.2	15.7	0.75	0	16.45
DD571	TRẦN THỊ THANH HẰNG	Nữ	13/01/2007	XÃ QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.7	9.1					17.8	0.25	0	18.05

DD572	PHẠM KIM CHI	Nữ	23/08/2007	XÃ TIẾN BỘ, TUYÊN QUANG				8.4	8		16.4	0.75	0	17.15
DD573	ĐÀO THỊ HỒNG HÀ	Nữ	20/08/2007	THỊ TRẤN VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.9					8.5	17.4	0.25	0	17.65
DD574	ĐÌNH THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	02/09/2007	XÃ VĂN TỰ, HÀ NỘI		9.1				9.2	18.3	0.25	0	18.55
DD575	TRỊNH GIA HUY	Nam	21/10/2007	ĐẠI THANH, HÀ NỘI	7.8	8.6					16.4	0.25	0	16.65
DD576	LÃ THỊ TÂM ANH	Nữ	24/09/2007	GIA LÂM, NINH BÌNH				8.1	7.7		15.8	0.75	0	16.55
DD577	NGUYỄN BẢO THU AN	Nữ	27/05/2007	PHƯỜNG THƯỢNG ĐÌNH, HÀ NỘI	8	8.1					16.1	0	0	16.1
DD578	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	07/08/2007	XÃ PHÚ YÊN, HÀ NỘI	8.3			9.9			18.2	0.25	0	18.45
DD579	PHẠM QUANG HUY	Nam	03/12/2007	THỊ TRẤN THANH SƠN, PHÚ THỌ		6.7	6.8				13.5	0.5	0	14
DD580	NGUYỄN HỒNG THƯƠNG	Nữ	17/12/2007	XÃ HẠ BẮNG, HÀ NỘI					9.1	9	18.1	0.25	0	18.35
DD581	ĐẶNG THỊ MINH THUẬN	Nữ	27/05/2007	XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH	8.5					8.7	17.2	0.5	0	17.7
DD582	LƯU HÀ PHƯƠNG	Nữ	29/12/2007	XÃ PHỤNG CÔNG, HƯNG YÊN			7.9		7.7		15.6	0.5	0	16.1
DD583	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	27/04/2007	XÃ NGHĨA SƠN, NINH BÌNH		6.6				6.6	13.2	0.5	0	13.7
DD584	NGUYỄN TUẤN ĐIỀN	Nam	09/06/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI		8.4		8.9			17.3	0.25	0	17.55
DD585	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	03/04/2007	AN KHÁNH, HÀ NỘI		8.2			8		16.2	0.25	0	16.45
DD586	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	25/01/2007	XÃ PHƯƠNG CÁCH, HÀ NỘI	7.9	7.7					15.6	0.25	0	15.85
DD587	BÙI THỊ THẢO	Nữ	29/03/2007	XÃ GIA VÂN, NINH BÌNH	8.3			8.4			16.7	0.5	0	17.2
DD588	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	04/02/2007	THANH CAO, HÒA BÌNH	7.5	7.5					15	0.75	0	15.75
DD589	VŨ THỊ LINH CHI	Nữ	01/12/2007	XÃ LIÊN SƠN, HÒA BÌNH		7.3	7				14.3	0.75	0	15.05
DD590	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	12/12/2007	XÃ THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.7				9		17.7	0	0	17.7

DD591	PHẠM QUỲNH TRANG	Nữ	07/08/2007	PHƯỜNG CHU VĂN AN, HẢI PHÒNG	7.8				8		15.8	0.25	0	16.05
DD592	LÊ MINH NGUYỆT	Nữ	19/08/2007	XÃ THIẾU QUANG, THANH HOÁ		7.4			7.4		14.8	0.5	0	15.3
DD593	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	16/10/2006	XÃ KIM ANH, HÀ NỘI				9.1		9.2	18.3	0.25	0	18.55
DD594	TRẦN THỊ HOA	Nữ	11/07/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	9			9.3			18.3	0.25	0	18.55
DD595	NGUYỄN DANH THÀNH	Nam	31/10/2006	XÃ ĐẠI THANH, HÀ NỘI	7.8					8.3	16.1	0.25	0	16.35
DD596	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/07/2006	PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG, THÁI NGUYÊN	7.6			7.6			15.2	0.25	0	15.45
DD597	ĐỖ ĐỨC THỊNH	Nam	30/07/2007	PHƯỜNG ĐẠI MỖ, HÀ NỘI			8.7	8.9			17.6	0	0	17.6
DD598	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	29/12/2005	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.8		8.8	17.6	0	0	17.6
DD599	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	01/01/2007	XÃ HẢI LÝ, NAM ĐỊNH	6.3	6.4					12.7	0.5	0	13.2
DD600	PHẠM ĐĂNG TUẤN	Nam	01/08/2007	XÃ ĐỖ ĐỘNG, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.6				8.3		15.9	0.25	0	16.15
DD601	QUÁCH YẾN TRANG	Nữ	31/08/2007	THỊ TRẤN NHO QUAN, NINH BÌNH		8.2		8.2			16.4	0.75	0	17.15
DD602	TRỊNH THỊ HUYỀN	Nữ	01/09/2006	THẠCH THẮT, HÀ NỘI					8.7	8.8	17.5	0.25	0	17.75
DD603	HOÀNG DIỆP CHI	Nữ	14/07/2007	XÃ QUẢNG OAI, HÀ NỘI			9	8.5			17.5	0.75	0	18.25
DD604	NGUYỄN ĐIỀU PHƯƠNG	Nữ	01/06/2007	PHƯỜNG THANH XUÂN, HÀ NỘI	9.2	9					18.2	0	0	18.2
DD605	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THUỶ	Nữ	03/11/2007	XÃ YÊN CHÂU, SƠN LA		7.5	7.5				15	0.75	0	15.75
DD606	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Nữ	20/03/2007	KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	9.3				9.4		18.7	0	0	18.7
DD607	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	17/09/2007	XÃ AN KHÁNH, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0.25	0	16.75
DD608	NGUYỄN BÁ CƯỜNG	Nam	23/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.7			9.3	18	0	0	18
DD609	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	09/03/2007	XÃ MỸ THÀNH, HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3		8.4				16.7	0.25	0	16.95

DD610	ĐINH THỊ QUỲNH	Nữ	23/05/2007	XÃ CAO SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH					7.7	7.8	15.5	0.75	0	16.25
DD611	HOÀNG THỊ VIỆN	Nữ	11/03/2007	XÃ CAO SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH			7.7	7.6			15.3	0.75	0	16.05
DD612	LÊ THỊ QUỲNH CHI	Nữ	09/09/2007	PHƯỜNG YÊN BÁI, LÀO CAI		7.5		7.4			14.9	0.75	0	15.65
DD613	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	15/05/2007	XÃ CÁT QUẾ, HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.4	9.1		18.5	0.25	0	18.75
DD614	VƯƠNG QUỐC KHÁNH	Nam	13/11/2007	XÃ THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		8.4			8.4		16.8	0	0	16.8
DD615	TẠ THUỶ TRANG	Nữ	11/12/2007	XÃ TRÍ YÊN, BẮC GIANG	8.7				8.9		17.6	0.75	0	18.35
DD616	CAO TRẦN NGỌC BẢO	Nam	29/07/2006	AN NGHĨA, PHÚ THỌ		5.3	5.1				10.4	0.75	0	11.15
DD617	LÊ HẢI NAM	Nam	09/01/2007	MỸ HƯNG, HÀ NỘI	8.2					8.1	16.3	0.25	0	16.55
DD618	NGUYỄN HẢI LINH	Nữ	25/12/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.2	8.6				16.8	0	0	16.8
DD619	TRẦN THỊ THU HÒA	Nữ	21/08/2007	BÌNH ĐỊNH, HƯNG YÊN				8.5		8.4	16.9	0.5	0	17.4
DD620	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	03/08/2007	XÃ YÊN BÀI, HÀ NỘI	8.3	7.3					15.6	0.75	0	16.35
DD621	TRẦN HƯƠNG GIANG	Nữ	10/11/2007	CHUYÊN MỸ, HÀ NỘI		9.2	9.5				18.7	0.25	0	18.95
DD622	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	Nữ	10/10/2007	PHƯỜNG TÂN THỊNH, HÒA BÌNH		7.1			7.3		14.4	0.75	0	15.15
DD623	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	21/03/2007	XÃ NHƯ QUỲNH, HƯNG YÊN	9.2					8.1	17.3	0.5	0	17.8
DD624	HỒ THỊ MINH DIỆU	Nữ	11/05/2005	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.2	9.5		18.7	0.25	0	18.95
DD625	PHAN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	03/10/2007	KIM SƠN, NINH BÌNH	6.3			8.5			14.8	0.5	0	15.3
DD626	NGUYỄN DOÃN TẤN TÀI	Nam	04/03/2007	XÃ ĐỨC LA, HUYỆN ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH	7.9					8.5	16.4	0.5	0	16.9
DD627	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	21/07/2007	XÃ SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG	8.2	7.4					15.6	0.75	0	16.35
DD628	VŨ VĂN LINH	Nam	29/04/2007	XÃ HOẰNG HẢI, HUYỆN HOẰNG HOÁ, THANH HOÁ			8.4	8.6			17	0.5	0	17.5

DD629	PHAN BẢO HUY	Nam	07/04/2007	XÃ PHÚ GIA, HUYỆN HƯƠNG KHÊ, HÀ TĨNH	7.5					7.8	15.3	0.75	0	16.05
DD630	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	14/06/2006	XÃ TÙNG ẢNH, HUYỆN ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH				8.6		8.4	17	0.25	0	17.25
DD631	HOÀNG THỊ BÍCH	Nữ	07/09/2007	XÃ HOÀNG TUNG, HUYỆN HOÀ AN, CAO BẰNG	7.4	8.1					15.5	0.75	0	16.25
DD632	BÙI QUỲNH NHƯ	Nữ	28/12/2007	XÃ THANH SƠN, HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÀ BÌNH		7.6	7.8				15.4	0.75	0	16.15
DD633	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/06/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.2					8.6	17.8	0.25	0	18.05
DD634	PHAN HOÀNG MAI	Nữ	11/01/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI	8.2			8.6			16.8	0.75	0	17.55
DD635	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	15/08/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.6		8.3				16.9	0.25	0	17.15
DD636	ĐỖ HẢI MỸ	Nữ	27/02/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.5			8.9		17.4	0.25	0	17.65
DD637	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	08/01/2007	XÃ ĐAN HỘI, HUYỆN LỤC NAM, BẮC GIANG		7.3			7.9		15.2	0.75	0	15.95
DD638	NGUYỄN THẢO ANH	Nữ	05/11/2007	XÃ KIM THÀNH, HẢI PHÒNG	7.5					7.6	15.1	0.5	0	15.6
DD639	LÂM THỊ THU HẰNG	Nữ	09/01/2007	XÃ VIỆT HÙNG, NAM ĐỊNH	8.6					8.2	16.8	0.5	0	17.3
DD640	NGUYỄN PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	07/05/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI		7.5	6.4				13.9	0.25	0	14.15
DD641	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	08/03/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	7.8			8.3			16.1	0.25	0	16.35
DD642	NGUYỄN THỊ MAI LIÊN	Nữ	18/02/2007	KIẾN XƯƠNG, THÁI BÌNH		8.5		8.4			16.9	0.5	0	17.4
DD643	HOÀNG THỊ THUỶ TRANG	Nữ	02/11/2007	XÃ AN THƯỢNG, HÀ NỘI		8.2	8.1				16.3	0.25	0	16.55
DD644	LÒ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/05/2007	XÃ NẬM TY, HUYỆN SÔNG MÃ, SƠN LA	6.2	6.3					12.5	0.75	0	13.25
DD645	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	09/04/2006	XÃ TRUNG CHÍNH, THANH HOÁ					8.1	8.5	16.6	0.5	0	17.1
DD646	BÙI THU TRANG	Nữ	19/05/2007	NGỌC MỸ, HÀ BÌNH	8.9	8.5					17.4	0.75	0	18.15
DD647	TRẦN THỊ KIM HÂN	Nữ	16/04/2007	XÃ BẠCH ĐẰNG, CAO BẰNG		8				8.2	16.2	0.75	0	16.95

DD648	CHU THỊ YẾN CHI	Nữ	20/01/2007	CẨM KHÊ, PHÚ THỌ			7.1		7.4		14.5	0.5	0	15
DD649	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	06/05/2006	XÃ VĨNH LỘC, THANH HOÁ		6.7			7.7		14.4	0.5	0	14.9
DD650	NGUYỄN HỮU AN	Nam	26/07/2007	PHƯỜNG KIẾN HƯNG, QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.1			8.1			16.2	0	0	16.2
DD651	ĐỖ THANH NGÂN	Nữ	10/12/2007	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, THÁI NGUYÊN				7.8	8		15.8	0.75	0	16.55
DD652	UÔNG TRÀ GIANG	Nữ	14/09/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.7					8.4	16.1	0.25	0	16.35
DD653	LẠI THỊ QUỲNH THI	Nữ	10/03/2007	BÌNH HÒA, NAM ĐỊNH		8.4		9			17.4	0.5	0	17.9
DD654	TRƯƠNG LÊ NHUNG	Nữ	11/10/2007	PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	7.3				9.5		16.8	0.25	0	17.05
DD655	NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	23/09/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	9.2					9.4	18.6	0.25	0	18.85
DD656	LÊ THÁI KHIÊM	Nam	18/02/2007	BỘT XUYỀN, HÀ NỘI			8.3		8.8		17.1	0.25	0	17.35
DD657	LÊ QUANG HUY	Nam	23/01/2007	XÃ ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	7.9	7.8					15.7	0.25	0	15.95
DD658	HÀ QUỐC ANH	Nam	25/06/2007	QUAN HÓA, THANH HOÁ				7.2	7.4		14.6	0.75	0	15.35
DD659	PHÙNG THỊ HOA	Nữ	02/04/2007	XÃ VĨNH LỘC A, TP HỒ CHÍ MINH		7.2				7.8	15	0.25	0	15.25
DD660	ĐỖ ĐỨC MINH	Nam	02/06/2006	XÃ ỨNG THIÊN, HÀ NỘI				8.8	8.9		17.7	0.25	0	17.95
DD661	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	09/10/2007	PHƯỜNG ĐỒNG MAI, HÀ NỘI	8.6			9.1			17.7	0	0	17.7
DD662	ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	21/08/2007	ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ		6.1	6.1				12.2	0.75	0	12.95
DD663	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	09/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.3	8.4					16.7	0	0	16.7
DD664	TRẦN THU HÀ	Nữ	21/12/2007	XÃ TRƯỜNG THỊNH, HUYỆN ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.7			8.5		17.2	0.25	0	17.45
DD665	LÊ THU TRANG	Nữ	12/12/2007	XÃ THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		8.3				8.3	16.6	0.25	0	16.85
DD666	PHÙNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	09/01/2007	XÃ VỖ MIẾU, PHÚ THỌ	8					8.9	16.9	0.75	0	17.65

DD667	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	Nữ	07/08/2007	THANH TÂN, HÀ NAM		8.7			8.9		17.6	0.5	0	18.1
DD668	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	01/07/2007	GIA VIỄN, NINH BÌNH	7.5	7.1					14.6	0.25	0	14.85
DD669	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	14/11/2007	THANH OAI, HÀ NỘI		8.1		8.9			17	0.25	0	17.25
DD670	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	29/11/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI	7.3		7.2				14.5	0.25	0	14.75
DD671	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	21/12/2007	XÃ TUY LAI, HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
DD672	TRẦN KIM HOA	Nữ	20/12/2007	THỊ TRẤN SÓC SƠN, HÀ NỘI	8.2				8.9		17.1	0.25	0	17.35
DD673	NGUYỄN TUỆ LINH	Nữ	25/03/2007	SÓC SƠN, HÀ NỘI	8.5				8.8		17.3	0.25	0	17.55
DD674	NGHIÊM THỊ HOÀNG LINH	Nữ	10/11/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	7.8	8.6					16.4	0.25	0	16.65
DD675	NGHIÊM THỊ HÀ VY	Nữ	16/10/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	7	8.5					15.5	0.25	0	15.75
DD676	ĐÀM THỊ VÂN TRANG	Nữ	27/05/2007	XÃ ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	8.9				8.7		17.6	0.25	0	17.85
DD677	PHẠM THỊ CHÂU QUỲNH	Nữ	31/07/2007	QUỲNH LƯU, NGHỆ AN				7.9		8	15.9	0.5	0	16.4
DD678	VŨ PHƯƠNG LAN	Nữ	18/03/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI	8.8			9.1			17.9	0.25	0	18.15
DD679	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	15/11/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	7.6	8.3					15.9	0.5	0	16.4
DD680	TRẦN PHƯƠNG MAI	Nữ	15/01/2007	YÊN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5		8.5				17	0	0	17
DD740	KIM MINH ÁNH	Nữ	18/02/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		9		8.7			17.7	0.25	0	17.95
DD741	ĐỖ LAN NHI	Nữ	30/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9				9.3		18.3	0.25	0	18.55
DD871	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	21/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.9			9.3	18.2	0	0	18.2
DD872	ĐẶNG THỊ KIM CHI	Nữ	22/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				9.1		9	18.1	0.25	0	18.35
DD873	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM	Nữ	09/08/2007	HUYỆN TÂN YÊN, BẮC GIANG	8				8.4		16.4	0.75	0	17.15

DD874	NGUYỄN THỊ THUỶ CHÂM	Nữ	17/06/2007	XÃ CAO DƯƠNG, PHÚ THỌ		8.2	7.8				16	0.75	0	16.75
DD877	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	27/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.6		9.5	19.1	0.25	0	19.35
DD878	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	06/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8	8.1				16.1	0	0	16.1
DD880	PHẠM THUỶ LINH	Nữ	12/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		9				9.5	18.5	0.25	0	18.75
DDD002	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	14/07/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		7.7	7.8				15.5	0	0	15.5
DDD003	NGUYỄN THU HẰNG	Nữ	06/08/2005	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÒA BÌNH				8.4	8.2		16.6	0.75	0	17.35
DDD005	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	14/12/2004	HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI				8.9	7.5		16.4	0.25	0	16.65
DDD006	VŨ QUANG CƯỜNG	Nam	17/10/2003	THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ	8		7.7				15.7	0.25	0	15.95
DDD007	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	22/11/2003	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI			8.3	8.2			16.5	0.25	0	16.75
DDD008	PHẠM HƯƠNG GIANG	Nữ	31/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9	8.3					17.3	0.25	0	17.55
DDD009	NGUYỄN ĐĂNG AN	Nam	25/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.9			9.5	18.4	0	0	18.4
DDD010	BÙI MAI CHI	Nữ	22/02/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI			9.1		9.1		18.2	0.25	0	18.45
DDD011	TRINH THẢO VI	Nữ	07/02/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8.4				7.9	16.3	0.75	0	17.05
DDD012	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	30/09/2007	THỊ XÃ CHÍ LINH, HẢI DƯƠNG	7.9					8.1	16	0.75	0	16.75
DDD013	ĐÀO PHƯƠNG ANH	Nữ	24/12/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI				7.5		7.1	14.6	0.75	0	15.35
DDD014	LÊ THỊ QUỲNH CHI	Nữ	09/09/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI		7.5		7.4			14.9	0.75	0	15.65
DDD015	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	14/06/2006	HUYỆN DIỄN CHÂU, NGHỆ AN				8.9		9.2	18.1	0.5	0	18.6
DDD016	TRẦN NGỌC GIA BẢO	Nam	25/06/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI	7.4			7.7			15.1	0.75	0	15.85
DDD017	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	05/12/2007	HUYỆN GIAO THỦY, NAM ĐỊNH	8.1	8.7					16.8	0.5	0	17.3

DDD018	ĐỖ LAI XUÂN	Nữ	08/12/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI				9.6	9.1		18.7	0	0	18.7
DDD019	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	30/08/2007	HUYỆN YÊN BÌNH, YÊN BÁI	7.7			8.1			15.8	0.75	0	16.55
DDD020	NGUYỄN HỒNG ANH	Nữ	20/10/2007	HUYỆN BẮC HÀ, LÀO CAI				8.1	8.3		16.4	0.75	0	17.15
DDD021	NGUYỄN PHÚC TÀI	Nam	02/02/2007	QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	9.2		9.9				19.1	0	0	19.1
DDD022	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	05/10/2007	HUYỆN YÊN KHÁNH, NINH BÌNH		8		7.9			15.9	0.75	0	16.65
DDD023	LÊ THỊ THANH HIỀN	Nữ	14/02/2007	HUYỆN YÊN KHÁNH, NINH BÌNH		7.5	6.9				14.4	0.5	0	14.9
DDD024	LÊ LINH CHI	Nữ	26/04/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.7		9				17.7	0.25	0	17.95
DDD025	PHẠM THỊ YẾN	Nữ	06/07/2007	THỊ XÃ BỈM SƠN, THANH HOÁ	9.4		9.2				18.6	0.25	0	18.85
DDD026	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	26/07/2007	THỊ XÃ PHÚC YÊN, VĨNH PHÚC	8.4				8.1		16.5	0.25	0	16.75
DDD027	NGUYỄN THỊ DIỆU PHƯƠNG	Nữ	21/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.1		8.4			16.5	0.25	0	16.75
DDD028	VŨ QUỲNH NGÀ	Nữ	15/10/2006	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI				7.8		7.8	15.6	0.25	0	15.85
DDD029	NGÔ THỊ HƯƠNG	Nữ	24/10/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI				8.4	7.6		16	0.25	0	16.25
DDD030	PHẠM THÂN TÚ	Nam	24/10/2004	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG		6.3			6.4		12.7	0.75	0	13.45
DDD031	NGUYỄN NGỌC LINH CHI	Nữ	04/06/2007	YÊN NGHĨA, HÀ NỘI				8.3	8.1		16.4	0	0	16.4
DDD032	TRẦN ĐỨC ANH	Nam	19/01/2007	LIÊN BẠT, HÀ NỘI					8.8	8.6	17.4	0.25	0	17.65
DDD033	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	07/07/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			9		9.2		18.2	0	0	18.2
DDD034	BÙI ĐĂNG ANH	Nam	23/08/2007	PHƯỜNG MINH KHAI, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI		8.2		7.7			15.9	0.25	0	16.15
DDD040	NGUYỄN DIỆU TRANG	Nữ	25/09/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI			8.9	8.6			17.5	0.25	0	17.75
DDD041	NGUYỄN THỊ NHƯ	Nữ	19/06/2007	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÀ BÌNH		8.5	8.2				16.7	0.75	0	17.45

DDD042	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	26/02/2007	HUYỆN KINH MÔN, HẢI DƯƠNG			8		7.6		15.6	0.75	0	16.35
DDD043	TRẦN THU HÀ	Nữ	03/03/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.6	8.1					16.7	0.25	0	16.95
DDN001	PHAN KHÁNH LINH	Nữ	20/12/2007	HUYỆN HÀM YÊN, TUYỀN QUANG	7.6		7.7				15.3	0.75	0	16.05
DDN003	PHẠM YẾN NHI	Nữ	07/02/1998	HUYỆN HƯƠNG SƠN, HÀ TĨNH	8.5					7.7	16.2	0.5	0	16.7
DDN004	LÒ TRIỆU VY	Nữ	25/07/2007	HUYỆN MƯỜNG LA, SƠN LA		6.6		7.1			13.7	0.75	0	14.45
DDN005	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	08/07/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.2		8.5				15.7	0.25	0	15.95
DDN006	TRẦN MINH NGỌC	Nữ	14/12/2004	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI				8.2	8.1		16.3	0.5	0	16.8
DDN007	ĐOÀN NHẬT QUANG	Nam	29/09/2005	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				7.8	7		14.8	0.25	0	15.05
DDN008	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	09/11/2007	HUYỆN THANH BA, PHÚ THỌ	7		8.1				15.1	0.25	0	15.35
DDN009	ĐÀO PHƯƠNG ANH	Nữ	24/12/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI				7.5		7.1	14.6	0.75	0	15.35
DDN010	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	15/07/2006	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.7	8.7				16.4	0.25	0	16.65
DDN011	PHÙNG THỊ HUYỀN ANH	Nữ	30/10/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				8.2	8.7		16.9	0.25	0	17.15
DDN012	LÙ THỊ SÊNH	Nữ	04/06/2007	HUYỆN MƯỜNG NHÉ, ĐIỆN BIÊN		6.7	6.7				13.4	0.75	0	14.15
DDN013	NGUYỄN BẢO NHI	Nữ	31/05/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.2	7.9					16.1	0.25	0	16.35
DDN014	NGUYỄN BẢO CHI	Nữ	31/05/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.1	7.9					16	0.25	0	16.25
DDN015	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	26/07/2007	THỊ XÃ PHÚC YÊN, VĨNH PHÚC	8.4				8.1		16.5	0.25	0	16.75
DDN016	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	11/08/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH		8.6		8.4			17	0.25	0	17.25
DDN017	VŨ BÍCH NGỌC	Nữ	19/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4	8.5					16.9	0	0	16.9
DDN018	HOÀNG NGỌC ANH	Nữ	13/01/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI				9.4	9.4		18.8	0.25	0	19.05

DDN019	LƯU VĂN ĐỨC	Nam	21/06/2007	XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI	8.5	8.1					16.6	0.25	0	16.85
DDN020	CẦN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	16/03/2007	XÃ LẠI THƯỢNG, HÀ NỘI				9.4	9.4		18.8	0.25	0	19.05
DDN021	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	08/10/2007	XÃ XUÂN HỒNG, NAM ĐỊNH	7.2	8.5					15.7	0.5	0	16.2
HS001	NGUYỄN NGỌC LINH CHI	Nữ	04/06/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.9	9.7				17.6	0	0	17.6
HS002	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	28/02/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI	8.9	8.2					17.1	0.25	0	17.35
HS003	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	11/09/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0.25	0	16.75
HS004	PHẠM THẢO VY	Nữ	18/09/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	8.1	7.4					15.5	0.25	0	15.75
HS005	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	13/05/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI					8.8	8.5	17.3	0.25	0	17.55
HS006	BẠCH THỊ ANH THƯ	Nữ	12/09/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				8.8	9.1		17.9	0.25	0	18.15
HS007	TRƯƠNG NHÃ PHƯƠNG	Nữ	19/03/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1				9.7		18.8	0.25	0	19.05
HS008	NGUYỄN THỊ NHỚ	Nữ	14/09/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI				9.5	9.8		19.3	0.25	0	19.55
HS010	TRƯƠNG THẢO HUYỀN	Nữ	05/08/2006	HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	6.5			8			14.5	0.75	0	15.25
HS011	ĐỖ PHƯƠNG ỨNG	Nữ	25/12/2007	HUYỆN LỤC YÊN, YÊN BÁI		8.4		9.4			17.8	0.75	0	18.55
HS012	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	20/10/2007	HUYỆN HIỆP HÒA, BẮC GIANG		8.5		8.5			17	0.75	0	17.75
HS013	ĐỖ THỊ LANH	Nữ	25/11/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.3	8.1					15.4	0.25	0	15.65
HS014	LÊ GIÁP BẢO CHI	Nữ	07/11/2007	HUYỆN YÊN MÔ, NINH BÌNH	7.2	8					15.2	0.25	0	15.45
HS015	HOÀNG THỊ LAN ANH	Nữ	24/10/2007	HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	8.4					9.1	17.5	0.5	0	18
HS016	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/08/2007	HUYỆN THANH THỦY, PHÚ THỌ		7.1	7.5				14.6	0.75	0	15.35
HS017	ĐỖ THU PHƯƠNG	Nữ	10/06/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI				9.1	9.1		18.2	0.75	0	18.95

HS018	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	11/10/2007	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI	8.5	9.1					17.6	0.25	0	17.85
HS019	NGUYỄN THỊ THU ĐIỀU	Nữ	16/08/2007	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	7.2	8.5					15.7	0.5	0	16.2
HS020	BẠCH HẢI NGUYỆT	Nữ	27/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.7	8.6	17.3	0.25	0	17.55
HS021	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	20/09/2007	HUYỆN TĨNH GIA, THANH HOÁ				8.8	8.7		17.5	0.5	0	18
HS022	BÙI THỊ HỒNG CƠ	Nữ	14/02/2007	NÁNH NGHÊ, HÒA BÌNH		8			8		16	0.75	0	16.75
HS023	VŨ THỊ YẾN NHI	Nữ	30/10/2007	XÃ NGHĨA LẠC, NAM ĐỊNH				8.4		8.8	17.2	0.5	0	17.7
HS024	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	15/06/2007	XÃ NGHĨA SƠN, NINH BÌNH				8.4	8.9		17.3	0.5	0	17.8
HS025	LƯƠNG THỊ THANH HOA	Nữ	02/09/2006	CHƯƠNG DƯƠNG, HÀ NỘI	8					9.5	17.5	0.25	0	17.75
HS026	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	27/10/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	8.3	8.8					17.1	0.25	0	17.35
HS027	LƯU HOÀNG ANH	Nữ	21/05/2007	XÃ KIM SƠN, HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.8		9				17.8	0.25	0	18.05
HS028	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	06/05/2006	XÃ VĨNH LỘC, THANH HOÁ		6.7			7.7		14.4	0.5	0	14.9
HS029	NGUYỄN YẾN LINH	Nữ	27/12/2007	VẠN PHÚC, THANH TRÌ, HÀ NỘI	7.9	8.3					16.2	0.25	0	16.45
PHCN001	NGUYỄN THỊ THU XUÂN	Nữ	21/09/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH		8.6		8.7			17.3	0.25	0	17.55
PHCN002	NGÔ XUÂN QUỲNH	Nam	24/04/2004	HUYỆN NÔNG CỐNG, THANH HOÁ	8.9					9.3	18.2	0.5	0	18.7
PHCN003	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	30/05/2006	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.7	8.7					16.4	0.25	0	16.65
PHCN004	DƯƠNG BẢO NGỌC	Nữ	06/01/2007	HUYỆN PHÚ BÌNH, THÁI NGUYÊN	7.3			7.1			14.4	0.5	0	14.9
PHCN005	LÊ DUY ANH	Nam	09/07/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	7.8	7					14.8	0	0	14.8
PHCN006	DƯƠNG THÁI BẢO	Nữ	18/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.6	9.3					18.9	0.25	0	19.15
PHCN007	TIÊU GIA TRÍ	Nam	18/07/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI		7.6	8.2				15.8	0	0	15.8

PHCN008	HOÀNG ĐỨC HƯNG	Nam	23/08/2005	HUYỆN YÊN THẾ, BẮC GIANG				7.8		7.1	14.9	0.75	0	15.65
PHCN009	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	17/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.6		8.4		17	0	0	17
PHCN010	LƯU NGUYỄN ANH KHOA	Nam	06/09/2007	QUẬN SƠN TRÀ, ĐÀ NẴNG				8.7	8.8		17.5	0	0	17.5
PHCN011	NGUYỄN VĂN TUẤN ĐẠT	Nam	15/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.6			9			17.6	0.5	0	18.1
PHCN012	NGUYỄN CÔNG HƯNG	Nam	17/11/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.2	8.2					16.4	0.25	0	16.65
PHCN013	TRẦN MAI LINH	Nữ	13/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.2	9					18.2	0	0	18.2
PHCN014	PHAN ĐÌNH PHÚC	Nam	26/02/2007	THỊ XÃ TỪ SƠN, BẮC NINH	8.6		7.8				16.4	0	0	16.4
PHCN015	TRẦN HẢI NHI	Nữ	05/02/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG			6.2			6.6	12.8	0.75	0	13.55
PHCN016	LÊ HẢI YẾN	Nữ	28/02/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI		7.6	7.5				15.1	0.25	0	15.35
PHCN017	PHẠM NGUYỄN TÚ QUYÊN	Nữ	21/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8			8.4		16.4	0.25	0	16.65
PHCN018	ĐÌNH THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	15/01/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	9.8		9.2				19	0.25	0	19.25
PHCN019	ĐÌNH THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	12/05/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG		8.2		8			16.2	0.75	0	16.95
PHCN020	LÊ THÀNH CÔNG	Nam	27/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.6	8.1					16.7	0.25	0	16.95
PHCN021	VŨ QUANG VIỆT	Nam	01/12/2007	HUYỆN KIM ĐỘNG, HƯNG YÊN					7.9	7.8	15.7	0.5	0	16.2
PHCN022	TẠ THỊ HỒNG	Nữ	29/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.9			9.4			18.3	0.25	0	18.55
PHCN023	ĐỖ ĐỨC BÌNH	Nam	10/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8			9.2			18	0	0	18
PHCN024	NGUYỄN LAN UYẾN NHI	Nữ	27/10/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.2	9		17.2	0.25	0	17.45
PHCN025	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	09/11/2007	HUYỆN THANH BA, PHÚ THỌ	7		8.1				15.1	0.25	0	15.35
PHCN026	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	24/01/1991	HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG	5.2				5.3		10.5	0.25	0	10.75

PHCN027	PHẠM THỊ MỸ BÌNH	Nữ	14/08/1996	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.1	7.6					14.7	0.25	0	14.95
PHCN028	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	08/04/1999	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI					8.8	8.5	17.3	0	0	17.3
PHCN029	ĐỖ MINH THƯ	Nữ	14/09/2007	HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI	7.3		8.7				16	0.25	0	16.25
PHCN030	VŨ ANH ĐỨC	Nam	26/10/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.6				8.6		17.2	0.25	0	17.45
PHCN031	HOÀNG NGUYỄN NHẬT NAM	Nam	16/08/2007	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH		8.1	7.7				15.8	0.25	0	16.05
PHCN032	TRẦN THU HÀ	Nữ	23/02/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG	7.6					7.6	15.2	0.75	0	15.95
PHCN033	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	09/01/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.3	8					16.3	0.25	0	16.55
PHCN034	NGUYỄN NHẤT KHÁNH BÌNH	Nam	18/04/2007	THÀNH PHỐ LAI CHÂU, LAI CHÂU			8.5	7.4			15.9	0.75	0	16.65
PHCN035	CHỦ DUY KHANH	Nam	23/07/2007	HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI					8.1	7.6	15.7	0	0	15.7
PHCN036	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	26/06/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH				8.8	9.4		18.2	0.25	0	18.45
PHCN037	LÊ ĐẮC SÁNG	Nam	30/11/2006	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.4	8.8		18.2	0	0	18.2
PHCN038	PHẠM HUY LỰC	Nam	24/04/2007	THÀNH PHỐ SƠN LA, SƠN LA	6.9		7.2				14.1	0.75	0	14.85
PHCN039	HÀN ANH DƯƠNG	Nam	19/03/2005	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.1			8.6			16.7	0	0	16.7
PHCN040	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	05/02/2007	HUYỆN YÊN PHONG, BẮC NINH				7.7	7.5		15.2	0.5	0	15.7
PHCN041	TRỊNH CÔNG THÀNH	Nam	17/11/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				9		8.9	17.9	0	0	17.9
PHCN042	TRẦN HOÀNG SƠN	Nam	17/09/2007	QUẬN TÂY HỒ, HÀ NỘI	9.1				9.1		18.2	0	0	18.2
PHCN043	ĐÀO DUY QUANG VĂN	Nam	20/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.6	8.2	16.8	0	0	16.8
PHCN044	PHẠM VĂN ANH	Nam	22/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.3			9			17.3	0	0	17.3
PHCN045	TRẦN THỊ KIM CHI	Nữ	04/12/2007	HUYỆN SÔNG LÔ, VĨNH PHÚC	8	8.3					16.3	0.5	0	16.8

PHCN046	NINH THỊ KIM OANH	Nữ	29/11/2007	HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH				8.3	7.5		15.8	0.5	0	16.3
PHCN047	NGUYỄN NHẬT DƯƠNG	Nam	10/12/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.4	8.7					17.1	0.25	0	17.35
PHCN048	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	05/06/2007	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	8.3					8.6	16.9	0.75	0	17.65
PHCN049	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	11/02/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI			8.3			8.6	16.9	0	0	16.9
PHCN050	VŨ THẾ ANH	Nam	14/01/2007	HUYỆN KINH MÔN, HẢI DƯƠNG	9.4			9.2			18.6	0.75	0	19.35
PHCN051	TRỊNH THỊNH	Nam	08/11/2007	MỸ LÂM, TUYÊN QUANG				6.3	6.3		12.6	0.75	0	13.35
PHCN052	TRẦN PHẠM THU TRANG	Nữ	06/10/2007	PHƯỜNG MƯỜNG THANH, ĐIỆN BIÊN	6.8	6.7					13.5	0.25	0	13.75
PHCN053	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	07/06/2007	XÃ SÌN HỒ, LAI CHÂU				7.5	6.1		13.6	0.75	0	14.35
PHCN054	CẦN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	16/03/2007	XÃ LẠI THƯỢNG, HÀ NỘI				9.4	9.4		18.8	0.25	0	19.05
PHCN055	ĐẶNG QUỐC VIỆT	Nam	29/09/2007	XÃ HỒNG SƠN, HÀ NỘI	7.8			7.8			15.6	0.25	0	15.85
PHCN056	HOÀNG VIỆT TÙNG	Nam	17/12/2007	CỔ NHUẾ 2, HÀ NỘI	7.7					7.8	15.5	0.25	0	15.75
PHCN057	HOÀNG THÙY DƯƠNG	Nữ	04/04/2007	HUYỆN LỤC NAM, BẮC GIANG	8.5					8.2	16.7	0.75	0	17.45
PHCN058	TRẦN VĂN Hào	Nam	24/06/2000	LỤC SƠN, BẮC NINH	6.6			6.6			13.2	0.75	0	13.95
PHCN059	ĐÀO THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	13/12/2007	XÃ GIAO BÌNH, NINH BÌNH				8		8	16	0.5	0	16.5
PHCN060	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	09/05/2007	XÃ SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG	8.6				7.7		16.3	0.75	0	17.05
PHCN061	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	02/03/2007	MỘC CHÂU, SƠN LA		7.3	8				15.3	0.75	0	16.05
PHCN062	MAI VIỆT ANH	Nam	24/09/2007	XÃ XÍN MẦN, TUYÊN QUANG				8.9		8.8	17.7	0.75	0	18.45
PHCN063	PHẠM THỊ HẢI LY	Nữ	05/03/2006	THỊ TRẤN THANH MIỆN, HUYỆN THANH MIỆN, HẢI DƯƠNG		7.9		7.3			15.2	0.5	0	15.7
PHCN064	TẠ HỒNG HẠNH	Nữ	23/11/2007	ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI		8.7				9	17.7	0.25	0	17.95

PHCN065	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	04/03/2007	HƯNG HÀ, THÁI BÌNH		7.6			8.5		16.1	0.5	0	16.6
PHCN066	NGUYỄN THANH VÂN	Nữ	25/10/2007	TAM HIỆP, THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.5	7.9					16.4	0.25	0	16.65
PHCN067	MAI PHI HÀO	Nam	04/12/2007	LONG BIÊN, HÀ NỘI		7				7.2	14.2	0	0	14.2
PHCN068	PHÙNG THỊ HOA	Nữ	02/04/2007	XÃ VĨNH LỘC A, TP HỒ CHÍ MINH		7.2				7.8	15	0.25	0	15.25
PHCN069	ĐẶNG PHƯƠNG LAN	Nữ	08/09/2007	MÊ LINH, HÀ NỘI		7.2		7.2			14.4	0.25	0	14.65
PHCN070	VŨ NGUYỄN THÚY NGÀ	Nữ	09/08/2007	THÀNH PHỐ LÀO CAI, LÀO CAI	8				8.1		16.1	0.75	0	16.85
PHCN071	PHẠM NGỌC DUY	Nam	22/10/2007	THÀNH PHỐ HOA LŨ, NINH BÌNH	7.9				7.9		15.8	0.25	0	16.05
PHCN072	ĐINH PHƯƠNG LINH	Nữ	28/10/2007	BÌNH MINH, HÀ NỘI					8.8	8.9	17.7	0.25	0	17.95
PHCN093	PHẠM NHẬT ANH	Nam	08/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.5		6.2				13.7	0	0	13.7
PHCN095	NGUYỄN VĂN HUỠNH	Nam	13/03/2007	XÃ THANH VĂN, HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.9					7.3	15.2	0.25	0	15.45
PHCN096	BÙI ĐỨC QUÝ	Nam	18/04/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.7	8.4					16.1	0.25	0	16.35
SD001	CẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.2	8.7				16.9	0	0	16.9
SD002	MÀU THỊ TUYẾT ANH	Nữ	14/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				9.4		8.8	18.2	0.25	0	18.45
SD003	LÊ BÍCH LY	Nữ	06/03/2007	HUYỆN TIỀN DU, BẮC NINH			5		5		10	0.5	0	10.5
SD004	LÊ THỊ NGỌC MỸ	Nữ	13/11/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.1		8.9	18	0.25	0	18.25
SD005	HOÀNG NGỌC BÍCH	Nữ	30/11/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.8	9.4		18.2	0	0	18.2
SD006	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	25/01/2004	HUYỆN NGÀ SƠN, THANH HOÁ	8.4	8.6					17	0.5	0	17.5
SD007	ĐẶNG KIỀU LINH	Nữ	03/09/2007	HUYỆN THẠCH THẮT, HÀ NỘI		8.1		8.3			16.4	0.25	0	16.65
SD008	VŨ KHÁNH LINH	Nữ	23/10/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.3				8.3		16.6	0.25	0	16.85

SD009	CHU THUỶ LINH	Nữ	31/08/2007	HUYỆN MAI SƠN, SƠN LA	8.3		8.2				16.5	0.75	0	17.25
SD010	LÊ ÁNH NGỌC	Nữ	09/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4	7.6					16	0.25	0	16.25
SD011	ĐINH THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	15/01/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	9.8		9.2				19	0.25	0	19.25
SD012	LÊ NGỌC HUYỀN	Nữ	02/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			9.2			9.1	18.3	0	0	18.3
SD013	ĐINH THANH TRÚC	Nữ	09/06/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.8	8.1					15.9	0	0	15.9
SD014	ĐỖ THỊ HUYỀN	Nữ	23/12/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI		7.8	7.6				15.4	0.25	0	15.65
SD015	LÂM HÀ VI	Nữ	13/06/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	7.7	7.6					15.3	0.25	0	15.55
SD016	MAI NGỌC BẢO ANH	Nữ	09/03/2007	QUẬN TÂY HỒ, HÀ NỘI		8			8.2		16.2	0	0	16.2
SD017	HÀ CẨM TRINH	Nữ	20/08/2007	HUYỆN MỘC CHÂU, SƠN LA			7.5	7.9			15.4	0.75	0	16.15
SD018	TẠ BÍCH AN	Nữ	10/02/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.3	7.8					15.1	0	0	15.1
SD019	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	18/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.1		8.1				16.2	0.25	0	16.45
SD020	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	08/02/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.2	9.3					18.5	0.25	0	18.75
SD021	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	03/02/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.7				6.6		13.3	0.75	0	14.05
SD022	LÊ THỊ THUỶ BÌNH	Nữ	29/06/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.4	8.5	16.9	0.25	0	17.15
SD023	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	14/02/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8	8.1	16.1	0.25	0	16.35
SD026	HÀ THỊ NGÂN HUỆ	Nữ	10/11/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA		6.9			6.5		13.4	0.75	0	14.15
SD027	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	25/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			7.7	8.9			16.6	0	0	16.6
SD028	PHẠM QUỲNH TRANG	Nữ	20/08/2007	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH					8.3	8.5	16.8	0.5	0	17.3
SD029	ĐỖ PHƯƠNG MY	Nữ	29/04/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8				8.1		16.1	0	0	16.1

SD030	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/03/2007	HUYỆN TAM NÔNG, PHÚ THỌ	6.7	7.1					13.8	0.5	0	14.3
SD031	PHẠM MINH THƯ	Nữ	28/09/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI	8			8.3			16.3	0	0	16.3
SD032	ỨNG PHƯƠNG ANH	Nữ	14/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.9	8.5		17.4	0	0	17.4
SD033	ĐÀO THỊ NGUYỆT	Nữ	16/01/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.6	8.1					15.7	0.25	0	15.95
SD034	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	07/05/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH			7.3		7.8		15.1	0.25	0	15.35
SD035	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	17/06/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH				8.5		8.4	16.9	0.5	0	17.4
SD036	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	21/12/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.5				8.5		17	0.25	0	17.25
SD037	CHU THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/07/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI				9	9.3		18.3	0.25	0	18.55
SD038	BẠCH HẢI NGUYỆT	Nữ	27/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.7	8.6	17.3	0.25	0	17.55
SD039	NGUYỄN KIÊM HUY	Nam	10/11/2005	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG				8.7		8.5	17.2	0.5	0	17.7
SD040	ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	04/12/2007	HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.4	8.5					16.9	0.25	0	17.15
SD041	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	29/08/2007	THÀNH PHỐ YÊN BÁI, YÊN BÁI		7.5		7.7			15.2	0.75	0	15.95
SD042	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	21/12/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
SD043	THÂN NGỌC TRANG	Nữ	14/12/2007	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI	8	8.1					16.1	0	0	16.1
SD044	VŨ THỊ THANH BÌNH	Nữ	07/12/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.2			8.5	16.7	0.25	0	16.95
SD045	NGUYỄN VÂN KHÁNH	Nữ	04/10/2007	HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH	8.4	8.4					16.8	0.5	0	17.3
SD046	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	06/08/2007	HUYỆN ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ				7.5	6.9		14.4	0.75	0	15.15
SD047	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	05/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8	8					16	0	0	16
SD048	ĐINH TUYẾT NHUNG	Nữ	13/09/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	7.8	8.1					15.9	0	0	15.9

SD049	HOÀNG THỊ MẾN	Nữ	28/01/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH	7.7	8					15.7	0.5	0	16.2
SD050	LÊ THU PHƯƠNG	Nữ	09/06/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0	0	16.9
SD051	LÊ THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	18/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		9				9.3	18.3	0	0	18.3
SD052	TRẦN THẢO HIỀN	Nữ	15/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0	0	16.5
SD053	BẠCH THỊ ANH THƯ	Nữ	12/09/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				8.8	9.1		17.9	0.25	0	18.15
SD054	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	Nữ	27/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.5	8.5					16	0.25	0	16.25
SD055	ĐÌNH THỊ THANH LAN	Nữ	09/07/2007	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÒA BÌNH		8.6				8	16.6	0.75	0	17.35
SD056	ĐÀO HÀ MY	Nữ	17/01/2007	HUYỆN KHÓAI CHÂU, HƯNG YÊN	9.3			8.9			18.2	0.5	0	18.7
SD057	TRẦN MAI PHƯƠNG	Nữ	14/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.8	7.3					15.1	0.25	0	15.35
SD058	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	17/03/2006	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				9.6		9.4	19	0.25	0	19.25
SD059	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Nữ	16/06/2006	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI	9.1				9.3		18.4	0.5	0	18.9
SD060	PHẠM THỊ TOAN	Nữ	13/06/2007	HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH				8.5		7.8	16.3	0.5	0	16.8
SD061	NGUYỄN HẢI VÂN	Nữ	17/11/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.6	8.5					17.1	0.25	0	17.35
SD062	ĐÀO THỊ VÂN ANH	Nữ	25/04/2007	HUYỆN LÝ NHÂN, HÀ NAM	7.7	7.2					14.9	0.5	0	15.4
SD063	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	27/07/2006	HUYỆN THUẬN THÀNH, BẮC NINH					8.3	7.9	16.2	0.75	0	16.95
SD064	ĐẶNG PHƯƠNG TRANG	Nữ	17/08/2006	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.1				8.9	17	0	0	17
SD065	ĐÌNH THU TRANG	Nữ	11/10/2005	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.7		9.1	17.8	0	0	17.8
SD066	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	14/02/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8		8.6			16.6	0.25	0	16.85
SD067	LÊ NGỌC LINH	Nữ	26/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.8	8.2	17	0.25	0	17.25

SD068	VŨ THỊ VÂN ANH	Nữ	23/11/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	7.7					7.9	15.6	0	0	15.6
SD069	ĐẶNG DIỆP CHI	Nữ	17/08/2007	THÀNH PHỐ BẮC GIANG, BẮC GIANG	7.6				8.1		15.7	0.25	0	15.95
SD070	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	20/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				9.2	8.5		17.7	0.25	0	17.95
SD071	LÊ THỊ CẨM LY	Nữ	13/12/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.5			8.9			17.4	0.25	0	17.65
SD072	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	11/07/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.9		8.8	17.7	0	0	17.7
SD073	MAI THUỶ LINH	Nữ	16/07/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI		7.8				7.1	14.9	0.25	0	15.15
SD074	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	15/02/2007	HUYỆN QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH	8.3		8.6				16.9	0.5	0	17.4
SD075	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	28/03/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.6	8.1					16.7	0.25	0	16.95
SD076	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	Nữ	07/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.7	8.2					15.9	0	0	15.9
SD077	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀI	Nữ	15/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.9	8.3					17.2	0	0	17.2
SD078	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	21/11/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.9	8.5					17.4	0.75	0	18.15
SD079	NGÔ THỊ THANH MAI	Nữ	15/11/2007	THỊ XÃ QUẢNG YÊN, QUẢNG NINH	6.9	7.5					14.4	0.25	0	14.65
SD080	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	02/11/2001	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.4	8.7		17.1	0.25	0	17.35
SD081	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/07/2007	QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI					8.6	9.4	18	0	0	18
SD082	NGUYỄN THỊ THUÝ LY	Nữ	10/06/2007	HUYỆN MÊ LINH, HÀ NỘI				8.6		9	17.6	0.25	0	17.85
SD083	PHẠM THỊ BẢO NGỌC	Nữ	18/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.3	7.9	16.2	0.25	0	16.45
SD084	PHẠM THỊ MINH NGỌC	Nữ	18/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.4	7.7	16.1	0.25	0	16.35
SD085	PHÙNG PHƯƠNG LINH	Nữ	16/09/2007	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, THÁI NGUYÊN	7.2					8.3	15.5	0.75	0	16.25
SD086	TẠ NGUYỄN GIA THUY	Nữ	10/03/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.7	8.7					17.4	0.25	0	17.65

SD087	TRẦN THỊ LINH	Nữ	21/07/2007	HUYỆN LỤC YÊN, YÊN BÁI		8.6		8.6			17.2	0.75	0	17.95
SD088	PHÙNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	15/12/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				8.7	9.3		18	0.25	0	18.25
SD089	CHU THỊ BẢO CHÂM	Nữ	04/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.4					8.1	15.5	0.25	0	15.75
SD090	TRIỆU NGỌC MAI ANH	Nữ	28/07/2007	HUYỆN KINH MÔN, HẢI DƯƠNG	8.4			7.6			16	0.75	0	16.75
SD091	NGUYỄN KHÁNH CHI	Nữ	25/07/2007	QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI		8.2			8.4		16.6	0.25	0	16.85
SD092	LÊ THUÝ ANH	Nữ	15/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI		8.1	8.5				16.6	0.25	0	16.85
SD093	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/12/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.3	8.2					16.5	0.25	0	16.75
SD094	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	19/10/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH		7.2		7.9			15.1	0.75	0	15.85
SD095	NGUYỄN ÁNH NGỌC	Nữ	05/10/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI			6.7	7.6			14.3	0.25	0	14.55
SD096	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	11/03/2007	HUYỆN TÂN YÊN, BẮC GIANG	6.4	7.1					13.5	0.75	0	14.25
SD097	LẠI LINH CHI	Nữ	19/12/2007	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	7.5	7.1					14.6	0.75	0	15.35
SD098	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	13/10/2007	THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, HÀ NAM	7.4	7.8					15.2	0.25	0	15.45
SD099	LƯU THỊ TUYẾT MAI	Nữ	28/05/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI			7.9	8.2			16.1	0.25	0	16.35
SD100	ĐỖ NGỌC ÁNH	Nữ	20/08/2007	XÃ PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI		7.1	7.3				14.4	0.25	0	14.65
SD101	ĐỖ KHÁNH CHI	Nữ	12/07/2007	PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.6				9.5	18.1	0	0	18.1
SD102	TẠ KHÁNH LINH	Nữ	18/10/2007	HUANG XÁ, CHUÔNG DƯƠNG, THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI LÀ NỘI	9.2	8.7					17.9	0.25	0	18.15
SD103	TẠ THỊ QUỲNH	Nữ	23/09/2007	LA PHÙ, HÀ NỘI				9.1		8.6	17.7	0.25	0	17.95
SD104	KHUẤT THU UYÊN	Nữ	26/09/2007	PHÚC THỌ, HÀ NỘI	7.4	7.1					14.5	0.25	0	14.75
SD105	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	09/08/2007	TÂY HỒ, HÀ NỘI		8.4				8.6	17	0	0	17

SD106	CAO THỊ MINH TRANG	Nữ	29/03/2007	XÃ BÍCH HOÀ, HÀ NỘI	8.2	7.7					15.9	0.25	0	16.15
SD107	TRẦN THỊ ANH TUYẾT	Nữ	01/01/2007	VĨNH THUẬN, HẢI PHÒNG	6.3	7.4					13.7	0.25	0	13.95
SD108	HÀ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/10/2006	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4	8.2					16.6	0.25	0	16.85
SD109	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	30/03/2007	XÃ HƯNG ĐẠO, HÀ NỘI			7.3		8.7		16	0.25	0	16.25
SD110	NGUYỄN THỊ HÀ DUNG	Nữ	24/05/2007	AN KHÁNH, HÀ NỘI				9.4	8.9		18.3	0.25	0	18.55
SD112	NGUYỄN HẢI LINH	Nữ	25/12/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.2	8.6				16.8	0	0	16.8
SD113	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	02/04/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.4			8.7		17.1	0.25	0	17.35
SD114	PHẠM THỊ OANH	Nữ	10/05/2007	XÃ XUÂN THÀNH, HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH		8		7.8			15.8	0.5	0	16.3
SD115	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	15/05/2007	XÃ CÁT QUẾ, HÀ NỘI				9.4	9.1		18.5	0.25	0	18.75
SD116	ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	22/10/2007	XÃ CỔ ĐÔ, HÀ NỘI					9.2	9.1	18.3	0.25	0	18.55
SD117	TRỊNH ĐAN THUỶ	Nữ	11/02/2007	XÃ XUÂN TÂN, HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	7.5	8					15.5	0.5	0	16
SD118	PHÙNG THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	01/03/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI		7.8			8.7		16.5	0.25	0	16.75
SD119	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	11/11/2007	XÃ TRẦN PHÚ, HÀ NỘI	8.8	9					17.8	0.25	0	18.05
SD120	PHẠM HẢI YẾN	Nữ	08/03/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	7.8			8.3			16.1	0.25	0	16.35
XN001	LÔ HUY HOÀNG PHÚC	Nam	19/08/2007	HUYỆN QUỲ HỢP, NGHỆ AN				9.1	8.5		17.6	0.75	0	18.35
XN002	BÙI THỊ ANH ĐÀO	Nữ	12/08/2007	HUYỆN YÊN THỦY, HÒA BÌNH		6.95	7.45				14.4	0.75	0	15.15
XN003	LÊ VĂN CẢNH	Nam	05/07/2001	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.6			8.6	17.2	0	0	17.2
XN004	PHẠM KHÁNH HUYỀN	Nữ	17/11/2006	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI				8.7	8.5		17.2	0	0	17.2
XN005	PHẠM THUỶ LINH	Nữ	12/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		9				9.5	18.5	0.25	0	18.75

XN006	TRẦN VIỆT HOÀNG	Nam	02/05/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				7.5	8.2		15.7	0.25	0	15.95
XN007	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	21/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8	8.7					16.7	0.25	0	16.95
XN008	LÊ HƯƠNG LY	Nữ	07/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.5	8.1					16.6	0.25	0	16.85
XN009	LÊ THÀNH CÔNG	Nam	27/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.6			8.6			17.2	0.25	0	17.45
XN010	TĂNG THIẾT GIÁP	Nam	09/03/2006	THÀNH PHỐ THANH HÓA, THANH HOÁ				8		8.4	16.4	0.25	0	16.65
XN011	TRẦN TUẤN ANH	Nam	22/05/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	8.4	8.5					16.9	0	0	16.9
XN012	HÀ THỊ MINH TRANG	Nữ	07/04/2007	HUYỆN MAI CHÂU, HÒA BÌNH		7.5				8.2	15.7	0.75	0	16.45
XN013	ĐÀO TUẤN MINH	Nam	17/11/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.5	8.1					16.6	0	0	16.6
XN014	NGUYỄN CHÍ PHƯƠNG ANH	Nữ	07/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.4		9.6			17	0.25	0	17.25
XN015	NGUYỄN HOÀNG HẢI LINH	Nữ	02/11/2007	HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI			8.4			9.6	18	0	0	18
XN016	NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	28/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.8	8.8			17.6	0	0	17.6
XN017	NGUYỄN THANH TRUNG KIÊN	Nam	21/12/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.1		8.6				16.7	0	0	16.7
XN018	PHẠM HUY PHÚC	Nam	29/08/2007	QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI			7			8.6	15.6	0	0	15.6
XN019	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	25/04/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.3			8.7		17	0.25	0	17.25
XN020	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	29/06/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI				9.3	8.9		18.2	0	0	18.2
XN021	LƯU LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	10/05/2007	HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, LÀO CAI		8.6		8.2			16.8	0.75	0	17.55
XN022	HOÀNG XUÂN NAM	Nam	01/05/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9				8.9		17.9	0.25	0	18.15
XN023	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	30/03/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.7			8		15.7	0.25	0	15.95
XN024	NGUYỄN KIÊM HUY	Nam	10/11/2005	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG				8.7		8.5	17.2	0.5	0	17.7

XN025	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	18/10/2007	HUYỆN KINH MÔN, HẢI DƯƠNG	7.8			9.1			16.9	0.25	0	17.15
XN026	VŨ THUỶ LINH	Nữ	29/01/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	9				9.4		18.4	0.25	0	18.65
XN027	ĐẶNG MINH CHIẾN	Nam	16/01/1995	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI	7.1				7		14.1	0.25	0	14.35
XN028	TRẦN YẾN NHI	Nữ	10/02/2007	HUYỆN PHÚC THỌ, HÀ NỘI					7.6	7.8	15.4	0.25	0	15.65
XN029	DƯƠNG ĐÌNH ĐIẾP	Nam	11/10/2007	THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, VĨNH PHÚC				8	8.5		16.5	0.25	0	16.75
XN030	TRỊNH THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/08/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.5			8.7			17.2	0.25	0	17.45
XN031	NGUYỄN HUY ĐĂNG	Nam	24/07/2005	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				8.3		7.9	16.2	0	0	16.2
XN032	ĐỖ TIẾN DŨNG	Nam	30/11/2007	QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI			8.3		8		16.3	0	0	16.3
XN033	NGUYỄN VŨ THỦY TIỀN	Nữ	08/11/2007	HUYỆN MỸ HẠO, HƯNG YÊN		8.6				8.5	17.1	0.5	0	17.6
XN034	LÊ ĐỨC ANH	Nam	18/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				7.9		8.4	16.3	0.25	0	16.55
XN035	PHAN HUY HOÀNG HIỀN	Nam	26/06/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.6	8.3		16.9	0.25	0	17.15
XN036	BÙI NHẬT HUY	Nam	30/10/2007	QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI	8.8		8.6				17.4	0	0	17.4
XN037	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	16/10/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.4					8.2	16.6	0.25	0	16.85
XN038	VÕ THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	05/04/2007	HUYỆN HOÀI NHƠN, BÌNH ĐỊNH				8.8	8.1		16.9	0.75	0	17.65
XN039	TRẦN PHẠM VIỆT TIẾN	Nam	03/01/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	8.5			8.6			17.1	0.75	0	17.85
XN040	VŨ TUẤN AN	Nam	11/10/2007	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH	8.8				9.1		17.9	0.25	0	18.15
XN041	BÙI THỊ LINH CHI	Nữ	26/08/2007	HUYỆN TÂN LẠC, HÒA BÌNH		5.8			5.8		11.6	0.75	0	12.35
XN042	NGUYỄN NAM THÀNH	Nam	03/12/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	8.1		9.3				17.4	0	0	17.4
XN043	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	Nữ	16/12/2007	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, ĐIỆN BIÊN		8.6	8.1				16.7	0.75	0	17.45

XN044	NGUYỄN HOÀNG THỐNG NHẤT	Nam	22/06/2007	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI	8.3			9			17.3	0	0	17.3
XN045	BÙI THỊ HỒNG NGUYỆT	Nữ	26/12/2007	HUYỆN ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ	7.6			8.1			15.7	0.75	0	16.45
XN046	ĐẶNG THỊ KIỀU ANH	Nữ	20/12/2007	HUYỆN THAN UYÊN, LAI CHÂU				8.6	8.1		16.7	0.75	0	17.45
XN047	PHẠM LÊ THUÝ AN	Nữ	12/07/2007	HUYỆN CHÂU ĐỨC, BÀ RỊA - VŨNG TÀU	7.5			7.3			14.8	0.75	0	15.55
XN048	ĐỖ NGUYỄN GIA BẢO	Nam	11/03/2007	HUYỆN THÁI THUY, THÁI BÌNH	9.1					9.1	18.2	0.5	0	18.7
XN049	NGUYỄN TIẾN MINH	Nam	21/09/2007	QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI				8.1		8	16.1	0.75	0	16.85
XN050	TẶNG NGUYỄN KHÁNH CHI	Nữ	17/07/2007	QUẬN LONG BIÊN, HÀ NỘI				8.3	8		16.3	0.25	0	16.55
XN051	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	15/08/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.1				8.6	16.7	0.25	0	16.95
XN052	LƯU PHƯƠNG ANH	Nữ	24/09/2007	QUẬN LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG					9.1	9	18.1	0	0	18.1
XN053	VŨ PHƯƠNG DUNG	Nữ	23/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.4	9.7		19.1	0	0	19.1
XN054	PHÙNG PHƯƠNG LINH	Nữ	11/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8		8.6				17.4	0	0	17.4
XN055	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	Nam	09/12/2006	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI				8.3	8.7		17	0.25	0	17.25
XN056	NGÔ THỊ THÚY HIỀN	Nữ	18/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.8					9.4	18.2	0.25	0	18.45
XN057	TRẦN THỊ LINH	Nữ	02/04/2007	HUYỆN YÊN THÀNH, NGHỆ AN			9.1		9.3		18.4	0.75	0	19.15
XN058	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/07/2007	QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI					8.6	9.4	18	0	0	18
XN059	NGUYỄN THANH THÚY	Nữ	19/11/2007	HUYỆN HƯNG NGUYỄN, NGHỆ AN				7.3		8.3	15.6	0.5	0	16.1
XN060	NGÔ THÀNH NAM	Nam	11/01/2007	QUẬN LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG		8.7				8.5	17.2	0	0	17.2
XN061	VƯƠNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	21/11/2006	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI				8.6	9		17.6	0.25	0	17.85
XN062	VŨ MINH TRANG	Nữ	19/11/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		9.1			8.5		17.6	0.25	0	17.85

XN063	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	20/10/2007	HUYỆN HIỆP HÒA, BẮC GIANG		8.5		8.5			17	0.5	0	17.5
XN064	VI THÙY TRÂM	Nữ	16/05/2007	THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN	8.7			9			17.7	0.25	0	17.95
XN065	HOÀNG DUY CHÍNH	Nam	07/01/2003	QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI	7.5					7.6	15.1	0	0	15.1
XN066	PHẠM CÔNG ĐỨC	Nam	08/05/2007	HUYỆN YÊN THỦY, HÒA BÌNH		7			6.8		13.8	0.75	0	14.55
XN067	ĐẶNG QUANG TRUNG	Nam	08/10/2007	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH					8.5	7.5	16	0.5	0	16.5
XN068	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	06/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	9.2				9.4		18.6	0	0	18.6
XN069	NGUYỄN ĐỨC LONG	Nam	26/11/2005	THÀNH PHỐ LAI CHÂU, LAI CHÂU	7.8	6.4					14.2	0.75	0	14.95
XN070	NGUYỄN VIỆT ANH ĐỨC	Nam	27/10/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	8.1			8.3			16.4	0.25	0	16.65
XN071	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	29/11/2007	PHƯỜNG HẠC THÀNH, THANH HOÁ	8.4			8.9			17.3	0.25	0	17.55
XN072	LÊ THỊ NGỌC MỸ	Nữ	07/09/2007	XÃ BẢO LÂM 1, LÂM ĐỒNG	8.2					7.5	15.7	0.75	0	16.45
XN073	TẠ QUANG MINH	Nam	29/04/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	8.5			8.3			16.8	0.25	0	17.05
XN074	VŨ DUY KHÁNH	Nam	07/11/2007	CỔ LỄ, NINH BÌNH			7.6	8.2			15.8	0.5	0	16.3
XN075	PHẠM HÀ PHƯƠNG TRANG	Nữ	24/12/2007	THỊ TRẤN MAI CHÂU, HUYỆN MAI CHÂU, HÒA BÌNH			8.4			8.2	16.6	0.75	0	17.35
XN077	ĐINH THỊ DIỆU CHÂU	Nữ	12/11/2007	PHƯỜNG LONG KHÁNH, ĐỒNG NAI		7.3		8.3			15.6	0.25	0	15.85
XN078	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	17/01/2007	XÃ BẮT BẠT, HÀ NỘI	8.1				9.1		17.2	0.25	0	17.45
XN079	HOÀNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	21/01/2007	XÃ THÔNG NÔNG, CAO BẰNG		6.7	7.6				14.3	0.75	0	15.05
XN080	NGUYỄN KHẮC TÙNG	Nam	23/06/2007	XÃ CÁT QUẾ, HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		7.6				7.9	15.5	0.25	0	15.75
XN100	LỤC ANH THƯ	Nữ	08/11/2007	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	9				9.1		18.1	0.25	0	18.35
XN102	NGUYỄN QUANG LINH	Nam	25/06/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		7.7			7.8		15.5	0.25	0	15.75

YHCT001	LƯU CHÍ BẢO	Nam	06/09/2006	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG			8.2			7.5	15.7	0.5	0	16.2
YHCT002	LÝ MAI ANH	Nữ	22/03/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9		9.2	18.2	0	0	18.2
YHCT003	SÙNG A PHÁO	Nam	26/07/2005	HUYỆN SA PA, LÀO CAI			8	7.5			15.5	0.75	0	16.25
YHCT004	NGUYỄN HỮU NGHỊ	Nam	31/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.1				8.7		17.8	0.25	0	18.05
YHCT005	HÀ HỮU VĂN	Nam	09/11/2007	HUYỆN HOÀI NHƠN, BÌNH ĐỊNH	8.4					8.1	16.5	0.5	0	17
YHCT006	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	18/04/2007	HUYỆN SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG	6.4			6.5			12.9	0.75	0	13.65
YHCT007	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	06/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.2		9.1				17.3	0	0	17.3
YHCT008	PHẠM GIA BẢO	Nữ	11/04/2007	HUYỆN LÝ NHÂN, HÀ NAM			7.8			7.6	15.4	0.5	0	15.9
YHCT009	NGUYỄN VĨNH ĐỨC	Nam	04/01/2004	HUYỆN YÊN THÀNH, NGHỆ AN	7.4			7			14.4	0.5	0	14.9
YHCT010	NGUYỄN BẮC HẢI ĐĂNG	Nam	23/11/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		6.9		7.7			14.6	0	0	14.6
YHCT011	LÊ LAN LY	Nữ	16/07/1986	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI	7.6		8				15.6	0	0	15.6
YHCT012	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	29/08/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	9.2				8.8		18	0.25	0	18.25
YHCT013	PHẠM TUẤN VIỆT	Nam	16/06/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI	5.6	7.2					12.8	0	0	12.8
YHCT014	NGUYỄN THỊ HỒNG GIANG	Nữ	22/12/2007	HUYỆN TÂY HÒA, PHÚ YÊN				8.3	9.4		17.7	0.5	0	18.2
YHCT015	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	02/01/2006	HUYỆN YÊN MINH, HÀ GIANG		7.4		7.9			15.3	0.75	0	16.05
YHCT016	NGUYỄN THỊ TOAN	Nữ	24/08/1981	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	7.2					6.6	13.8	0.25	0	14.05
YHCT017	ĐẶNG TIẾN MINH	Nam	18/04/2007	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI					8.5	8.6	17.1	0	0	17.1
YHCT018	QUÁCH HIẾU THẢO	Nữ	04/12/2007	HUYỆN KIM BÔI, HÒA BÌNH				8.2		7.8	16	0.75	0	16.75
YHCT019	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	13/02/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI		8	8.1				16.1	0.25	0	16.35

YHCT020	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	01/11/2007	THỊ XÃ TỪ SƠN, BẮC NINH					8.5	8.1	16.6	0.25	0	16.85
YHCT021	PHẠM VĂN HUYNH	Nam	01/06/2004	HUYỆN NGỌC LẶC, THANH HOÁ	8.6	8.1					16.7	0.75	0	17.45
YHCT023	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	29/10/2000	HUYỆN KIẾN XƯƠNG, THÁI BÌNH	7.5			7.8			15.3	0.5	0	15.8
YHCT024	NGUYỄN PHÚ QUÂN	Nam	27/10/2005	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.2			8.2			16.4	0.25	0	16.65
YHCT025	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	24/01/1991	HUYỆN THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG	5.2				5.3		10.5	0.25	0	10.75
YHCT026	NGUYỄN KHẮC HƯNG HẢI	Nam	04/12/2003	HUYỆN VĂN LÂM, HƯNG YÊN	7.5			8.6			16.1	0.75	0	16.85
YHCT027	BÙI THỊ NHUNG	Nữ	18/08/2006	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH		7.7			7.9		15.6	0.75	0	16.35
YHCT028	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	Nam	12/03/2003	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.3		8.2				16.5	0.25	0	16.75
YHCT029	PHẠM ANH THƯ	Nữ	20/09/2007	HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH	8.5	8.2					16.7	0.25	0	16.95
YHCT031	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	11/08/2007	HUYỆN ĐÔNG SƠN, THANH HOÁ	8.3			8.6			16.9	0.25	0	17.15
YHCT032	CHU PHƯƠNG OANH	Nữ	05/10/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI	8.3		8.8				17.1	0.5	0	17.6
YHCT033	ĐỖ BẢO KIÊN	Nam	08/01/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA	7.6			7.3			14.9	0.75	0	15.65
YHCT034	TRẦN THIỆN DUY	Nam	21/10/2007	HUYỆN HÀM YÊN, TUYÊN QUANG			9.1	8.8			17.9	0.75	0	18.65
YHCT035	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	27/04/2007	HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		7.9	8.2				16.1	0.25	0	16.35
YHCT036	BẠCH BÁ BẢO	Nam	23/08/2007	HUYỆN LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.3	6					12.3	0.75	0	13.05
YHCT037	BÙI KHẮC HIỆP	Nam	31/05/2004	HUYỆN NHO QUAN, NINH BÌNH				6.1	6.5		12.6	0	0	12.6
YHCT038	VŨ TRƯỜNG THỊNH	Nam	09/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.2				7.4	15.6	0.5	0	16.1
YHCT039	LÊ HUY DU	Nam	10/01/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.8	7.7					15.5	0.25	0	15.75
YHCT041	ĐỖ ANH TÚ	Nam	23/03/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.1		6.5				13.6	0.25	0	13.85

YHCT042	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	17/06/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8.6				6.4	15	0.75	0	15.75
YHCT043	NGÔ THỊ NGÂN	Nữ	10/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.1					8.9	18	0.25	0	18.25
YHCT044	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	22/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.4				8.6	17	0.25	0	17.25
YHCT045	NGUYỄN TRẦN NAM PHƯƠNG	Nữ	23/10/2006	QUẬN GÒ VẤP, TP HỒ CHÍ MINH	8.9			9.4			18.3	0	0	18.3
YHCT046	VI THÙY TRÂM	Nữ	16/05/2007	THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN	8.7			9			17.7	0.25	0	17.95
YHCT047	LƯU HẢI YẾN	Nữ	29/10/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI				9.1	8.9		18	0	0	18
YHCT049	TRẦN HỒNG QUÂN	Nam	13/12/2007	KIẾN HƯNG, HÀ NỘI				9.2	9		18.2	0	0	18.2
YHCT051	NGUYỄN THỊ VIÊN	Nữ	21/11/2007	LIÊN MINH, HÀ NỘI	9.9			9.9			19.8	0.25	0	20.05
YHCT052	HÀ VIỆT HOÀNG	Nam	03/10/2005	XÃ QUANG HUY, HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA	8			8.3			16.3	0.75	0	17.05
YHCT053	TRỊNH HOÀI THU	Nữ	09/06/2007	SUỐI HAI, HÀ NỘI		9	8.8				17.8	0.75	0	18.55
YHCT054	NGUYỄN AN KHÁNH	Nam	20/08/2007	PHƯỜNG NGUYỄN ÚY, NINH BÌNH				9.6	8.7		18.3	0.5	0	18.8
YHCT055	LÊ THỊ HUYỀN THƯƠNG	Nữ	30/09/2007	THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN				8.6	8.4		17	0.25	0	17.25
YHCT056	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	30/09/2007	HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG	7.8			8.3			16.1	0.5	0	16.6
YHCT082	VŨ THỊ ANH	Nữ	24/01/1996	HUYỆN THANH LIÊM, HÀ NAM	7.1				8.3		15.4	0.5	0	15.9
YHCT083	NGUYỄN HOÀNG BẢO DƯƠNG	Nam	24/02/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.8				8.8		17.6	0	0	17.6
YS001	PHẠM ANH TUẤN	Nam	02/10/2006	THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, QUẢNG NINH			7.1	7			14.1	0.25	0	14.35
YS002	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	Nam	12/03/2003	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.3		8.2				16.5	0.25	0	16.75
YS003	PHẠM VĂN TRUNG	Nam	14/08/2004	HUYỆN YÊN LẠC, VĨNH PHÚC					6.6	7	13.6	0.5	0	14.1
YS004	TRẦN DUY SƠN	Nam	27/07/2002	HUYỆN BÌNH XUYỀN, VĨNH PHÚC	7.3				7.3		14.6	0.5	0	15.1

YS005	PHẠM HOÀNG THÁI DOÃN	Nam	12/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.6	8.1				15.7	0	0	15.7
YS006	PHAN THỊ KHÁNH LY	Nữ	05/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4		8.9				17.3	0	0	17.3
YS007	TRƯƠNG VŨ MINH PHƯƠNG	Nữ	05/10/2003	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI		7.7	7.1				14.8	0.25	0	15.05
YS008	NGUYỄN VĂN QUYẾT	Nam	28/06/2004	HUYỆN THẠCH HÀ, HÀ TĨNH	7.4			7.5			14.9	0.5	0	15.4
YS009	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	31/08/2006	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	7.5	7.1					14.6	0.25	0	14.85
YS010	TÀO THỊ THU HẰNG	Nữ	20/06/1997	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI	8.9			9.3			18.2	0	0	18.2
YS012	NGUYỄN AN HẢI	Nữ	23/04/2005	QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH	8		7.5				15.5	0	0	15.5
YS013	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	10/03/2006	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH		9				8.4	17.4	0.5	0	17.9
YS014	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	28/07/2006	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI					7.9	8.4	16.3	0.5	0	16.8
YS015	NGUYỄN THỊ LAM	Nam	14/03/2005	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.1	7.9					16	0.25	0	16.25
YS016	LÂM THÙY DUYÊN	Nữ	07/12/2007	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TUYẾN QUANG	7.7			8.4			16.1	0.75	0	16.85
YS017	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	Nữ	04/09/2005	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.3		9.4	18.7	0.25	0	18.95
YS018	PHAN THỊ QUỲNH GIANG	Nữ	13/09/2005	HUYỆN YÊN LẬP, PHÚ THỌ					5.7	6.6	12.3	0.75	0	13.05
YS019	TRẦN TUẤN ANH	Nam	22/05/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	8.4	8.5					16.9	0	0	16.9
YS020	PHẠM THỊ NGÂN	Nữ	06/11/2005	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.1		9.1	18.2	0.25	0	18.45
YS021	BÙI THỊ PHƯƠNG THUY	Nữ	17/11/2006	HUYỆN NHO QUAN, NINH BÌNH				8.7	8		16.7	0.75	0	17.45
YS022	ĐÀO MAI LINH	Nữ	17/04/2006	HUYỆN LẬP THẠCH, VĨNH PHÚC	8	8.4					16.4	0.75	0	17.15
YS023	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	21/10/2004	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				7.5	7.5		15	0.25	0	15.25
YS024	LÊ THỊ THUỶ DUNG	Nữ	04/04/2000	HUYỆN ĐẮK MIL, ĐẮK NÔNG	7.7				8.8		16.5	0.75	0	17.25

YS025	LÊ VŨ LƯƠNG	Nam	07/11/2004	THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, QUẢNG NINH	8.6			8.4			17	0.75	0	17.75
YS026	VŨ THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	23/03/2002	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				8.2		7.8	16	0.25	0	16.25
YS027	LƯƠNG THÚY KIỀU	Nữ	18/12/2007	HUYỆN LANG CHÁNH, THANH HOÁ	8.7	7.7					16.4	0.25	0	16.65
YS028	ĐẶNG TRÀ GIANG	Nữ	15/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.4	8.8					17.2	0.25	0	17.45
YS029	LÊ THỊ ÁNH DƯƠNG	Nữ	18/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.6				9.2	17.8	0	0	17.8
YS030	PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	22/07/2006	HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, NAM ĐỊNH	7.4	7.4					14.8	0.5	0	15.3
YS031	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	Nữ	10/10/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.8		8.8				17.6	0.25	0	17.85
YS032	NGUYỄN THANH THUỖ	Nữ	24/03/2007	HUYỆN BÌNH XUYỀN, VĨNH PHÚC				7.9		8.3	16.2	0.5	0	16.7
YS033	NGUYỄN HỮU NGHỊ	Nam	31/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.1	9					18.1	0.25	0	18.35
YS034	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/08/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.3	8.3					17.6	0.25	0	17.85
YS035	LẠI TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	21/02/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	7.2	8.6					15.8	0	0	15.8
YS036	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	25/04/2007	HUYỆN TÂN YÊN, BẮC GIANG	7.1	8.4					15.5	0.75	0	16.25
YS037	TRẦN THỊ LỆ	Nữ	04/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	9.1	8					17.1	0.25	0	17.35
YS038	NGUYỄN HẢI LINH	Nữ	08/07/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI				9.6	8.4		18	0.25	0	18.25
YS039	HOÀNG ĐỨC HƯNG	Nam	23/08/2005	HUYỆN YÊN THẾ, BẮC GIANG				7.8		7.1	14.9	0.75	0	15.65
YS040	NGÔ BÁ HẢI	Nam	16/06/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI		8.7				9.4	18.1	0.25	0	18.35
YS041	BÙI XUÂN MAI	Nữ	04/06/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI				8.6	8.1		16.7	0	0	16.7
YS042	TRẦN PHƯƠNG HOA	Nữ	15/12/2004	HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH					7.4	7.4	14.8	0.75	0	15.55
YS043	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG AN	Nam	30/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.2	9.2	18.4	0.25	0	18.65

YS044	PHẠM THÀNH NAM	Nam	25/11/2006	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3	8					16.3	0.25	0	16.55
YS045	HOÀNG AN	Nam	30/09/2007	THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, HÀ BÌNH		8.1				8.6	16.7	0.75	0	17.45
YS046	PHẠM HƯƠNG LAN	Nữ	08/07/2007	HUYỆN HOẰNG HÓA, THANH HOÁ		9.1	7.8				16.9	0.5	0	17.4
YS047	BẠCH XUÂN MAI	Nữ	14/08/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.3		9			17.3	0	0	17.3
YS048	PHƯƠNG ANH TÀI	Nam	13/11/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI		9	9.5				18.5	0.25	0	18.75
YS049	PHẠM VĂN DUY	Nam	18/07/1985	HUYỆN THANH MIỆN, HẢI DƯƠNG	6.4				6.5		12.9	0.5	0	13.4
YS051	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	15/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9		9.2	18.2	0.25	0	18.45
YS052	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	28/10/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.3				9.6		18.9	0.25	0	19.15
YS053	MAI THỊ QUỲNH NHI	Nữ	28/04/2007	HUYỆN TĨNH GIA, THANH HOÁ	8.7	7.8					16.5	0.75	0	17.25
YS055	NÔNG KHÁNH HOÀ	Nam	04/11/2004	THÀNH PHỐ CAO BẰNG, CAO BẰNG	7.7	8					15.7	0.75	0	16.45
YS056	NGUYỄN HOÀI AN	Nữ	03/07/2007	HUYỆN YÊN CHÂU, SƠN LA		8.3				7.5	15.8	0.75	0	16.55
YS057	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	26/09/1992	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8			7.4			15.4	0.75	0	16.15
YS058	NGUYỄN TIẾN HÀ	Nam	25/02/1998	HUYỆN QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH	8.4				8		16.4	0.5	0	16.9
YS060	NGUYỄN THỊ HẢO	Nữ	05/05/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	7.7	7.9					15.6	0.25	0	15.85
YS061	TRƯƠNG THỊ DIỆU LY	Nữ	15/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.4	9.3		18.7	0.25	0	18.95
YS062	ĐÀO ANH VŨ	Nam	18/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4					9.1	17.5	0.75	0	18.25
YS063	ĐỖ VĂN ANH TUẤN	Nam	18/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.2	8.4		17.6	0.25	0	17.85
YS064	NGUYỄN THUỖ ANH	Nữ	29/01/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.6					8.7	17.3	0.25	0	17.55
YS065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	06/04/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8	8					16	0.25	0	16.25

YS066	NGUYỄN VĂN THĂNG	Nam	24/05/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.6	8.5					16.1	0.25	0	16.35
YS067	VŨ THỊ MỸ DUNG	Nữ	01/10/2004	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.9	7.7					15.6	0.25	0	15.85
YS068	LÊ BẢO ANH	Nữ	14/09/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI				8.3	8.8		17.1	0	0	17.1
YS069	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	12/02/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8.6	6.9				15.5	0.75	0	16.25
YS070	LÊ ĐỨC ANH	Nam	19/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			9.2		9.2		18.4	0	0	18.4
YS071	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	17/06/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8.6	6.7				15.3	0.75	0	16.05
YS072	ĐẶNG HÀ VY	Nữ	16/06/2007	HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH	7.3	7.8					15.1	0.5	0	15.6
YS073	BÙI HOÀNG KIM NGÂN	Nữ	19/09/2006	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.2	8.9					18.1	0.25	0	18.35
YS074	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	28/02/2007	HUYỆN THANH HÀ, HẢI DƯƠNG	7.2				7.4		14.6	0.5	0	15.1
YS075	LƯƠNG THỊ THU THỦY	Nữ	30/07/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8.3				8.6	16.9	0.25	0	17.15
YS076	TRẦN HUY HẢI ĐĂNG	Nam	02/02/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI			7.9		7.8		15.7	0.25	0	15.95
YS078	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	17/12/2007	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	8.9				9.4		18.3	0	0	18.3
YS079	NGUYỄN THỊ DIỄM	Nữ	01/08/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.4	8.2					15.6	0.25	0	15.85
YS080	NGUYỄN THUY NGÀ	Nam	17/01/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8	8.4					16.4	0.25	0	16.65
YS081	ĐẶNG THỊ MINH ANH	Nữ	24/09/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.5	8.6				17.1	0.25	0	17.35
YS082	PHẠM PHƯƠNG NHI	Nữ	18/01/2007	QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI			7.7			8.6	16.3	0	0	16.3
YS083	TRẦN THỊ THU TRÀ	Nữ	30/09/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.6		9.1				17.7	0.25	0	17.95
YS084	NGUYỄN MINH CHI	Nữ	17/07/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI				9.1	9.1		18.2	0.25	0	18.45
YS085	NGUYỄN BẮC NINH	Nam	07/05/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			9.4			9.3	18.7	0	0	18.7

YS086	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	12/01/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.7					9	17.7	0.25	0	17.95
YS087	PHẠM THUỶ TRANG	Nữ	29/10/2005	HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI				6.6		6.7	13.3	0.75	0	14.05
YS088	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nam	30/01/2007	HUYỆN EA KAR, ĐẮK LẮK					8.3	8.5	16.8	0.75	0	17.55
YS089	ĐOÀN THỊ DIỆU LINH CHI	Nữ	14/09/2007	HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH				8.1	7.2		15.3	0.5	0	15.8
YS090	TRẦN THẢO HIỀN	Nữ	15/10/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0	0	16.5
YS091	TRẦN ĐẶNG AN HẢI	Nam	11/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.8	7.7					15.5	0.25	0	15.75
YS092	TRỊNH VIỆT BÁCH	Nam	25/10/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.8				9.1		17.9	0.25	0	18.15
YS093	NGÔ DUY KHÁNH	Nam	10/01/2007	HUYỆN SÓC SƠN, HÀ NỘI	8.5	8.2					16.7	0.25	0	16.95
YS094	LÊ THỊ THANH TRÀ	Nữ	27/07/2007	HUYỆN ĐÔNG SƠN, THANH HOÁ		8.3	8.6				16.9	0.5	0	17.4
YS095	BÙI NGỌC LINH	Nữ	22/07/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.3		8.5			16.8	0.25	0	17.05
YS096	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	10/02/2006	HUYỆN MINH HÓA, QUẢNG BÌNH	7.5				7.5		15	0.75	0	15.75
YS097	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	06/07/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.2		9.1				17.3	0	0	17.3
YS098	NGÔ THU TRANG	Nữ	14/01/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI			8.2		8.1		16.3	0	0	16.3
YS099	LƯU VIỆT HOÀNG	Nam	29/04/2007	HUYỆN VĨNH TƯỜNG, VĨNH PHÚC	7.3			6.8			14.1	0.5	0	14.6
YS100	PHẠM HÀ ANH	Nữ	29/06/2006	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.3	8.6		16.9	0	0	16.9
YS101	TRẦN THIỆN DUY	Nam	21/10/2007	HUYỆN HÀM YÊN, TUYÊN QUANG			9.1	8.8			17.9	0.75	0	18.65
YS102	LÊ VĂN TÔN	Nam	01/09/1992	HUYỆN VIỆT YÊN, BẮC GIANG	7				7.2		14.2	0.5	0	14.7
YS103	DƯƠNG QUỲNH CHI	Nữ	25/03/2007	HUYỆN ÂN THỊ, HƯNG YÊN				8.4	8.6		17	0.5	0	17.5
YS104	BÙI VĂN DŨNG	Nam	21/09/2005	HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI	5.3	5.8					11.1	0.75	0	11.85

YS105	NGUYỄN LÊ HÀ LINH	Nữ	22/09/2007	QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI		7.1				8	15.1	0	0	15.1
YS106	HOÀNG VĂN DUY	Nam	02/01/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.6	7.7					16.3	0.25	0	16.55
YS107	DƯƠNG DIỆU KHANH	Nữ	10/04/2007	HUYỆN BẮC SƠN, LẠNG SƠN	8.1			8.4			16.5	0.75	0	17.25
YS108	TRƯƠNG TẤN THÀNH	Nam	13/10/2007	HUYỆN YÊN MỸ, HƯNG YÊN	8			7.9			15.9	0.5	0	16.4
YS109	NGÔ BẢO KHANH	Nữ	19/11/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH		7.3	7.5				14.8	0	0	14.8
YS110	NGÔ TRỌNG HIẾU	Nam	28/11/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI			8			8	16	0	0	16
YS111	VŨ ANH TUẤN	Nam	19/08/2007	HUYỆN THẠCH THÀNH, THANH HOÁ		7.5			7.7		15.2	0.75	0	15.95
YS112	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	03/06/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.6	8.7		17.3	0.25	0	17.55
YS113	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	06/07/2007	HUYỆN CHƯƠng MỸ, HÀ NỘI	8.4	8.1					16.5	0.25	0	16.75
YS114	NÔNG THUỖ TRANG	Nữ	28/04/2007	HUYỆN CAO LỘC, LẠNG SƠN	7.2	8.1					15.3	0.75	0	16.05
YS115	NGUYỄN MAI TRANG	Nữ	08/01/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	9.3					9.5	18.8	0.25	0	19.05
YS116	LÊ THỊ NGỌC ANH	Nữ	09/10/2007	HUYỆN BẮC HÀ, LÀO CAI				8.7		8.4	17.1	0.75	0	17.85
YS117	TẠ THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	03/06/2007	THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH	8	8.2					16.2	0.25	0	16.45
YS118	ĐINH THỊ MỸ HẢO	Nữ	29/12/2005	HUYỆN THANH SƠN, PHÚ THỌ	7.9				9.7		17.6	0.25	0	17.85
YS119	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	11/08/2007	THÀNH PHỐ THANH HÓA, THANH HOÁ	8.3			8.6			16.9	0.25	0	17.15
YS120	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	02/09/2007	HUYỆN THANH CHƯƠng, NGHỆ AN				7.6	7.9		15.5	0.5	0	16
YS121	PHAN THỊ TRANG	Nữ	23/09/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.9	8.1	17	0.25	0	17.25
YS122	RƠ CHÂM LIỆP	Nữ	30/03/2007	HUYỆN IA GRAI, GIA LAI		8		7.5			15.5	0.75	0	16.25
YS123	VŨ THỊ THỦY TIỀN	Nữ	04/02/2005	HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	8.9				8.8		17.7	0.5	0	18.2

YS124	ĐỖ NGỌC THẢO PHƯƠNG	Nữ	27/10/2007	QUẬN CẦU GIẤY, HÀ NỘI	7.3	7.3					14.6	0	0	14.6
YS125	NGUYỄN THỊ THUÝ HẬU	Nữ	14/07/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH		8.7				8.3	17	0.5	0	17.5
YS126	ĐỖ THỊ THUỠ LINH	Nữ	15/11/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	7.7			8.9			16.6	0.25	0	16.85
YS127	ĐỖ NGUYỄN GIA BẢO	Nam	11/03/2007	HUYỆN THÁI THUY, THÁI BÌNH	9.1					9.1	18.2	0.5	0	18.7
YS128	VŨ THANH LOAN	Nữ	07/07/2007	QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI					9.7	9.2	18.9	0	0	18.9
YS129	CHU PHƯƠNG OANH	Nữ	05/10/2007	HUYỆN THẠCH THẤT, HÀ NỘI	8.3		8.8				17.1	0.25	0	17.35
YS130	LÊ NGỌC LAN	Nữ	27/06/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.3	9					17.3	0.25	0	17.55
YS131	LÊ KIM ANH	Nữ	02/12/2007	THÀNH PHỐ BẮC NINH, BẮC NINH	8.6	8.9					17.5	0.25	0	17.75
YS132	NGUYỄN LÊ BẢO CHÂU	Nữ	02/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		7.8	8				15.8	0.25	0	16.05
YS133	NGUYỄN DANH HUY	Nam	24/11/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	6.9					6.9	13.8	0.25	0	14.05
YS134	ĐỖ THU TRANG	Nữ	14/12/2007	QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.9	9.4		19.3	0	0	19.3
YS135	PHẠM TUẤN ANH	Nam	10/11/2007	HUYỆN SÌN HỒ, LAI CHÂU				8.6	7.9		16.5	0.25	0	16.75
YS136	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	02/05/2007	HUYỆN HẠ HÒA, PHÚ THỌ				8.6		8	16.6	0.5	0	17.1
YS137	ĐINH THỊ HUỆ ANH	Nữ	15/11/2007	HUYỆN HIỆP HÒA, BẮC GIANG	8.8			8.7			17.5	0.5	0	18
YS138	TÔ ĐỨC LƯƠNG	Nam	30/10/2003	QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI				8.1		8.3	16.4	0	0	16.4
YS139	LƯƠNG THỊ TRANG	Nữ	12/06/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.8				8.8		16.6	0.25	0	16.85
YS140	QUÁCH NGỌC ÁNH	Nữ	09/02/2007	HUYỆN NHO QUAN, NINH BÌNH		8.2			7.7		15.9	0.75	0	16.65
YS141	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	06/09/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI		8.5		8.4			16.9	0.75	0	17.65
YS142	BÙI NGỌC DIỆP	Nữ	30/06/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI				9.2	8.3		17.5	0.25	0	17.75

YS143	NGUYỄN QUANG MẠNH LINH	Nam	30/11/2007	HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI				8.4	7.8		16.2	0	0	16.2
YS144	ĐỖ CÔNG TUYẾN	Nam	10/08/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.5		9.1	18.6	0.25	0	18.85
YS145	TÔ ĐỨC LƯƠNG	Nam	30/10/2003	HUYỆN TỪ LIÊM, HÀ NỘI				8.1		8.3	16.4	0	0	16.4
YS146	NGUYỄN THỊ THƯƠNG HOÀI	Nữ	18/02/1999	HUYỆN ĐẮK SONG, ĐẮK NÔNG			6.8	6.4			13.2	0.75	0	13.95
YS147	VŨ QUỐC ĐẠT	Nam	11/12/2006	QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI	7.2	7.6					14.8	0	0	14.8
YS148	VŨ YẾN NGỌC	Nữ	14/06/2007	HUYỆN LÂM BÌNH, TUYẾN QUANG	6.1	6.8					12.9	0.75	0	13.65
YS149	MA PHÚC VIỆT THANH	Nữ	01/07/2007	HUYỆN LÂM BÌNH, TUYẾN QUANG	6.7	6.8					13.5	0.75	0	14.25
YS150	ĐỖ TRUNG THÀNH	Nam	19/06/2007	HUYỆN THANH TRÌ, HÀ NỘI	8					8.4	16.4	0.25	0	16.65
YS151	NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	22/12/2004	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI				8.2	8		16.2	0.25	0	16.45
YS152	NGUYỄN GIANG HƯƠNG	Nữ	27/03/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI	9.3					9.7	19	0.25	0	19.25
YS153	DƯƠNG THỊ THUỶ CHINH	Nữ	05/06/2006	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH	7.5	7.8					15.3	0.5	0	15.8
YS154	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nữ	23/09/2007	HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	9.5				9.3		18.8	0.25	0	19.05
YS155	PHẠM CHÍ VỸ	Nam	03/11/2007	HUYỆN KIẾN THUY, HẢI PHÒNG					8.7	8.2	16.9	0	0	16.9
YS156	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	08/01/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.8		7.8			15.6	0.25	0	15.85
YS157	NGUYỄN SỸ LONG NHẬT	Nam	11/08/2007	HUYỆN TIÊN DU, BẮC NINH	8.1					8.2	16.3	0.5	0	16.8
YS159	VŨ THỊ LOAN	Nữ	01/04/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH				8.5	8		16.5	0.5	0	17
YS160	PHẠM THỊ NGỌC MAI	Nữ	03/01/2007	HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH	8.5					8.5	17	0.5	0	17.5
YS161	NGUYỄN ÁNH NGỌC	Nữ	04/08/2007	THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, QUẢNG NINH		8.1	8.6				16.7	0.25	0	16.95
YS162	PHẠM YẾN NHI	Nữ	28/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.3	8.9					17.2	0.25	0	17.45

YS163	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	07/03/2007	HUYỆN CHI LĂNG, LẠNG SƠN	8.2			7.9			16.1	0.75	0	16.85
YS164	HỨA THỊ NĂM	Nữ	02/02/2004	HUYỆN CHI LĂNG, LẠNG SƠN		7.8		8			15.8	0.75	0	16.55
YS165	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	14/03/2007	HUYỆN VĂN GIANG, HƯNG YÊN	7.8	7.9					15.7	0.5	0	16.2
YS166	TRẦN THỊ KIỀU VY	Nữ	03/09/2007	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	7.8	7.9					15.7	0.25	0	15.95
YS167	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	Nữ	22/02/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				7.9		8	15.9	0.25	0	16.15
YS168	ĐỖ THỊ THUỖ MY	Nữ	13/05/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4	8.6					17	0.25	0	17.25
YS169	VŨ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	24/09/2007	THÀNH PHỐ SƠN LA, SƠN LA	7.5	7.2					14.7	0.75	0	15.45
YS170	VI THỊ NGỌC DUNG	Nữ	03/07/2007	HUYỆN CAO LỘC, LẠNG SƠN	8	8					16	0.75	0	16.75
YS172	NGUYỄN HẢI TUẤN	Nam	04/06/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.7		9			17.7	0.25	0	17.95
YS173	LÊ TUẤN KIẾT	Nam	29/05/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.3		8.2				16.5	0.25	0	16.75
YS174	NGÔ THỊ NGỌC MAI	Nữ	11/04/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI	8.8	8.8					17.6	0.25	0	17.85
YS175	NGUYỄN BÁ TOÀN	Nam	21/09/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		7.9				8.4	16.3	0.25	0	16.55
YS176	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	12/01/2007	HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI				8.6	8.6		17.2	0.75	0	17.95
YS177	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	29/07/2007	HUYỆN YÊN THỦY, HÒA BÌNH		7.2		7.7			14.9	0.75	0	15.65
YS178	ĐỖ BẢO KIÊN	Nam	08/01/2007	HUYỆN PHÙ YÊN, SƠN LA	7.6			7.3			14.9	0.75	0	15.65
YS179	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	20/03/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9				9		18	0.25	0	18.25
YS180	ĐẶNG THÀNH LONG	Nam	22/12/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9		8.2	17.2	0	0	17.2
YS181	TRẦN VIỆT THẢO	Nam	09/12/2007	HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG			8.7		7.6		16.3	0.25	0	16.55
YS182	NGUYỄN VĂN THỊNH	Nam	23/05/2005	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.2	9		18.2	0	0	18.2

YS183	TẶNG VĂN THÀNH	Nam	20/03/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI		8.7			8.2		16.9	0.25	0	17.15
YS184	LÊ THU AN	Nữ	07/09/2007	QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI	8.2	8.9					17.1	0	0	17.1
YS185	PHAN THẢO NGUYỄN	Nữ	15/12/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	9.3	9.2					18.5	0.25	0	18.75
YS186	BÙI THỊ DIỄM	Nữ	07/02/2007	HUYỆN QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH	8.4	8.3					16.7	0.5	0	17.2
YS187	NGUYỄN THUỖ DƯƠNG	Nữ	16/11/2007	THÀNH PHỐ VINH YÊN, VĨNH PHÚC		8.4		8.2			16.6	0.25	0	16.85
YS188	BÙI THỊ VẦN	Nữ	05/10/2000	HUYỆN LẠC SƠN, HÒA BÌNH	7.4			7.5			14.9	0.75	0	15.65
YS189	NGUYỄN DOÃN TRUNG	Nam	18/07/2007	HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI					8.5	8.2	16.7	0	0	16.7
YS190	NGUYỄN ĐỨC BẮC	Nam	18/04/2007	HUYỆN QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH	8	7.1					15.1	0.5	0	15.6
YS191	NGÔ THỊ NGÂN	Nữ	10/05/2007	HUYỆN ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.7				8.9	17.6	0.25	0	17.85
YS192	ĐẶNG KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	25/10/2006	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5			8.5			17	0.25	0	17.25
YS193	TRẦN QUANG TRƯỜNG	Nam	29/05/2006	HUYỆN ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH				8.1	8.3		16.4	0.5	0	16.9
YS194	LÊ THỊ THANH HÒA	Nữ	13/10/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI	9.5			9.3			18.8	0.25	0	19.05
YS195	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	05/05/2007	PHƯỜNG PHÚ LA, HÀ NỘI			9.2		9.1		18.3	0	0	18.3
YS196	BÙI THỊ HOA	Nữ	22/04/2007	XÃ ĐỒNG THỊNH, PHÚ THỌ	8.6	8					16.6	0.75	0	17.35
YS197	TẠ TRUNG HIẾU	Nam	22/10/2007	XÃ QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.5	8.2					16.7	0.25	0	16.95
YS198	NGUYỄN THỊ MINH THANH	Nữ	26/01/2007	ĐẠI HOÀNG, NINH BÌNH	8.4				8.3		16.7	0.5	0	17.2
YS199	PHAN QUỲNH ANH	Nữ	30/09/2007	PHƯỜNG TRUNG VĂN, HÀ NỘI	8.8		9.1				17.9	0	0	17.9
YS200	NGUYỄN THỊ BÍCH	Nữ	22/09/2007	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI				9.5	9.1		18.6	0.25	0	18.85
YS201	BÙI THANH TRÀ	Nữ	23/11/2007	XÃ CAO DƯƠNG, HÒA BÌNH				8.9		9.1	18	0.75	0	18.75

YS202	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	29/12/2005	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				8.8		8.8	17.6	0	0	17.6
YS203	NGUYỄN PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	07/05/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI		7.5	6.4				13.9	0.25	0	14.15
YS204	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	09/07/2007	XÃ HÙNG TIẾN, NINH BÌNH		7.2	6.6				13.8	0.5	0	14.3
YS205	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	18/06/2007	XÃ SÔNG LÔ, VĨNH PHÚC		8.8				8	16.8	0.75	0	17.55
YS206	PHẠM ANH THƯ	Nữ	12/11/2007	XÃ THAN UYÊN, LAI CHÂU				8.2	7.5		15.7	0.75	0	16.45
YS207	NGUYỄN ĐIỀU PHƯƠNG	Nữ	01/06/2007	PHƯỜNG THANH XUÂN, HÀ NỘI	9.2	9					18.2	0	0	18.2
YS208	BÙI CÔNG DUY	Nam	30/03/2007	XÃ CHIỀNG PẮN, SƠN LA		7.8	7.8				15.6	0.75	0	16.35
YS209	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	26/11/2007	PHƯỜNG TRUNG HOÀ, HÀ NỘI		7.5			7		14.5	0.75	0	15.25
YS210	PHẠM HÀ PHƯƠNG TRANG	Nữ	24/12/2007	MAI CHÂU, HÒA BÌNH			8.4			8.2	16.6	0.75	0	17.35
YS211	ĐỖ THẮNG	Nam	19/09/2007	PHƯỜNG PHÚC LA, QUẬN HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.2	8.6	17.8	0	0	17.8
YS212	MAI SỸ NAM ANH	Nam	25/01/2007	THỊ TRẤN CHÚC SƠN, HÀ NỘI	8.5					7.8	16.3	0.25	0	16.55
YS213	ĐỖ THÙY DƯƠNG	Nữ	25/04/2007	XÃ MỸ ĐỨC, HÀ NỘI				8.5	9		17.5	0.25	0	17.75
YS214	LÊ THUỶ TRANG	Nữ	12/02/2007	PHƯỜNG ĐÔNG HẢI, THANH HOÁ	8.5	8.2					16.7	0.5	0	17.2
YS215	NGUYỄN ĐẮC GIẢO	Nam	12/01/2007	PHƯỜNG XUÂN PHƯƠNG, HÀ NỘI				8.3	8.4		16.7	0	0	16.7
YS216	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	01/01/2007	XÃ HẢI LÝ, NAM ĐỊNH	6.3	6.4					12.7	0.5	0	13.2
YS217	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	09/08/2007	XÃ AN KHÁNH, HÀ NỘI	6.5	6.4					12.9	0.25	0	13.15
YS218	NGUYỄN HỒNG HẢI	Nam	01/01/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.8	7.7					15.5	0.25	0	15.75
YS219	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	15/05/2007	XÃ MỸ ĐỨC, HÀ NỘI			7.8			8.2	16	0.25	0	16.25
YS220	BÙI MAI ANH	Nữ	03/01/2007	BẮNG LUÂN, PHÚ THỌ	8.2			9.2			17.4	0.75	0	18.15

YS221	ĐỖ THU HƯƠNG	Nữ	15/08/2007	LÝ NHÂN, HÀ NAM		8				8.3	16.3	0.5	0	16.8
YS222	NGÔ HỒNG NGỌC	Nữ	17/10/2007	SÓC SƠN, HÀ NỘI					8.5	8.6	17.1	0	0	17.1
YS223	ĐỖ MINH HIẾU	Nam	08/01/2007	PHƯỜNG CỔ NHUẾ 1, HÀ NỘI	9	8.8					17.8	0	0	17.8
YS224	NGUYỄN VŨ KHÁNH LINH	Nữ	18/10/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI				8.6		8.7	17.3	0.25	0	17.55
YS225	ĐỖ ĐÌNH ĐÔNG Á	Nam	07/06/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI				8.2		7.8	16	0.25	0	16.25
YS226	NGÔ NGỌC KHÁNH	Nam	19/09/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.9	7.8					15.7	0.25	0	15.95
YS227	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	24/05/2007	QUẢNG LỘC, THANH HOÁ		8.4				8	16.4	0.75	0	17.15
YS228	HÀ KIỀU CHINH	Nữ	15/01/2007	THỊ TRẤN MỘC CHÂU, SƠN LA				7.1		7.3	14.4	0.75	0	15.15
YS256	BÙI THỊ ANH THƯ	Nữ	31/10/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.9		8.7	17.6	0.25	0	17.85
YS282	LÊ QUANG HUẤN	Nam	15/09/2007	HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5			9.1			17.6	0.25	0	17.85
YS293	NGUYỄN QUỲNH HOA	Nữ	13/07/2007	HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	9.2	7.7					16.9	0.25	0	17.15
YS294	ĐINH THỊ TUYẾT MAI	Nữ	30/08/2007	HUYỆN NHO QUAN, NINH BÌNH		7.2			7.5		14.7	0.75	0	15.45
YS307	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	06/10/2007	XÃ THƯỢNG VỰC, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		7.9		8.5			16.4	0.25	0	16.65
YS308	TRẦN HỒNG VÂN	Nữ	31/03/2007	HUYỆN YÊN THỦY, HÒA BÌNH				8.1	8		16.1	0.75	0	16.85